

PHƯƠNG ĐÔNG

nhân dịp Phật-dản :

BỘ MẶT TÔN GIÁO

NGÀY NÀY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG

1

Số **23** tháng 5 năm 1973

Nguyễn San

Số 23 tháng 5 năm 1973 — QUÝ-SỬU **PHƯƠNG ĐÔNG**

Chủ-nhiệm kiêm chủ bút : **HOÀNG-SỸ-QUÝ** — Phó chủ bút : **LƯU-TRUNG-KHẢO**

**Đặc biệt : BỘ MẶT TÔN GIÁO NGÀY
NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG**

Nội dung :

- Phương Đông có thể làm gì cho một xã hội
đương hồi tục **HOÀNH SƠN — 293**
- Phật giáo Việt Nam hiện đại : . . . **NGUYỄN ĐĂNG THỰC — 304**
- Nhìn thẳng vào tôn giáo Phật giáo
Hòa hảo **HÌNH PHƯƠNG CƯ SĨ — 310**
- Cao đài đại đạo **TRẦN XUÂN QUẾ — 315**
- Khổng giáo và thần hay hữu thần . . . **NGUYỄN VĂN THỌ — 321**
- Đạo giáo ở Việt Nam **NHẤT THANH — 339**
- Krishnamurti **HOÀNG VÚ — 347**
8. Vấn đề đặt ra cho Công giáo miền Nam . . . **ĐỖ XUÂN QUẾ — 354**
9. Đông phương khai (thơ) **LÊ QUỐC SINH — 360**
10. Từ quyền (tt) **NGUYỄN BẠT-TUY — 361**
- TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO**
- HỢP THƠ**

PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

161, Yên-Đỗ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2.094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BÁO

Mỗi số	90đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung : thêm 150đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 350đ cước phí đường thủy một năm.

AI tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm báo.

Mỗi số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.500 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.300 đ
	Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp)	:	14.000 đ
	Trang bìa mặt sau 1 màu	:	10.000 đ
	6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Xuất-bản :

Phạm-ích-Linh

Độc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lễ

Phương Đông có thể làm gì cho một xã-hội đương hồi tục?¹

Hoành-son HOANG-SỸ-QUY

Đề giải thích hiện-tượng tôn-giáo ngày nay, chúng tôi xin đưa ra hình ảnh một tu-sỹ rời đạo-y trở về cuộc sống thường. Hình ảnh ấy không còn kêu gọi nhiều tò-mò trong xã-hội nữa. Thực ra, vấn đề hồi tục của một người không còn là vấn đề, bởi lý do cả xã-hội ngày nay đã hồi tục rồi.

Tôi có ý nói, xã-hội ngày nay không còn quan-trọng-hóa cái thiêng, và không ngăn cách đền chùa, tu-viện với phố-phường bằng những bức tường và cánh cổng gỗ lim nữa. Mà đã không còn tường cổng ngăn cách, thì hồi còn chi phân biệt chùa với chợ! Như thế, một là chợ hóa thành chùa, hay, chắc hẳn hơn, là chùa đã thành chợ. Và như thế, cái Đạo đã rời bỏ nâu sông, hay, nói cho đúng hơn, quan niệm về Đạo trong xã-hội không còn tính chất phân ly đạo đời. Do đó, trong lòng của mỗi người đang có một đạo nhân rời áo đi ra. Và bây giờ, các bạn đã rõ tại sao tôi dùng tiếng *Hồi tục* để biểu-thị ý-thức về đạo của xã-hội ngày nay, động thời đề dịch chữ SÉCULARISATION của Tây-phương.

Ý-NGHĨA VÀ DIỄN-TIẾN CỦA SỰ HỒI TỤC BÊN ÂU-CHÂU

Ngày nay, người Tây-phương, hay, nói cho đúng hơn, người Ky-tô-giáo Tây-phương nói rất nhiều đến vấn đề "sécularisation". Thực ra, "Sécularisation", mà chúng ta dịch là Hồi tục, là một ý-niệm phát-sinh từ trong Ky-tô giáo Tây-phương. Vậy, để hiểu nó, chúng ta cần phải đặt mình vào bối cảnh lịch-sử của Ky-tô-giáo Tây-phương.

Trong thời khai nguyên Ky-tô-giáo, lắm khi chính-trị cũng được đưa vào tôn-giáo khi người ta nại đến Cựu ước (vốn không mấy phân biệt quyền đạo và quyền đời) để hợp-thức-hóa việc chính quyền dùng bạo lực đối phó với những phe ly-giáo và lạc-giáo. Càng ngày, đạo càng liên hệ mật thiết với quốc-gia, và tôn-giáo đã đi vào mọi lãnh vực giáo-dục, kinh-tế, v.v... Nhưng rồi những sáng kiến về phía hàng giáo-phẩm để phân biệt giáo-sĩ với giáo-dân (laic) đã kiến tạo nên một xã-hội giáo-dân riêng biệt, và phần nào giải thiêng nó. Xã-hội giáo-dân ấy là Siècle, có nghĩa là Thế tục

1. Đây là bài thuyết trình đã được đọc tại Huế và một vài nơi khác.

Vào thời Trung-cổ, dân chúng ý-thức mạnh về một thứ trật-tự do Thiên-Chúa quan phòng và sắp đặt. Trật-tự này là của thiên-nhiên, và luật xã-hội, cũng là phép vua, phải phù-hợp với trật-tự đó. Đây là một trật-tự cứng nhắc, với vị-trí, bổn phận và quyền-lợi cố-định cho mỗi người.

Trật-tự đã là của thiên-nhiên, thì lịch-sử không còn nữa, do đó tất cả những thay đổi, nhất là đổi mới, trở thành xấu xa và nghịch với trật-tự thần thánh.

Trong cái trật-tự thần thánh này, Giáo-hội chiếm một chỗ đứng tối-cao, và Giáo-hội ấy là Đức Giáo-hoàng, Hồng-y và Giám-mục. Thậm chí có người so sánh phẩm cấp trong Giáo-hội với phẩm cấp trên trời. coi phẩm cấp Giáo-hội là một với phẩm cấp trên trời đó.

Tuy thế, trong suốt lịch-sử, luôn luôn vẫn có tranh-chấp quyền-hành giữa Giáo-hoàng và vua chúa. Đức Grégoire VII (1015-1085) quyết bảo-vệ một số quyền-lợi riêng cho hàng giáo-phẩm, còn vua Henri IV (1050-1106) lại bênh vực tính-cách thần-thánh của chức vua, và quyền tối-thượng do đó của nhà vua. Tiếp theo, có Giám-mục Yvo de Ghartres (1116) đã giúp giải thiềng hoàn toàn cái ngai vua ấy khi minh chứng rằng nghi lễ phong vương chỉ có tính cách pháp-lý, chứ không phải là nhiệm tích.

Sự tranh-chấp giữa hai quyền lẫn phen gây sóng gió, đề rồi cuối cùng, người ta phải tách-biệt hẳn hai quyền. Và như thế, xã-hội Ky-tô-giáo Tây phương được xây dựng trên sự đối-lập giữa giáo-quyền và quốc-quyền. Giáo-quyền thuộc lãnh vực Đạo, còn quốc-quyền thuộc lãnh vực Tục, hay Đời. Như đã nói trên, Đời được gọi là Siècle, và Sécularisation có nghĩa là «đời-hóa», và ở giai-đoạn đầu, đó là việc chính-quyền tách biệt ra khỏi sự chi phối của quyền đạo¹.

Vào thế kỷ XV, giữa lúc Giáo-hoàng và Hoàng-đế tranh-chấp nhau, thì một khoảng trống chính-trị được tạo ra bên Ý. Thừa dịp ấy, một tiểu-quốc thuần túy « đời » mọc lên tại phía Bắc (Ý) đề tự cai-quản lấy mình, mà không cần đến «đầu xứ» phong vương. Tiếp theo, có nhiều tiểu-quốc khác cũng noi gương, và họ không còn quan-tâm đến tôn giáo trong việc trị nước nữa. Tất cả chỉ còn là lẽ phải và quyền lợi của tiểu-vương (il principe).

Còn chung Âu-châu, thì sự phân hóa thành nhiều quốc-gia vào cuối thời Trung-cổ đã làm lu mờ hình ảnh của « khối Ky-tô-giáo » (la Chrétienté) làm nên do sự ràng buộc tinh thần giữa các nước chung quanh

1. Xem thêm Yves Congar, *Two factors in the sacralization of western society during the Middle ages*, *Coacillum* 9/1969.

Đức Giáo-hoàng và Hoàng-đế. Quyền hành của Hoàng-đế đối với họ đã suy yếu rồi, và các nhà cầm quyền không còn dè ý mấy đến tôn-giáo trong khi liệu việc nước. Thậm-chí trong cuộc tranh-chấp với Charles V. François I đã không ngần-ngại cầu viện với quân Thổ-nhĩ-kỳ là kẻ thù của khối Ky-tô-giáo. Cùng trong chủ trương độc-lập chính trị ấy, vua đã chống lại ý-kiến Giáo-hoàng Alexandre VI trong việc phân định cương giới thuộc-địa của các đế-quốc Âu-châu. Sự bất đồng ý kiến giữa ông « Rey catolico » (vua Công-giáo) của Tây-ban-nha và « le roi très chrétien » (ông vua rất Công-giáo) của Pháp hồi thế kỷ XVII càng thúc đẩy cho sự giải-thiêng « quyền đời » nhanh chóng hơn. Vua Tây-ban-nha thì kêu gọi một cuộc thánh chiến chống Thổ, còn người Pháp lại phản đối, cho rằng đây chỉ là việc riêng của Tây-ban-nha thôi. Hoàn cảnh đã khiến nước Pháp tách quyền lợi thực tiễn quốc-gia ra khỏi những lý-tưởng tôn-giáo.

Sách luận bàn chính-trị hồi ấy cũng « đời » nốt, nghĩa là coi chính trị như một lãnh vực biệt-lập đối với tôn-giáo. Ảnh hưởng của các tư tưởng gia Bacon, Harrington và Petty đã thiêu hủy những liên hệ cuối cùng giữa hai địa hạt. Còn trong lãnh vực hành-động, việc Hồng y Nhiếp chính Richelieu kết liên với các vua chúa Tin lành đã thể hiện sự phân ly nói trên. Thêm vào đấy, chủ-nghĩa duy lý của thế kỷ XVIII cũng thúc đẩy việc « hợp lý hóa » (rationalisation) quốc-trị, tách nó ra khỏi những quan-tâm tôn-giáo¹.

Tiếp theo việc hợp lý-hóa chính-trị, là việc hợp-lý-hóa thiên nhiên.

Thực ra, nói đến hợp lý hóa vũ-trụ, thì ngay từ thời đế quốc La-mã, phần đóng góp của Ky-tô-giáo không phải là nhỏ. Thời ấy, vũ-trụ của người Hy-lạp và La-mã chứa đầy những thể khối thần-thiên sống động. Ky-tô-giáo đã trục xuất quỷ thần ra khỏi vũ trụ ấy, đồng thời đặt nó lệ thuộc vào một Thiên-chúa sáng-tạo nhìn xuống từ cao, chứ không nội tại. Nhờ đó, tinh tú biến thành những bộ máy được cai quản bởi thiên thần. Nhưng cũng chính do đó mà Ky-tô-giáo bị vua quan La-mã gán cho tội « vô thần » (atheism).

Dù sao, vũ trụ ấy vẫn còn được quan niệm trong tương-quan với đức Tin, và theo đức Tin này, Thiên chúa cùng với Chúa Ky-tô trở thành trung tâm cho tất cả. Chứ còn bây giờ, có sáng tạo hay không, người Tây-phương chẳng thèm quan-tâm đến nữa. Vũ-trụ của họ đã độc-lập hoàn toàn, một vũ-trụ thuần-túy vật-lý và trần-tục.

1. Xem Hans Bornewasser, *State and politics from the Renaissance to the French Revolution*, Concillium 9-1969

Sự giải-thích vũ-trụ bằng chính nó, «mo-phú» cả kinh thánh và thần học, đã bắt đầu với Copernic và Galilée. Những khám phá khoa-học ngày một nhiều đã phá đổ, không phải chính kinh-thánh, nhưng các nền-tảng văn-hóa của kinh-thánh mà người xưa đồng hóa với chính kinh thánh.

Ở mấy thế-kỷ trước, những phản-ứng của giới khoa-học và tư-tưởng trước chuyên chế của tôn-giáo đã làm phát-sinh một trào lưu vô thần chiến đấu, tích-cực chống lại sự hiện diện đầy tính-cách áp chế của một Thiên-Chúa sáng tạo. Với Galilée và Descartes, vũ-trụ chỉ còn là tương độ và then máy. Là máy, vũ-trụ cần đến một cái chi bên ngoài để làm nó chuyển động. Cái ấy là Thiên-Chúa, và vô tình Ngài bị quan-niệm như một cái «Máy để nhứt», Premier moteur (primum movens).

Song song với việc tách khoa-học ra khỏi sự chi phối của thần học và kinh thánh, còn có phong-trào tự-do tìm hiểu kinh thánh, nhằm đưa ra ánh sáng những yếu-tố thuần-túy văn-hóa¹.

Như thế, hồi tục trước tiên là trả chính-trị về cho quyền đời, khiến phép vua không còn chịu tôn-giáo chi phối nữa. Dần dà, cả khoa-học cũng lấy lại quyền tự trị, không còn lệ thuộc vào khoa Chú giải thánh kinh. Những tranh chấp đầu tiên đã gây nên phong-trào duy tục (secularisme) và chống giáo-sỹ (anticléricalisme). Nhưng rồi sự nóng-nảy ấy cũng nguôi dần. Và khoa-học, đẻ ra kỹ thuật và kỹ nghệ, đã do cửa duy lý cải hóa xã-hội này thành duy vật. Sang thế-kỷ XX, xã-hội không còn đếm xia đến tôn-giáo nữa², mà chỉ quan-tâm đến kinh-tế thôi. Từ xã-hội Ky-tô giáo thời Trung-cổ, Tây-phương đã biến thành một xã-hội tiêu-thụ, và thứ xã-hội kiểu ấy đang trở thành hiện-tượng phổ-cập cho khắp năm châu.

Là xã-hội tiêu-thụ, con người ngày nay chỉ hướng về giáo-dục để tìm hưởng lạc, hướng về nhân-tạo mà xa dần tự nhiên và thiên-mệnh, hướng về tiền-tài nên chỉ nghĩ đến lợi thôi. Thoát ra khỏi chốn không tên tuổi là thiên-nhiên và gia-tộc, con người lại rơi vào một chốn không tên tuổi khác là đám đông, cái «đám đông cô-đơn» theo tiếng gọi rất đúng của René Rémond³. Sự lớn mạnh ghê-gớm của vai-trò quảng-cáo càng khiến tim óc con người mang đầy ý-tưởng Lợi và khơi động đủ mọi thứ ham muốn.

Ngày nay, giới trẻ đương nổi loạn chống lại thứ xã-hội phi nhân ấy. Họ muốn khỏi bị gò bó trong khuôn thước, khỏi bị đàn áp bởi

1. Xem E. Dussel, *From secularisation to secularism...* Concilium 9-1969.

2. Tín-ngưỡng trở thành việc riêng cá-nhân, không còn là mối quan-tâm của xã-hội.

3. *The spiritual crisis at the heart of the «Consumer society»*, Concilium 11/1969

những sức mạnh vật chất không linh hồn. Đó là sự nổi loạn của "ngoại lý (irrationnel) chống duy lý (rationnel)", của tự nhiên chống tổ-chức, của sự sống theo bản năng chống việc kế-hoạch-hoá sắt thép", và tổng quát hơn, của con người thiêng-liêng chống con người máy móc và thú vật¹.

Chẳng những chống xã-hội và trật tự xã-hội, con người ngày nay còn muốn chống mọi cái gì là cố định, là thành hình rồi nữa. Thói quen phê-bình và chỉ-trích đã đi quá xa. Các trật-tự và thể-chế đều bị «xét lại». Phong trào «xét lại» này, nếu làm lung lay chế độ Cộng-sản và Tư-bản, thì nó cũng đe dọa ngay cả luân-lý và tôn giáo nữa. Thực ra, sự «hợp-lý-hóa» (rationalisation) vừa tốt lại vừa xấu, Nó cần thiết để thanh lọc tôn-giáo khỏi những yếu-tố ngoại-tôn-giáo, những hình thức cứng nhắc, những lạm dụng và sự ù-li. Nhưng nó cũng có thể bóc trần khỏi tôn giáo những gì là huyền bí, mẫu-nhiệm và thần-thánh. Mà đã không còn những yếu tố này, thì hỏi còn chi để còn là tôn giáo nữa?

TIẾN TRÌNH HỒI TỤC BÊN PHƯƠNG ĐÔNG

Nói đến Phương Đông, chúng tôi muốn nói đến những quốc-gia cùng chung một gia-sản văn-hóa với chúng tôi, các quốc gia Khổng Mạnh và các quốc gia Ấn-Phật. Nhưng chúng tôi cũng không muốn gạt hẳn ra ngoài những quốc gia lân bang khác. Do đó, chúng tôi chọn làm tiêu-biểu quốc gia Hồi-giáo Nam-dương và quốc gia Công-giáo Phi-luật-tân.

Xét về số lượng, Phi-luật-tân quả là một nước công giáo. Theo thống kê 1960, thì 83,8% dân số thuộc công giáo La-mã và 5,2% thuộc Giáo-hội độc-lập Phi².

Hầu hết Công-giáo sống ở đồng bằng, còn người Thượng, tuy chịu phép Rửa để đồng-hóa với người đồng-bằng, nhưng vẫn tiếp tục các nghi lễ ngoại Công-giáo của một xã-hội bán khai. Linh-mục quá thiếu, nên theo thống kê 1964 - 1965, chỉ có 13% các cộng đoàn thôn quê là có linh mục tại sở, còn 67% được thăm viếng một đôi lần trở lên mỗi năm, và 20% không được thăm viếng bao giờ. Nên về giáo lý, tín hữu quá dốt, và hiện tượng đồng bóng của một xã-hội sinh-hồn-tín (animiste) vẫn tiếp tục với một đôi biểu thức Công-giáo được thêm vào trong nghi lễ. Dĩ nhiên một tín ngưỡng như thế không thể đứng vững trước tiến trình hợp lý hóa trên thế giới ngày nay. Đường xá mở mang dẫn người Thượng đến tiếp xúc với văn-minh, và kỹ-thuật tới biến đổi kết quả canh-tác sẽ dần thay thế niềm tin vào quỷ thần.

1. Ibidem, Concilium 11/1969.

2. Xem *Census of the Philippines 1960*, «population and Housing». vol. II, Summary Report, table 19.

Trước đây, dưới thời Cách-mạng, lòng ái-quốc nổi lên như một sức mạnh thuần thể tục. Không được giáo-quyền nưng đỡ, người Cách-mạng đã đồng-hóa giáo-hội với đế quốc Tây-ban-nha và đòi lật đổ cả hai.

Ngày nay, Phi đã độc-lập về chính trị, nhưng về kinh-tế lại lệ-thuộc vào ngoại-quốc. Thêm vào đấy, sự chênh lệch giàu nghèo rõ-rệt quá, khiến nhiều vấn đề xã hội được đặt ra. Giáo quyền vì ù-lý và thiếu hành động cách mạng, nên bị giới trẻ, kể cả tu-sỹ và linh-mục, chống đối gắt gao¹.

Nam-dương cũng là một xã hội chìm đắm trong sinh-hồn-tín như Phi-luật-tân. Theo thống-kê 1930, nếu Hồi giáo có 29,5 triệu, nghĩa là ngang hàng với Hồi giáo. Gầy đây, tỷ-lệ Hồi-giáo gián tiếp (qua tuyển cử) được ghi nhận là 43%, nhưng trong thực-tế, chỉ có 8% tổng-số Hồi-hữu theo danh xưng là có đến miếu Hồi vái Chúa vào giữa trưa các ngày thứ sáu trong tuần.

Cũng vì thế, tuy Nam-dương được coi như một quốc-gia Hồi-giáo, nhưng phần đông những người mang danh Hồi-hữu vẫn tiếp tục sống những tin tưởng và nghi lễ của một xã-hội sinh-hồn-tín.

Trong một xã-hội mà tôn-giáo là mê-hồn-tín như thế, thì ý-thức thần-thiêng sao khỏi lung-lay trước sức tấn công của khoa-học? Đề giải-thoát mình khỏi những mê-tín ấy, tự nhiên con người học thức phải nghĩ đến việc giải thiêng vũ-trụ.

Nhất là một khi Hồi-giáo, với những hình-thức pháp-định và cứng-nhắc, với sự thiếu-thốn tư-tưởng-gia, càng ngày càng xuất hiện như một trở lực cho tiến-hóa, khiến kẻ thức-giả cảm thấy cần phải đập đổ đi để con người có thể tự cường.

Ngày nay, Nam-dương còn giữ nguyên cái vỏ của một xã-hội Hồi-giáo, nhưng từ bên trong đã manh nha dấu hiệu của một khủng-hoảng trầm-trọng. Chính quyền tuy bênh-vực Islam, nhưng chính-quyền lại tham-những. Thế rồi, biết bao kẻ nấp bóng tôn-giáo và dưới chiêu bài tôn-giáo đã tác oai tác quái, gây nên biết bao tội ác tày-đình, trong đó có vụ thảm sát 1968 với ức triệu người chết, và số chết oan không phải là hiếm vậy². Thêm vào đấy, gương xấu nhan-nhân trong giới lãnh-đạo tôn-giáo, còn giữa dân gian thì luân-lý xuống thấp một cách đáng sợ, đến nỗi cứ 100 đám cưới thì có tới 53 vụ ly-dị³.

oOo

1. Xem thêm V. San Juan, s.j., *Secularization in the Philippines*, báo cáo ấn hành do Asia Conference of the Secretariate for non-believers (ACSNB), và *The Philippines: The Church in an unfinished society. Pro mundi vita*, N.30.
2. Có nhiên ưu hời ấy Cộng-sản thắng. Ất họ cũng làm như vậy, như trước đây ở Trung-Hoa và Nga-sô. Nhưng làm như thế, dù ai làm cũng là điều đại ác.
3. Xem J. W. H. Bakker, *The appearance of atheism in Indonesia* (ACSNB).

Tại các nước thuộc văn-minh Ấn-Độ, tôn-giáo vốn rất cao, nên còn sống tương đối khá mạnh.

Ở chính Ấn-độ, ngay mấy chục năm trước đây, theo nhận-định của Lanza del Vasto trong tập phiêu-lưu-ký « *Le pèlerinage aux sources* », đám thanh-niên thị-thành, với đầu óc vọng Tây, đã bắt đầu khinh rẻ quá-khứ và thờ-ơ với tôn-giáo. Nhưng dù cho đến nay, du-khách vẫn không thấy Ấn-độ biến đổi là bao. Các khu thương-mại, kỹ-nghệ và hành-chánh quả đúng là Tây rồi. Nhưng chiều đến, trở về nhà trong những khu dân cư đông đúc, nhà cửa chen-chúc quanh mấy ngôi đền cũ kỹ, dù thư ký hay giám-đốc, bác-sĩ hay kỹ-sư, ai nấy đều cởi bỏ Âu-phục trở về lối ăn mặc truyền-thống, cởi giày để ngồi đất tất cả. Các đền thờ thì vẫn đông nghẹt những người. Trên sông Gaṅgā tại Vārāṇasī (Bénarès), vẫn đều đều có hành hương và thiêu xác. Bên các ngôi đền vắng ở Mathurā không thiếu những tu sĩ cời chuông, và trong nơi hoang-dã còn ẩn cư những sādhu tu tĩnh.

Nhưng nếu hình-thức tôn giáo và cơ-cấu xã-hội đã bảo-trì được nếp sống và văn-hóa, thì những chiếc vỏ cứng như sắc chủng (*varṇa*, *castes*) cũng cản trở tiến-hóa, khiến cho văn-minh ngày càng tách xa tôn giáo và giới trẻ dần mất ý thức thần-thiêng.

Ngày nay, rất nhiều giáo phái tân thời đã mọc lên, mạnh nhất là Ramakrishna Mission, đề tìm một đường tu mới và một hình-thức Đạo nhập thế. Nhưng đó chỉ là « muối bỏ bể » trước một dân tộc mấy trăm triệu người còn chìm đắm trong giấc điệp của Viṣṇu và điệu nhảy vòng tròn của Śiva.

Ấn-độ đã xuất cảng tôn-giáo, và đó là Phật-giáo. Ta hãy lấy làm tiêu chứng một trong bốn quốc gia toàn Phật là Thái-lan. Với dân số 35 triệu năm 1969, Thái-lan đếm được 93,6% Phật-hữu, 25.292 chùa Thera-vāda và 300.000 người đi tu.

Trước kia, các chùa chiền cũng là trường học và đình làng. Các sư sãi vừa dạy học, vừa cố-vấn và tham gia các công cuộc phát triển thôn ấp. Ngày nay, người đời lẫn người học thức, trong khi phương-pháp huấn luyện tỷ-khuru từ ngàn xưa không thay đổi, nên các sư trở thành lạc hậu, dốt nát và mất dần ảnh hưởng. Riêng ở Vọng-các, 70% người đi tu là người Miền Bắc quê mùa và nghèo túng tới nương thân cửa chùa, nên do dốt-nát mà nhà sư càng bị rẻ-rúng hơn.

Năm 1969, Hội bác học Siam society, cộng tác với Phật-hội Thái-lan, đã tổ chức một khóa hội thảo về Phật-giáo. Đây là dịp để người ta nhận ra rằng Phật-giáo đã không theo kịp đà tiến của thời đại, và tu sỹ cần phải được đào-tạo bằng phương pháp mới.

Trở lực lớn lao nhất cho việc cải-cách là tính cách tự trị của mỗi chùa, khiến không ai đủ quyền thực-hiện một công cuộc gì chung cho tất cả. Ngay trước đó, hai đại học đã được thành lập để đào tạo các sư, nhưng phải chờ đến năm 1969, Saṅgha Thái mới cho chúng được chính thức mang nhãn hiệu Đại-học Phật-giáo, và hiện nay trong Saṅgha, vẫn còn khá nhiều người chống đối việc cho các sư trau-dồi cái học thế tục.

oOo

Văn-minh Ấn-độ là văn-minh tôn-giáo, và thần-thánh chi-phối toàn bộ sinh hoạt xã-hội cũng như cá nhân. Chỗ mà Ấn-độ dành cho thần thánh, thì Trung-hoa lại dành cho con người. Con người là đối tượng tìm kiếm của hiền triết, và đây là *con người lý-tưởng* : NHÂN, tột đỉnh của sự phát triển thiện-lý tiềm-tàng nơi mỗi người. Trung-hoa là một văn-minh nhân-bản và luân-lý, chứ không phải tôn giáo. Dân ngu tuy vẫn nhiều mê tín, thờ ma xó và đốt vàng xuống âm-ty cho ông bà xài chơi, nhưng nho sĩ thì lại khinh thị những trò tin tưởng như thế. Phong trào « hợp-lý-hóa » (Rationalisation) chỉ mới đến với Tây phương từ vài thế kỷ nay, nhưng sự Hợp-lý vẫn có từ xa xưa nơi các dân tộc thuộc văn-minh Chủ khách. Nhất là khi người Trung-hoa lại bản chất thực tiễn, rất khéo léo trong các công việc trần tục. Cũng vì thế nên Trung-hoa không có huyền-nghiệm-sĩ (mystiques), và về tôn giáo thì phải nhập cảng, chứ không sản xuất nổi.

Tôn-giáo đóng thuế nhập nội đầu tiên là Phật-giáo. Tuy đặt chân hầu như đồng thời cả bên các quốc gia Đông-Nam-Á lẫn bên Trung-hoa, nhưng tại đây Phật-giáo chỉ thịnh đạt dưới các triều đại ngoại-nhập, và do kém ý thức thần-thiên, người Tàu đã biến chỗ nó thành một thứ huyền nghiệm ít mùi vị tôn giáo huyền-nghiệm của Thiên-tông.

Chế độ Cộng-sản ngày nay không thêm cấm Phật-giáo, mà để cho nó tự chết mòn dần. Và nếu bên Việt-Nam, Cộng-sản chiêu dụ được 15 linh mục Công-giáo tách biệt ra khỏi Tòa-thánh La-mã, thì bên Trung-hoa tới 40 giám-mục chịu thần phục chính phủ hoặc được tấn phong theo lệnh của Đảng. Thực thể Công-giáo Việt-Nam đã dâng đầy một mâm lễ với cả trăm ngàn tử đạo trong khi mà truyền thống hy sinh vì Đạo hầu như không có trên mảnh đất to lớn của Hán-tộc ².

Bên Đài-loan, nước mới của Trung-hoa quốc-gia, kinh tế gần đây đã phát triển rất mạnh, và với đà phát triển kinh-tế, tôn giáo và luân lý cũng

1. Paul O'Brien, *Buddhist revival in Thailand ? (Asian Report 15-8-1970)*

2. Chính-phủ Trung-hoa dò thành-lập Công-giáo cứu-quốc năm 1957

xuống dốc theo. Chánh-phủ Đài-loan gắng bảo trì truyền thống đạo đức Nho giáo, và đây là tường lũy khả dĩ chống lại phần nào sự đầu độc của văn minh vật-chất từ xa mang tới. Tại các trường học, giáo sư còn nặng đầu óc chống giáo-sĩ và tôn-giáo của Tây-phương hồi đầu thế kỷ, lại theo chủ-nghĩa duy vật và duy-khoa-học của một thế giới không còn thần-thánh và màu-nhiệm nữa¹.

Cao-ly cũng là một nước thuộc văn-minh Trung-hoa. Dưới các triều họ Koryo (918-1392), Phật-giáo có một thế đứng vững mạnh. Nhưng từ khi Nhà Yi (1392-1910) lên thay, thì Phật-giáo bị gạt ra ngoài, và Tân Nho giáo cùng với tục thờ cúng tổ tiên được nhà nước đưa vô và bảo trợ.

Ngày nay, Nam Cao, tức Đại-Hàn, là một trong những quốc-gia phát triển nhứt Đông-Á. Theo với phát-triển kinh-tế, lễ dĩ-nhiên trào-lưu « hợp-lý-hóa » và vật-chất-hóa cũng mạnh mẽ xâm nhập.

Nếu nói tới phát-triển, nước đầu tiên phải kể đến bên Á-châu là Nhật-Bôn. Một đảng thi người Nhật có một bản ngã vững vàng, mặt khác sự tiến bộ kinh-tế, khoa-học và kỹ-nghệ lại quá nhanh, nên xã-hội Nhật tuy duy-vật-hóa, mà vẫn duy vật một cách khác với mỗi nước.

Lẽ tất nhiên, trong một cuộc sống quá động và giữa « Chợ trời » của đô-thị, khó tìm đâu ra chỗ đứng cho một thứ tôn-giáo suy chiêm và cầu-nguyện. Tuy nhiên, tôn-giáo thì vẫn còn đấy, dù bộ mặt tôn-giáo hoàn-toàn biến đổi. Nói một cách chung, người Nhật ngày nay sinh ra trong Shintô, chết trong Phật-giáo, và càng ngày càng có phong trào kết-hôn trong một nhà thờ Ky-tô-giáo.

Gần đây, rất nhiều tân tôn-giáo mọc lên và họ hoàn toàn « vào đời », nhất là bằng cửa ngõ chính-trị. Cầu nguyện, họ cầu một cách rầm rộ. Nghi thức của họ là những tiếng hô, tòa giảng trở thành diễn đàn chính-trị. Các tân tôn giáo như thế thành công rất nhiều, nhất là phái Soka Gakkai hiện có tới 10 triệu tín-đồ theo ước lượng của chính họ.

Đây hãy còn là tôn giáo, nhưng đây hết còn Siêu việt, Siêu thế hay Hậu-thế gì ráo trọi, mà chỉ có Lời Hứa về một thứ Thiên-đường hạ thấp vừa bằng mặt đất.

Sau thế chiến thứ hai, Phật-giáo Nhật ngày càng cảm thấy thúc bách

1. Các báo cáo của John Lefevre, *The process of secularization in Taiwan*, Guilbert Guérin, *Religions in Taiwan : present situation and tendencies*.

sứ mạng xã-hội, đồng thời ý thức vai trò quan trọng của tín đồ. Những người này nghĩ rằng đạo phải thấm nhiễm và chỉ hướng cho đời sống thường nhật của mình. Còn các sư thì phần đông đã đề tóc, vận dân phục lúc ra ngoài. Rất nhiều đã lập gia đình, và thuyết pháp chỉ còn tối thiểu.

Soka Gakkai, một hình thức đổi mới của tông phái Phật-giáo Nichiren¹, quan niệm theo Nichiren rằng, trong thời đại hậu chót, Nhật bản sẽ là Kaidan, hay Thọ pháp đài² của thế giới, và khi ấy, « Đường vua » (òdò) sẽ trùng với « Đường Phật » (Butsudò). Theo giải thích của Soka Gakkai, đó là khi chính trị trở thành một với đạo³, nghĩa là không còn phân biệt đạo đời⁴.

Bên Việt-Nam, hiện tượng nhập thế ấy không phải là không có. Từ 1925 đến nay, mọc lên không thiếu những tôn giáo chính trị. Đó là Cao-Đài và Hòa-Hảo, và họ đã thành công một thời trong lãnh vực chính trị và cách mạng. Đồng thời, hai đạo ấy bành trướng rất mau, nhứt là ở các vùng hẻo lánh còn vắng bóng những tôn giáo lớn.

Riêng Phật-giáo, từ thời chính quyền bảo hộ Pháp sụp đổ đến giờ, đã tổ chức lại, bắt đầu từ Bắc, Trung, rồi vô tới Nam cùng với các làn sóng di cư. Năm 1963, họ đã biểu dương lực lượng khi tranh đấu chống chính quyền. Từ đấy, Giáo-hội Phật-giáo thống nhứt, dù một mà đã thành hai, không thôi đưa đạo vào sinh hoạt xã hội cũng như giáo dục. Nhờ đó, rất nhiều trường học và cô-nhi-viện Phật-giáo đã mọc lên, cùng với các đoàn thể thanh niên hướng đạo và chính đảng. Các thiền sư, thâm nho thời Lý, lạc hậu thời Pháp, nay đã ra học ở các trường Trung, Đại học, hoạt động trong ngành Tuyên úy quân đội và trong nhiều lãnh vực khác.

Nhưng rồi chiến tranh bùng lớn đã gây nhiều xáo trộn, và người Mỹ đưa tiền bạc và tiện nghi sang đã khiến lòng người — dù đây là lòng ông

1. Một cựu tông phái Phật giáo, quốc gia chủ nghĩa như Phật giáo Nhật nói chung, và còn hơn thế, bởi nghĩ rằng mình là « giương cột, cặp mắt và con thuyền của nước Nhật ».
2. Kaidan, là lễ thọ pháp hay thọ giới đề thành sư.
3. Soka Gakkai bắt đầu thành công lớn trong các cuộc tuyên cử 1955, 1956 ; và năm 1964, chủ tịch Ikeda tuyên bố quyết định thành lập đảng Komeito.
4. Xem H. Dumoulin, *Secularization in Japanese buddhism*, ACSNB ; Francis F. Uytendaele, *The impact of Secularization on Non-christian religions in Japan*, ACSNB ; Mgr. L.S. Nagai, *General report on secularization in Japan*, ACSNB.



cha hay thầy chùa — cũng xích gần vật chất hơn là hướng về thiêng liêng. Ý thức luân lý và tôn giáo đã xuống rất thấp nơi các người lớn, dù mê tín vẫn còn nhiều. Giới trẻ thì một số tham gia các hoạt động tôn giáo, xã hội và được huấn luyện hơn xưa, nên sinh khí tôn giáo dồi dào lên và không còn thụ động nữa, nhưng phần lớn lại sút kém về đạo đức và đứng dưng với những gì không thuộc thể trần này.

Một bằng chứng về sa sút tôn giáo có thể tìm thấy khá rõ nơi các vùng Thượng. Ngày nay ở đây, ít khi người ta còn giết trâu dê tế. Thay vì trâu, người ta dùng gà, đỡ tốn hơn. Dân Chăm ở Phan-rang còn giữ những kho tàng “rất linh” của vua chúa họ. Tại các vùng khó đến, người Chăm cẩn thận thỉnh ý quý thần trước khi đi những kho tàng ấy đến các công trình xây cất bê tông do một ủy ban bảo trì di tích lịch sử làm cho. Nhưng tại các vùng có đường giao thông dễ dàng, thì họ không mấy quan tâm khi làm việc đó. Năm 1905, họ còn giết trâu tế trước khi mở nắp kho tàng. Năm 1930, họ lấy gà thế trâu. Và năm 1957, khi giáo sư Nghiêm-Thâm trở lại lần thứ ba, họ chỉ niệm mấy câu chú là đủ.

(CÒN TIẾP MỘT KỲ)

Ho ! Ho ! Ho ! Ho ! Ho !

Thuốc viên bọc đường

CAMPHOCODINE

LÀM DIỆU HẸN CƠN HO, CÔNG HIỆU MAU LẺ
BỀN BỈ ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI HO

Bán tại các Nhà Thuốc Tây

Viện Bào Chế VANCO — 134, Yên-Đỗ Saigon — Đ.T. : 22.796

Là xây dựng đất nước của TIỀN TỔ



Đề kỷ niệm ngày Phật Đản 1973

Phật-Giáo Việt-Nam hiện đại

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Đại-Học Vạn-Hạnh

Trong kinh Phật, có truyện cổ tích kể một nhà Vua hỏi một Vị Sa-Môn, ở trong thiên hạ có truyện gì lạ. Vị Sa-Môn tâu Vua rằng:

Muôn tâu Bệ-Hạ, trong giới Phật giáo chúng tôi, có truyện này người ta cho là lạ nhất, ấy là ở đời này ai cũng đều phải chết cả, mà mọi người đều làm như mình không bao giờ chết !

Ở giới Phật-giáo chúng ta, tất cả Phật tử đều ý thức vấn đề « Sinh tử sự đại » ấy cả, và ý nghĩa của sự Sống chính là đi đến chỗ « Liễu sinh tử », giải quyết sao cho không còn phân biệt Sống Chết.

Thực ra ở đời ai cũng phải chết, nhưng chẳng mấy ai ý thức điều ấy, cho nên có kẻ chết khổ sở, chết ô-nhục, chết đau đớn, chết vinh quang, chết sung sướng. Trên thế giới năm nay cũng đã xảy ra nhiều cái chết, đáng chú ý nhất là cái chết của nhà đại quyền quí Tổng-Thống của một đại cường quốc, chiến sĩ cho lý tưởng tự do bình đẳng trên chiến trường được thế giới tự do thương tiếc, và cái chết của một người Việt bình dân, một nhà Sư trước đây ít ai biết đến tên tuổi. Nhưng sau khi tự thiêu xong thì hình ảnh và danh tiếng chấn động toàn thể thế giới, thế giới Tự-

Do cũng như thế giới Cộng-Sản. Đây là cái chết tự thiêu để cúng dường cho Phật-Pháp, để tự dâng mình cho nhân loại, cho chân lý đại đồng.

Đây là hai cái chết oanh liệt lịch sử trên thế giới trong năm 1963, Tổng-Thống Mỹ-Quốc Kennedy với Hòa-Thượng Quảng-Đức. Một đàng « bất đắc kỳ tử », một đàng « liễu sinh tử » .

Tuy nhiên sau đây, có kẻ nhất là ở Tây-phương không hiểu văn hóa Đông-phương đã lầm ý nghĩa tự thiêu của Cổ Hòa-Thượng chúng ta, gán cho cuồng nhiệt hay bị sui dục mà tự vận, hay yếm thế bỏ đời; Rồi tiếp theo cử chỉ của Ngài, có một số Phật-tử Cao-Tăng hay Cao-Ni cũng noi gương vì Phật-Pháp. Và sau đây cũng có kẻ mượn ngọn lửa dầu xăng để kết liễu cuộc đời trong một phút chán nản, vì lý do kém phần chính đáng đến nỗi Giáo-hội phải lên tiếng cảnh giới. Ở tiếng Pháp người ta không biết phân biệt sự tự vẫn với sự tự thiêu để cúng dường, hai sự kiện hoàn toàn khác nhau, cho nên họ đã dùng « Le suicide par le feu » « sự tự-vẫn bằng lửa » .

Muốn hiểu đúng giá trị cao cả sâu rộng, sự hy sinh trọng đại của

Cổ Hòa-Thượng và các Tăng Ni Việt-Nam, nhân ngày lễ tạ ơn Cổ Hòa-Thượng mấy bữa nay, chúng tôi xin phép quý đạo hữu bậc bậc: Ý nghĩa chân chính của sự hỏa thiêu trong tinh thần truyền thống Á Châu.

Lửa xưa nay vẫn tượng trưng cho năng lực phá hủy cái gì ô uế để cho cái gì không ô uế còn lại, đốt sách bụi nhơ đáng cho tinh hoa này nở. Cái tinh hoa ấy là Phật-Pháp, là tinh thần bất diệt, ví như Diệu-Pháp Liên-Hoa:

Sau khi Phật diệt độ
Người ở trong đời ác
Tạm đọc Kinh Pháp-Hoa
Đấy thời mới là khó
Giả sử gặp kiếp *thiếu*
Gánh mang những cở khô
Vào lửa không bị *cháy*
Cũng chưa lấy làm khó

(Pháp-Hoa-Kinh —
Phẩm Hiện-bửu-tháp)

Bởi vậy mà trong truyền thống nhà Phật, xưa nay vẫn có cái tục mượn ngọn lửa để thiêu hóa, vì mục đích Cúng Dường cho Chân Lý cao cả thuần túy tinh khiết, bền vững như Kim Cương. Nhưng ý nghĩa "Cúng-Dường" ấy cốt ở tấm lòng vô tư, thành tâm vì chính nghĩa, chẳng còn bận chút lợi tâm thì mới mong có hiệu quả siêu thắng!

Trong truyện cổ tích Ấn-Độ, ngày xưa có một nhà Vua, sau khi đi đánh trận trở về toàn thắng, có làm một buổi lễ Cúng-Dường cho Thần linh. Ngài cho tổ chức hết sức long trọng

dùng tất cả châu báu trong kho để sắm sửa không thiếu một vật sa hoa gì là không sắm. Lễ xong, có một con vượn con, nửa thân thề vàng ròng, nửa mình là lông nâu đến trước bàn thờ lặn xuống đất mấy vòng, rồi đứng lên nói lớn :

« Các người ở đây dối trá, không có cái gì là Cúng-Dường cả. »

Mọi người đều xức xối lấy làm lạ mà đáp nó rằng : «Sao mi bảo không có Cúng-Dường chi cả là nghĩa thế nào ? Mi chẳng thấy biết bao đồ lễ sa hoa to lớn trang trọng đấy ư ? Chẳng bố thí phát chẩn cho biết bao nhiêu kẻ khó đấy ư ? Sao lại bảo không có Cúng-Dường ? »

Con vượn bèn đáp :

«Ở một làng kia có một nhà Bà-La-Môn nghèo sống với vợ, con trai và con dâu. Họ sống nghèo đói quá, vì liền ba năm hạn hán mất mùa, mà là người Bà-La-Môn người Cha chỉ có việc đi dạy đạo cho dân để sinh-sống vào đồ vật nhân-dân đem cho. Nay nhân-dân mất mùa, đang đói khổ lấy gì mà trả công cho thầy.

Một bữa kia, sau ba ngày cả nhà người Bà-La-Môn nhịn đói, ông già ở ngoài đem về một đấu bột ngô, quấy nời bánh đúc cả nhà sắp sửa vào ăn. Chợt có tiếng gõ cửa. Ông già vừa mở cửa thì thấy có một người khách lạ, lở độ đường xin vào nghỉ chân. Theo tục Ấn-Độ, một người khách đến nhà là một sự hân-hạnh cho chủ-nhà, cả nhà được

có dịp để tỏ-bầy lòng hiếu-khách truyền-thống của dân-tộc. Ông già chủ-nhà liền đem phần bánh của mình ra để mời khách. Khách đang đói, ăn liền. Ăn xong phần bánh ấy, kêu lên : Trời, ông giết tôi rồi, đã mười bữa nay tôi không có một miếng vào bụng, nay ông cho tôi miếng bánh ăn không đã, càng làm đói thêm ! » Thấy thế, người vợ chủ-nhà liền dâng phần của mình cho khách. Khách ăn vẫn thiếu. Đến lượt người con trai cũng tự nghĩ, cha-mẹ đã làm bôn-phận đãi khách, còn mình cũng phải nối theo. Nói xong liền bưng phần của mình đem cho khách. Khách ăn vẫn thòm-thèm. Người con dâu thấy chồng làm bôn-phận của người con trong gia-đình, cũng liền theo gương chồng mà làm bôn-phận của người vợ, nghĩa là đem phần ăn của mình đãi khách. Ông khách ăn xong vuốt bụng cảm-ơn và từ-biệt. Đêm ấy, cả nhà người Bà-La-Môn chết đói hết. Dưới nền nhà có một số bánh vụn rơi vãi, khi tôi vào lẩn mình dưới sàn thì những vụn bánh dính vào mình tôi và biến thành vàng, như các người thấy nửa mình tôi là vàng ròng. Nhưng ở đây, bảo là Cúng-Dường, mà sao tôi lẩn mình dưới bàn thờ, nhìn lại thân mình tôi chẳng thấy hóa thành vàng chi cả, cho nên tôi bảo ở đây không có Cúng-Dường là thế.»

Như thế có nghĩa là hiệu-quả của Cúng-Dường không ở hình-thức bề ngoài sa-xỉ, mà cốt ở trong lòng

có trong sạch hay không. Bởi thế mà không phải ai cũng tự-thieu để thành Bồ-Tát, trở về Tinh-Thở Cực-Lạc. Và Cúng-Dường trọng-đại nhất, lớn-lao nhất là dùng thân Cúng Dường, theo gương tu-tập khổ-hạnh của Hỷ-Kiến Bồ-Tát :

Kinh Pháp-Hoa nói :

« Ngài « Nhất-thiết Chúng-sinh « Hỷ-Kiến Bồ-Tát » ra tu-tập khổ-hạnh, ở trong pháp-hội của Đức « Nhật-Nguyệt Tịnh-Minh » Phật, « tinh-tấn kinh hành, một lòng cầu « thành Phật, mãn một muôn ngàn « năm đặng « hiện nhất-thiết sắc thân « tam-muội. » Đặng Tam-muội đó rồi « lòng rất vui mừng, liền nghĩ : « Ta « đặng hiện nhất-thiết sắc thân Tam- « muội này đều là do sức được nghe « Kinh Pháp-Hoa, ta nay Cúng- « Dường Phật Nhật-Nguyệt Tịnh- « Minh và Kinh Pháp-Hoa.

« Tức thời nhập Tam-muội, ở « giữa hư-không tưới bông Ma-đa- « la, Ma-ha Ma-đa-la cùng bột kiên « hắc chiên-đàn đầy trong hư-không « như mây tưới xuống đề Cúng « Dường Phật.

« Cúng-dường thế rồi. từ Tam- « muội dậy mà tự nghĩ : « Ta đầu « dùng thần-lực Cúng-Dường thế rồi, « từ Tam-muội dậy mà tự nghĩ : « Ta « đầu dùng thần-lực Cúng Dường « nơi Phật, chẳng bằng dùng thân « Cúng Dường... » ở trước Đức « Phật Nhật - nguyệt Tịnh - minh, « dùng áo quí cõi trời tự quần thân,

« rưới các thứ dầu thơm, dùng sức
« nguyện thần-thông mà tự đốt thân».

(Phẩm Dược-Vương Bồ-tát —
Pháp-Hoa Kinh)

Ở Việt-Nam và Trung-Hoa tục
tự thiêu đề Cúng-Dường xưa nay
vẫn phổ-thông, nhất là ở thời-kỳ
Phật-giáo mở mang, bên Tàu vào
thời nhà Đường, Việt-nam vào thời
nhà Lý, nhà Trần. Cách đây không
bao lâu, năm 1928, Thích Viên-
Thành ở Chùa Mật-sơn tức Trà-
Am ngày nay, khi xuất gia vào năm
20 tuổi có phát lời thệ nguyện,
nguyện rằng đến năm 45 tuổi xin
Siêu phần thân mình để nhập hóa.
Nhưng ngày ấy, chính-phủ Pháp Bảo
hộ Việt-nam với Nam-Triều không
cho phép ông tự-thiêu, vì lý do an-
ninh hay vì lý-do khác, không biết,
Thích Viên Thành vì đã có thệ-nguyện
nên phải thủ-tín, nhịn đói sau một
tháng thì nhập tịch (24-6-1928).

Trước khi xin thị-tịch có viết :
« *Nguyện đã đủ, công đã thành.* »
như thế nhà Sư muốn mượn ngọn
lửa đề hoàn thành lời « *Nguyện* »
cũng như thời nhà Lý có Thiền Sư
Tín Học thường đốt ngón tay ở
trước Phật đài, Phật đại-hoàng-
nguyện :

« *Nguyện xin những nỗi vất-vả
« trần-tục truyền-kiếp, quyết không
« vương-vít nữa.* »

(Đại-Nam Thiền-uyên)

Đây là ý nghĩa hỏa thiêu đề thành
tự hay đề chứng-minh cho lời thệ
nguyện của mình là thành thực.

Nhưng hỏa-thiêu ngoài hai ý nghĩa
trên còn có nghĩa thứ ba là di thân.

Di-thân, đối với các Thiền-sư có
ý-nghĩa để lại cho đời một chút gì ở
thân mình, sau khi đã trải qua ngọn
lửa đề chứng tỏ cái đức tu luyện
thành quả. Cái đức ấy là đức tính
thánh-hóa. Trong Cao-Tăng truyện
Tàu, có kể sự-tích Thiền-Sư Tĩnh-
Giới, sau khi hỏa-thiêu chỉ còn lại
trái tim đốt mãi không cháy, hay là
như Thiền-sư Vu-khắc-Minh tại Chùa
Đậu Bắc-Việt tự-thiêu không phải
bằng lửa thật mà bằng lửa Tam
muội, để lại cả thân hình nguyên
vẹn trải qua bao nhiêu đời (18 đời)
mà vẫn không tiêu. Như thế đủ tỏ
rằng các vị Thiền-sư có đầy đủ công
phu tu-luyện mới có thể di thân
được. Và việc di-thân là để chứng
minh với đời cái chân-lý giản-dị
này là tinh thần làm chủ thân-thể,
và thân thể vật-chất này có thể tu-
luyện đề hóa thành thân thể thánh
linh, tinh-khiết màu-nhiệm đề độ
chúng sinh ra khỏi mê lầm đau khổ,

Giáo lý cổ điển Ấn-độ có dạy :

« *Mỗi khi thế-giới đầy tội ác,
« đạo lý điêu tàn, Ta xuất-hiện đề
« cứu vớt nhân loại.* » (*Gita*)

SỰ XUẤT HIỆN Ở VIỆT-NAM.

« *Ta* » nói ở đây là hiện thân
của Chân-lý, hiện vào thân hình của
một người để thức tỉnh lòng tin ở
quần chúng ngu mê, ở kẻ táng tận
lương tâm coi đồng loại như lang
như sói. Chính tại đây, ở cái ngôi
chùa lụp sụp này, trong chỗ hẻo-

lánh què mùa đất Gla-Định này, đã xuất hiện vị Bồ-Tát, mà trước ngày hỏa-thiêu không mấy ai đã biết tên tuổi. Vị Bồ-Tát ấy là Hòa thượng Quảng-Đức, đã rọi chiếu một tia sáng chói giữa bầu trời đen tối phủ kín góc trời Việt - nam, trong ấy một dân-tộc đang quần quai. đau khổ vì chiến-tranh chống bạo-lực dòng-dã hơn 20 mười năm nay.

TÒA SOẠN XIN ĐỌC BỎ

Giữa lúc

ấy Hòa thượng đã đến ! Và Ngài đã đem tính mạng một đời hy sinh cho lòng từ bi bác-ái với đồng bào đề Cúng-Dường cho Tam-Bảo, cho Phật-Pháp với linh hồn dân Việt là một, lịch sử đã chứng-minh. Ở thời kỳ Phật-pháp lãnh đạo tinh thần dân tộc, thì nước mạnh dân an, Quốc-gia phú cường thịnh vượng, trên dưới đoàn kết một lòng Kim cương đề bảo vệ sống còn. Từ khi Phật pháp mất địa vị lãnh đạo Quốc gia Dân tộc, thì đất nước phân chia, trên dưới lục đục. Nguyễn Trịch phân tranh, Bắc Nam chia rẽ.

Và ngọn lửa tự thiêu ấy đề « Cúng Dường » Chân lý của Phật giáo Việt nam ngày nay trong khoảng khắc đã tỏa sáng khắp thế giới, kêu gọi nhân loại mau sớm tỉnh ngộ, trước cái họa quyền năng Nguyên tử đang đe dọa diệt vong.

Phật đã dạy :

« Chẳng phải hận thù trừ được hận thù. Tinh yêu mới trừ được

« hận thù, đấy là Pháp vĩnh Cửu ».

(Pháp cú Kinh)

A. Đấy là ý nghĩa Cúng Dường cao cả của Hòa thượng Quảng-Đức, suốt trong 15 phút như báo Mỹ đã đăng. Ngài ngồi yên lặng trong ngọn lửa, vẻ mặt điềm tĩnh không chút thay đổi, cho đến lúc tắt thở, đủ chứng minh công phu tu luyện của Ngài, đã đạt đến điểm tối cao là :

Tinh thần di tạo hóa

Sống là còn mà chết cũng như còn.

P.B.C.

B) Ngoài cử chỉ Cúng Dường với tất cả lòng thành đối với Phật Pháp Việt Nam, đối với Quốc Dân chìm đắm đau khổ, Ngài cũng hoàn thành lời « *thệ nguyện* ».

Gấp sửa thân tâm nhìn đại cuộc Ngàn năm Sử Việt văn Phật gia Thân tôi dù cháy linh thiêng máu Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà.

C) Kèm theo lời Thệ-Nguyện cuối cùng ấy là thành-tích « *Di-Thần* » của trái-tim không cháy, trái tim bất-diệt cũng là bằng-chứng cụ-thể của một đời hơn 70 năm phụng-sự cho tinh-yêu vô bờ-bến đối với dân-tộc, nhân-loại cùng chúng-sinh, kết-tinh của lòng « Từ-bi bác-ái » hoạt-động. Với trái-tim nồng-nhiệt ấy Ngài đã kêu gọi :

« Tôi tha-thiết kêu gọi chư Đại-
« đức Tăng-Ni, Phật-tử nên đoàn-
« kết nhất-trí hy-sinh đề bảo-tồn
« Phật-giáo. » Và đề thực-hiện lời :
« Cầu-nguyện cho đất nước thanh-
« bình, Quốc-dân an-lạc » của Ngài
« vậy.

Trở lên, chúng ta đã xem thấy ở việc Trà-tì Thị-tịch hay Thiệu-Hóa của Cổ Hòa-Thượng Quảng-Đức gồm đủ ba đặc-tính điển-hình của một công-cuộc tự-thieu.

1) Là đề Cúng-Dường.

2) Là đề thành-tự lời Thệ-Nguyễn.

3) Là đề «Di-Thân» lại trái tim bất-diệt « dĩ thân vi đấng » — «lấy thân làm đèn soi đường cho hậu-thế».

Cả ba phương-diện đã đầy đủ viên-mãn đề chứng-tỏ đường-lối

sống-còn tương-lai và hiện-tại của Quốc-dân và của thế-giới : « Chân-lý là tình thương-yêu hoạt-động bất-diệt, không giới hạn vào địa-phương Nam-Bắc, Quốc-gia và chủng-tộc, hay giai-cấp xã-hội, đứng như tám thế-kỷ trước đây nhà Vua Anh-Quân đất Việt Trần-Thái-Tôn, từng chiến-thắng quân Nguyên, bảo-toàn Quốc-gia Dân-tộc đã tuyên-bố :

« Phật vô Nam Bắc, quân khả tu « cầu ; Tình hữu trí ngu, đồng tư « giác-ngộ. » (Khoa-Hư lục — Thiền tông chỉ nam tự.)

TÁC ĐỘNG CHỐNG SỰ CO THẮT TRỰC TIẾP TRÊN CƠ TRƠN CỦA THỰC QUẢN, DẠ DÀY, RUỘT, ỐNG MẬT, NIẾU-ĐẠO...

○ Mạnh ○ Nhanh ○ Ít độc

LÈVOSPASME

BICHLORHYDRATE DE DIPIPROVÉRINE

□ LỢI ĐIỂM :

- Không làm nở con người
- Không làm khô miệng
- Không tăng nhịp tim
- Không ảnh hưởng trên các cơ năng khác

□ TRÌNH BÀY :

- Viên bọc đường
- Chích thịt.

□ CẤM KỶ :

- Mắt hóa lục (glaucome)
- Khó tiểu tiện (Dysurie)

LES LABORATOIRES DAUSSE — PARIS 13^e

NHÀ NHẬP CẢNG : UFFARMA CÔNG-TY

184 - 186, Tự-Đức SAIGÒN — Tel. 95.308 — 92.830

Nhìn thẳng vào tôn giáo

Phật Giáo Hòa Hảo

• HÌNH-PHƯƠNG CƯ-SĨ

Xuất phát tại làng Hòa Hảo quận Tân-Châu tỉnh Châu Đốc, Phật Giáo Hòa Hảo đã bành trướng ở Nam Phần nước Việt, như là tại 15 tỉnh sau đây : Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Kiến Phong, Vĩnh Long, Phong Dinh, Chương Thiện, Kiên Giang, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Định Tường, Long An, Kiến Hòa, Kiến Tường, Saigon, Gia Định. Từ 5 năm nay Phật Giáo Hòa Hảo, lại được lan rộng thêm ở Trung Phần, tại các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định và rải rác trong nhiều nơi khác...

Đặc biệt tại các tỉnh miền Tây, phát sinh xứ của P.G.H.H., thuộc châu thổ sông Cửu Long giáp với nước Cao Miên, được mệnh danh là vựa lúa của Việt Nam. Nhờ sự phì nhiêu của đất đai, vùng này có khả năng vĩ đại về nông nghiệp và có một vai trò căn bản trong nền kinh tế nông nghiệp hiện nay của nước Việt.

Với một diện tích canh tác là 1.885.000 mẫu tây, vùng này đã sản xuất hằng năm khoảng 3.000.000 tấn lúa. Những hoa màu phụ, những ngành chăn nuôi, ngư nghiệp... còn là một mối lợi to chưa kể đến.

Tương cũng nên nói rõ là lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa gồm có diện tích tổng cộng 17.326.000 mẫu, trong đó có khoảng 3.000.000 mẫu hiện đang canh tác. Trên căn bản ấy, vùng Hậu Giang, nơi phát sanh và bành trướng ảnh hưởng PGHH đã ước lượng có đến 1.885.000 mẫu tây được canh tác. Nếu tính ra phần trăm thì miền này

đã chiếm đến 60% tổng số diện tích đất đai khả canh toàn quốc. Đại đa số mẽ cốt xuất cảng của Việt Nam, đã xuất phát tại đây.

Nhờ thuận lợi ở khế cơ và thích đương về khế lý, Phật Giáo Hòa Hảo ngày nay đã tổ chức được những cơ cấu thật rộng rãi và chặt chẽ để tùy duyên hóa độ quần sanh theo cơ chỉ cao thượng mà Giáo lý của Đức Giáo chủ PGHH đã khai thị.

Tổ chức cơ cấu

Năm 1946, trong một câu trả lời cho báo Nam Kỳ, Đức Thầy có cho biết rằng Ngài đã kết nạp được hơn triệu tín đồ. Sau đó, nhờ ảnh hưởng của 107 lần chu du khuyến nông thuyết pháp của Ngài qua các tỉnh miền Nam và nhờ sự truyền bá kinh giảng không bị cấm ngăn như dưới thời Pháp thuộc, số tín đồ PGHH tăng lên đến 2.000.000 người. Từ họ Ngô bị lật, sự truyền bá tư tưởng được tự do hơn, số tín đồ PGHH càng lúc càng tăng thêm. Cụ thể là ở Gò Công, Long Khánh, (miền Nam) hoặc Cam Ranh, Sông Cầu (miền Trung) xưa kia rất ít hoặc không có bóng dáng người tín đồ PGHH thì ngày nay, bản Thông Thiên cũng như trang Tam Bảo được thượng lên tại nhiều nhà đề thể hiện tinh thần quy phục.

Số tín đồ PGHH hiện hữu, đại diện cho một tỉ số 39% trên dân số vùng Hậu Giang hay 25% trên tổng dân số Việt Nam Cộng Hòa. Có những tỉnh như Châu Đốc, An Giang, Kiến Phong, Sa Đéc, tín đồ Phật Giáo Hòa

lên đến 90%. Dân số ở các tỉnh khác, tỉ số này thay đổi từ 20 đến 60%.

Với một khối quần chúng vĩ đại mà Đức Huỳnh Giáo Chủ đã kết nạp được, Ngài đã cho thành lập ngay từ năm 1945, các cơ cấu trị sự của Đạo từ Trung Ương đến thôn xã. Chính Ngài đã giữ nhiệm vụ Chánh Hội Trưởng cấp Trung Ương của Đạo để điều hành các cơ sở hạ tầng. Ngài cũng đã lập Việt Nam Phật Giáo Liên Hiệp Hội để hù hào thống hợp đạo Phật trong nước giữa khi các sơn môn nếp sinh hoạt rời rạc với cảnh tượng «rừng Pháp bảo, rừng chùa, rừng Phật.» Nhưng các cơ cấu nói trên vì tình thế, bị bế tắc, hoặc có hồi ngưng trệ.

Hiện nay, sau những lần Pháp nạn khốc liệt, PGHH đã có tư cách Pháp nhân. Giáo Hội Trung Ương (nhiệm kỳ 1) lần hồi phục hoạt các cơ cấu Trị Sự cũ và thiết lập thêm các cấp Trị Sự mới, làm thành một hệ thống dây chuyền, chặt chẽ liên hệ nhau để thiết hành việc đạo.

Theo nguyên tắc dân chủ, Giáo Hội được bầu cử từ Chi hội lên Ấp, Xã, Quận, Tỉnh, đến Trung Ương. Mỗi cơ cấu có một Ban Trị Sự đóng từ 9 vị (Xã) đến 17 vị (Trung Ương) và cho đến nay, Giáo Hội gồm có :

— Ba mươi hai (32) Ban Trị Sự Tỉnh và tương đương như sau :

- 1) An Giang
- 2) Ninh Thuận
- 3) An Xuyên
- 4) Phong Dinh.
- 5) Ba Xuyên
- 6) Phú Yên
- 7) Bạc Liêu
- 8) Sa Đéc

- 9) Biên Hòa
- 10) Thủ Đức Saigon
- 11) Bình Định
- 12) Tuyên Đức
- 13) Châu Đốc
- 14) Vĩnh Bình
- 15) Chương Thiện
- 16) Vĩnh Long
- 17) Đà Lạt
- 18) Gia Định
- 19) Khánh Hòa
- 20) Kiến Hòa
- 21) Kiến Tường
- 22) Kiến Phong
- 23) Kiên Giang
- 24) Long Khánh
- 25) Lâm Đồng

Thị Xã

- 26) Cần Thơ
- 27) Cam Ranh
- 28) Mỹ Tho
- 29) Rạch Giá
- 30) Vũng Tàu.

Liên Tỉnh

- 31) Long An — Định Tường

Tương đương

- 32) Thánh Địa Hòa Hảo và Quận biệt lập Thiện Từ
- Tám mươi hai (82) Ban trị Sự cấp Quận.
- Bốn trăm bảy mươi sáu BTS cấp xã (476).
- Trên ba ngàn một trăm cấp ấp (3100).

Giữ đúng tinh thần vô vi, Giáo Hội không chủ trương kiến trúc quy mô các cơ sở quy ngưỡng. Tuy nhiên, dù giản dị thế mấy, Giáo Hội cũng đã có:

- Hai trăm mười ba tự viện (213)

— Bốn trăm sáu mươi tám Đốc giảng đường¹ (468).

— Bốn trăm năm mươi hai (452) hội quán và hai ngàn tám trăm bảy mươi sáu trụ sở² (2876).

Số Trị sự viên các cấp đề sinh hoạt tại các Ban Trị sự, cộng 36.560 người. Ngoài ra Giáo Hội còn có hằng trăm Giảng viên và 10.000 Giảng sinh được đào tạo tại 21 trung tâm tu học và Học viện Giáo Lý với trách nhiệm đi diễn giảng Đạo Pháp khắp nơi cho đại chúng nghe. Giáo Hội lại tổ chức các Ban Quản Tự các Tự Viện. Ban Quản Trị các Đốc Giảng Đường đề liệu lý công việc nhà chùa và điều hành các công quả xướng đọc Sám Giảng. Mỗi Ban Quản Tự là 13 nhân viên và mỗi Ban Quản Trị cũng 13 nhân viên Như vậy, số Ban Quản Tự và Ban Quản Trị gồm có :

— Ban Quản Tự Tự viện : $13 \times 213 = 2769$ nhân viên.

— Ban Quản Trị Đốc Giảng Đường :

$13 \times 468 = 6086$ nhân viên.

Tổng cộng nhân viên của các ngành thuộc hệ thống Giáo Hội hiện nay là 55.509 người. Ai nấy đều làm việc hoàn toàn hi sinh với tinh cách cư sĩ tại gia, tự làm lụng đề tự tu tự độ và gắng gổ độ tha, không được cung cấp lương bổng và cũng không thụ nhận sự tài trợ của ai hết.

Tất cả trên dưới một lòng hướng về vị lãnh đạo duy nhất và tối cao là Đức Huỳnh Giáo Chủ. Từ ngày 16-4-1947, Đức Giáo Chủ vắng mặt, quyền uy tối thượng toàn thể tín đồ vẫn đặt trọn nơi Ngài. Nhưng về phần tinh thần, có Đức Ông Huỳnh Công Bộ và Đức Bà Lê thị Nhậm (thân phụ và thân mẫu của Ngài) lần lượt nối tiếp giữ nhiệm vụ hướng dẫn đồng đạo.

Hiện nay, Đức Ông và Đức Bà đã viên tịch, Tổ đình³ vẫn được quy ngưỡng. Nơi đây có cụ Huỳnh-văn-Quốc, bào đệ đức Ông, cô Huỳnh thị-Kim-Biên, bào muội Đức Thầy, ông Lâm-đồng-Thanh, tế tử của Đức Ông và Đức Bà, đại diện trông coi phụng tự và nhắc nhở việc tu hành cho các tín hữu, Hằng năm đến ngày 18 tháng 5 âm-lịch, tức ngày kỷ-niệm Đức Thầy khai sáng đại đạo, người ta kéo về như thác đổ, bàn chân nối tiếp với bàn chân, họ quỳ rạp từ thềm nhà Tổ đến ngoài sân, nguyện cầu bá tánh giải thoát tâm mê và Đức Thầy mau trở lại...

Trọng tâm công tác.

Trọng tâm công tác của Giáo Hội nhằm vào hai mục tiêu chính. Thứ nhất là phổ truyền Giáo lý P.G.H.H. trong nước và ngoài nước. Thứ hai, thực hiện các công tác xã-hội, cứu trợ, bố thí.

Công việc phổ truyền Giáo lý được xem như món ăn tinh thần để

1. Đốc Giảng Đường tức một cơ sở xây cất với một hình thức đặc biệt của P.G.H.H, khác hơn chùa, thường làm hai hoặc ba tầng bằng bê-tông cốt sắt, hình vuông. Tầng trên hết là tôn trí chân dung Đức Giáo Chủ, tầng kế đó dùng cho các Đốc Giảng Viên xướng đọc Sám Giảng trước máy vi âm và tầng dưới là hội trường, hoặc Tăng Pháp xá (Muốn biết rõ, xin xem quyền Đốc Giảng Đường và Đốc Giảng Viên do Ban tu thư Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương ấn hành, Bạch Diệp biên soạn).

2. Xin hiền Hội quán là những nơi làm việc của Giáo Hội được xây cất riêng biệt, có thờ phượng gần như Tự Viện; còn trụ sở là nơi tạm mượn đình chùa, tư gia để làm việc đạo rồi sẽ xây cất sau.

3. Ngôi nhà Tổ, nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ ra chơi và được Ngài mệnh danh là Kim-Sơn-Tự.

bồi dưỡng và phát huy đạo đức trong nhân loại để cải tạo con người, đồng thời công-tác xã hội nhằm nâng cao mức sống của chúng sinh trong một xã hội đang tiến bộ theo trào lưu của thế kỷ 20.

Mặc dù đang trong đà đầy mạnh của nhiều việc phải làm, Giáo Hội vẫn nỗ lực việc cứu trợ nạn lụt miền Trung, việc giúp đỡ các cô nhi quả phụ và thương phế binh, việc cấp học bổng để nâng đỡ các học sinh nghèo, việc cất nhiều ngôi nhà lá để tặng cho đồng bào xấu số ở nhiều nơi bị hỏa tai hay chiến họa, việc tặng quà và giúp thuốc men cho các phạm nhân trong các trại cải huấn các tỉnh và ngoài Côn đảo...¹. Gần đây còn có nhiều cuộc cứu trợ lớn lao về thiên nạn tại miền Trung và nhiều nơi khác trong nước.

Chương trình văn hóa xã hội dự định còn nhiều. Hiện nay một loại trường từ Trung đến Đại học được Giáo hội dựng lên, loại trường này mệnh danh là trường Hòa-Hảo, dạy theo chương trình chính phủ nhưng có mỗi tuần một số giờ Giáo-lý P.G. M.H. cho học sinh và sinh viên để chuẩn bị một kiến thức phổ thông, hầu sau này có thể bước sang các trung tâm tu học Giáo Lý P.G.H.H. hoặc đưa đi du học tại các đại học Đường Phật-giáo ngoại quốc.

Một trung tâm huấn luyện cán bộ xã hội cũng được mở ra với một chương trình dài hạn, do những người tình nguyện nhận chịu sự hy sinh trong một nếp sống khắc khổ

để đứng ra góp phần tế trợ và cải tạo lại một xã hội đang bị suy đồi.

Các công tác y-tế nông thôn, các trại tế bần, các nhà dưỡng lão, các viện mồ côi... mà Đức Giáo Chủ đã đề ra năm 1946, phù hợp với Giáo lý tu phước trong phước huệ song tu, cũng đã được Giáo Hội xúc tiến để thực hiện cho kỳ được².

Công tác truyền bá Giáo lý đã được tích cực hoạt động. Mặc dù trong tình trạng sơ khai, khởi sự bằng con số không, Giáo Hội đã mở đầu bằng một cuộc đại hội với trên 400 vị Trưởng ban phổ thông Giáo lý trong toàn quốc để biểu quyết một chương trình hoạt động then chốt của ngành Phổ thông Giáo lý. Kế đó là các cuộc hội nghị để định hình những chỗ in sai trong Kệ Giảng, hội nghị để trình bày và nghiên cứu các ngôn hành của Đức Thầy hầu tập đại thành những gì cần phải bảo tồn.

Khoảng 250 cuộc hội nghị được mở ra trong vòng ba năm (1964-1967) để nghiên cứu Giáo Lý P.G.H.H. Hằng trăm nhân viên phụ trách trong hằng chục tiểu ban chuyên môn để nhằm đúng mục tiêu phát huy Giáo Lý. Kết quả, Nguyệt san *Đuốc Từ Bi*, cơ quan Phổ Thông Giáo Lý P.G.H.H. với số lượng xuất bản mỗi tháng từ 15 đến 20 ngàn quyển phát hành khắp quốc nội và ra đến hải ngoại. Nội san *Sống Vì Đạo, Hưng Đạo, Chân Thiện, Chân Đạo*,

1. Tham khảo theo tài liệu thuyết trình của Ban-Trị-Sự Trung-Ương (nhiệm kỳ I) trong kỳ viếng thăm các tỉnh hồi tháng 7 năm 1966
2. Nguyễn-văn-Hầu : *Muốn về cõi Phật*, chương Hành thiện.

Ảnh Đạo đã được ra đời do các cây bút trẻ đang tu học tại các Trung Tâm Giáo Lý phụ trách. Tiếng nói Chánh Pháp và Sấm Giảng của Đức Giáo Chủ được chính thức tuyên dương trên các đài phát thanh và truyền hình Sài Gòn, Ba Xuyên và sau chuyển sang Cần Thơ, mỗi tuần nửa giờ đều đặn.

Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ do Đức Giáo Chủ viết ra, sau khi được đính chính và đề từ cẩn thận — vì lâu ngày tam sao thất bản — đã liên tục ấn hành mỗi kỳ hằng 20 ngàn bộ. *Phẩm Tôn Chỉ Hành Đạo* được phiên dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh và in bằng ba thứ tiếng với ấn loát mỹ thuật để phổ biến trên trường quốc

tế. Một bản chữ Hán cũng đã được dịch ra để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi tại các quốc gia Nhật Bản, Trung Hoa và Đại Hàn.

Ban tu Phổ Thông Giáo Lý cũng đã biên soạn được nhiều quyển sách thuộc loại học tập nội bộ và ấn hành hằng loạt để phát dương tinh thần tu học và sinh hoạt đường lối của Giáo hội, trong số đó có loại song ngữ được trình bày bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên 40,000 quyển đã phát hành và hiện đã soạn xong những quyển mới để tiếp nối xuất bản.

(CÒN TIẾP MỘT KỲ)

TRỤ SINH RẤT MẠNH ĐỐI VỚI CÁC VI-TRÙNG
GRAM-POSITIF và GRAM-NÉGATIF.

KANASENE

(SULFATE DE KANAMYCINE 1gm)

□ **ĐẶC BIỆT :** TÁC ĐỘNG TRÊN MYCOBACTERIUM TUBERCULOSAE.

□ **CHÚ TRỊ :** Nhiễm độc—Lao Phổi—Bệnh về bộ phận sinh dục, đường tiêu, ruột, các bệnh do vi-trùng Staphylococcus — Phòng ngừa trước khi giải phẫu.

UFFARMA CÔNG-TY nhập cảng.

186, TỰ-ĐỨC — SÀI GÒN

TEL : 92.830 — 95.308

Cao-Đài Đại-Đạo

HUỆ-LƯƠNG TRẦN-VĂN-QUẾ

I. PHẦN DẪN NHẬP.

Thời xưa, vì thiếu phương tiện giao thông trong năm Châu, nhân loại không thể tiếp xúc nhau. Ngày nay' nhờ những phát minh khoa học, sự đi lại thuận tiện và mau chóng, hiện ra cảnh « Năm Châu chung chợ, bốn biển chung nhà ». Tình trạng ấy đã có ảnh hưởng sâu xa đến các ngành hoạt động của loài người như : Chính trị, kinh tế, khoa học, văn học, mỹ thuật và tôn giáo. Nhờ thế các tư tưởng tổng hợp, đại đồng, đã lần lần xuất hiện. Trên môi trường Tôn giáo, tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, ngay từ đời Tam Quốc đã xuất hiện ở Trung Hoa rồi du nhập vào xứ ta và phát triển mạnh dưới hai triều Lý --- Trần. Người nước ta cho đến nay, trong khoảng gần nghìn năm, đã quen với từ ngữ : Nho, Thích, Đạo bốn đồng nguyên. Bởi thế ngay trong gia đình người dân, ngoài các «Giường thờ», thờ cúng tổ tiên, bên cạnh, nếu không là giữa nhà, được đặt lên bàn thờ Phật và Khánh thờ Mẫu (Thánh mẫu).

Từ năm 1926 trở lại đây, tư tưởng Tam giáo đồng nguyên đã hồi sinh mạnh mẽ dưới hình thức tổng hợp là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Cao Đài Đại Đạo, Cao Đài Giáo hay là Đạo Tam Kỳ. Kỳ này, trên bàn thờ các đấng Thiêng Liêng, ngoài Thiên nhân được đặt lên trên hết biểu hiệu cho Trời, cho đức Thượng Đế, thì lại có các pho tượng hoặc linh vị Tứ giáo Thánh như : Đức Thích Ca

Mâu Ni, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử và Đức Chúa Jêsus Christ,

II.— ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ HAY CAO ĐÀI GIÁO.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài Giáo đã xuất hiện xuyên qua sự phù cơ thánh Tiên.

Thuật này được truyền bá trong giới Tu Tiên và Nho học ở nước ta rất lâu đời có đến nghìn năm rồi.

Nguyên do thứ nhất.—

Vào khoảng 1908 đến năm 1926 một viên chức cao cấp, cụ tri phủ Ngô văn Chiêu, người tỉnh Tân An, thường đến hầu các đàn cầu Tiên tại Cái Khế (Cần Thơ) gọi là đàn Hiệp Minh và đàn Tiên tại Thủ dầu Một để xin thuốc trị bệnh cho mẹ và sau đó đề học Đạo.

Cụ có chí tu hành từ lâu nhưng không chịu học Đạo với thầy phàm. Cụ nhất nguyện học Đạo với Thần Tiên mà thôi.

Khi cụ được đòi ra làm việc tại Hà Tiên thì cụ thường lên núi Thạch Động thiết đàn cầu Tiên. Khi cụ được đòi ra làm chủ quận đảo Phú Quốc. Cụ thường lên núi Dương Đông (phù cơ thánh Tiên).

Năm 1920, trong một đàn cơ trên núi Dương Đông một Tiên Ông giảng xuống không chịu xưng tên nhưng nhận Cụ làm đệ tử, truyền Đạo cho Cụ (Đạo tu đơn) và bảo Cụ trưởng trai. Sau đó, theo lời ước nguyện của Cụ, Tiên Ông cho Cụ thấy cảnh

Bồng Lai hiện lên ngoài biên, ở chân trời, và một ít lâu Tiên Ông, hai lần, cho Cụ thấy Thiên Nhân rất chói lòa như mặt trời. Cụ quá ư sợ hãi nguyên xin Tiên Ông cho «Con Mắt» biến mất và nguyện xin vẽ «Con mắt» mà thờ. Nguyên xong thì «Con Mắt» biến mất.

Năm 1921, Cụ thiết đàn cầu cơ hỏi cách thờ phượng thì Tiên Ông dạy vẽ «Con mắt» như Cụ đã thấy mà thờ. Trước đó Tiên Ông đã có giáng cơ tả ra các Bài Kinh cần đọc mỗi ngày. Cùng lúc ấy Tiên Ông xưng danh là : Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi Cụ bằng con và bảo Cụ gọi Tiên Ông bằng Thầy. Vậy năm 1921 Cao Đài Đại Đạo ra đời mà chỉ có một mình Cụ Ngô Văn Chiêu biết mà thôi. Đức Cao Đài dạy Cụ phải giữ kín, chờ chừng nào có lệnh thì mới được truyền ra.

Cụ Ngô Văn Chiêu được đổi về Saigon vào năm 1924 và làm việc tại Nam Kỳ Soái Phủ. Ban ngày Cụ đi làm việc, ban đêm Cụ công phu tu trì. Sau đó, Cụ có độ được các bạn của Cụ là Các cụ :

Tri phủ Vương Quan Kỳ,
Thông phán Nguyễn Văn Hoài,
Thông phán Võ Văn Sang và
Cụ Đốc Học Đoàn Văn Bản.

Lối tu hành của Cụ Ngô Văn Chiêu được gọi là : Nội Giáo tâm truyền, thuộc về phần Hình Nhi Thượng của Cao-Đài-Dại-Đạo.

**Nguyên do thứ hai. —
Cuộc xây bàn.**

Thuật xây bàn đã xuất hiện từ lâu bên Âu-Mỹ, nhất là tại Pháp trong giới Thần-Linh-Học. Thuật xây bàn được du nhập vào nước ta trước năm 1925 không rõ là bao lâu. Nhưng có điều

chắc chắn là cuối năm ấy, một nhóm công chức Sở Thương-Chánh và Sở Hỏa-Xa Saigon gồm các Cụ: Cao-Quỳnh-Cư, Phạm-công-Tắc, Cao-Hoài-Sang, mỗi buổi chiều thường tụ nhau lại tại nhà Cụ Cao-Quỳnh-Cư, bường Bourdais để xây bàn làm món tiêu khiển. Lúc đầu vong linh các vị thần thuộc về, sau lại có một vài vị Tiên nương, trên Diêu-Trì Cung giáng xuống làm thi họa vận với các Cụ. Sau cùng có một vị Tiên, không chịu cho biết tên thiệt mà chỉ xưng bí danh là A, Ằ, Ằ (sau mới rõ là Đức Chúa Trại ba ngôi) giáng xuống làm thi, họa vận với các Cụ.

Sau đó, một vị Tiên nương dạy các Cụ phải tìm cho được đại-ngọc-cơ thì cầu cơ mới tiện. Xây bàn mất quá nhiều thì giờ và chậm chạp lắm. Các Cụ nghe theo và từ đó không xây bàn nữa. Mỗi khi thiết đàn thì dùng «đại-ngọc-cơ» với hai người phò loan (deux médiums).

Đàn cơ đêm NOEL (24, 25/12/1925)

Phò loan : Hai Cụ : Cư, Tắc. Có viết như sau :

«Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao.
Đài-Giáo Đạo Nam phương.

«Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền
«Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
«Đạo Mầu rười khắp nơi trần thế,
«Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên»

«Đêm nay phải vui mừng vì là
«ngày Ta đã xuống trần dạy Đạo
«bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui
«lòng mà đặng thấy Chư-Đệ-Tử kinh
«mến Ta như vậy. Nhà này sẽ đầy
«ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền
«diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.

«Bấy lâu Thầy đã tá danh A, Ằ,
«Ằ là cốt để diu dắt các con vào
«con đường Đạo Đức, hầu chẳng bao

« lâu đây các con phải ra giúp Thầy
« mà khai Đạo. Các con có thấy Thầy
« khiêm nhượng là dường nào chưa?
« Các con nên bắt chước Thầy trong
« mây mùn thì mới xứng đáng là
« người Đạo Đức».

Sau đó các Cụ có thiết đàn
hỏi cách thờ phượng thì Đức Thượng
Đế Cao-Đài dạy phải vẽ «Con mắt» mà
thờ. Các Cụ rất phân vân bèn định
cho sáu vị tối về nhà tư chấp bút
hỏi xem lệnh dạy vẽ «con Mắt» mà
thờ phải do Đức Cao-Đài Tiên Ông
không? Sáng bữa sau, sáu vị nói trên
trình cho tập thể sáu tờ giấy có vẽ
sáu «con mắt» mà không một lời giải
thích nào !

Thấy thế các Cụ lại càng thắc
mắc thêm lên, và thiết lập đàn cơ hỏi
về việc ấy : Đức Cao-Đài Tiên Ông
giảng dạy như sau : « Đi lên Chiêu cho
nó chỉ cho ! » .

Tuân lệnh Ngài các Cụ Lê-văn-
Trung, Cao-Quỳnh-Cư và Phạm-công-
Tắc bèn tìm đến nhà Cụ Chiêu và tổ
bày tự sự :

Cụ Chiêu nói : « Việc thờ Thiên-
Nhân là chánh lý. Chính tôi đã được
lệnh thờ như vậy lâu rồi ». Cùng trong
một lúc Cụ Chiêu biểu cho các vị tân
khách : ba bài Kinh dâng Tam-bửu
Hoa, Trà, Rượu, bài cầu cơ «Trời-
Còn»vu bài «Mừng», khi cơ lên. Sẵn
có mang đại ngọc cơ theo các Cụ bèn
xin phép Cụ Chiêu cho lập đàn tại tư
gia Cụ để xin Ông Trên dạy việc. Cụ
Chiêu ưng thuận — Khi cơ lên Đức
Thượng-Đế Cao-Đài giảng xuống dạy
các Cụ phải hiệp với Cụ Ngô-Văn-Chiêu
mà cùng truyền Đạo. Ngài lại dạy :
« mọi việc đều do Chiêu là anh cả » .
Thế là Hội-Thánh đầu tiên đã được

thành lập và gồm có các Cụ : Ngô.văn
Chiêu, Vương-quan-Kỳ, Nguyễn.văn-
Hoài, Võ.văn-Sang, Đoàn.văn-Bản, Lê-
văn-Trung, Lê.văn-Giang, Lý.trọng-Quí
Cao-quỳnh-Cư; Phạm-công-Tắc, Cao-
Hoài-Saug, Nguyễn-Trung-Hậu và
Trương-Hữu-Đức.

Các đàn cơ bổ túc.

a). *Đàn đêm 30 tháng Chạp năm
Ất-Sửu (12/2/1926) .*

Cụ phủ Ngô-văn-Chiêu, theo lịnh
Ông Trên, cùng đi với hai vị phò loan
là Cụ Cư và Cụ Tắc đến tư gia các Cụ
Võ.văn-Sang, Cao-Quỳnh-Cư, Vương-
quan - Kỳ, Lê.văn - Giang, Nguyễn-
Trung-Hậu, Nguyễn-văn-Hoài, Phạm-
công-Tắc, Đoàn.văn-Bản, Lý-Trọng-
Quí và Cụ Lê.văn-Trung v.v...lập đàn
để Đức Thượng-Đế Cao-Đài giảng cơ
phê bình tánh hạnh mỗi vị.

b) *Đàn đêm Mồng 1 Tết năm Bình
Dần (13-2-1926).— Đến Tý thời đêm
1 tháng Giêng Bình-Dần (13-2-1926)*
Đức Thượng-Đế Cao-Đài giảng «phân
công cho Chư quý vị hưởng đạo như
sau :

« Chư đệ-tử nghe :

« Chiêu, buổi trước hứa lời truyền
« Đạo cứu-vớt chúng sanh nay phải y
« lời mà làm chủ diu-dắt cả môn đệ
« Ta vào đường Đạo-đức đến buổi
« chúng nó thành công, chẳng nên
« tháo truớc. Phải thay mặt cho Ta
« mà dạy dỗ chúng nó.

« Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo
« thay mặt cho Chiêu mà đi độ người.
« Nghe và tuân theo. Đức tập cơ,
« Hậu tập cơ ; sau theo mấy anh
« đẳng độ người. Nghe và tuân theo.»

Nhơn cơ hội này Cụ Ngô . văn-

Chiêu bạch xin Ông Trên : lấy tên chư môn đệ hiện diện làm một bài thơ kỷ-niệm.

Ông Trên giảng cơ cho bài thơ như sau :

*Chiêu, Kỳ, Trung, độ dẫn Hoài sanh,
Bản đạo khai Sang, Quí, Giảng thành
Hậu, Đức, Tắc, Cư Thiên địa cảnh,
Quơn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.*

Chiêu, Kỳ, Trung, Hoài, Bản, Sang, Quí, Giảng, Hậu, Đức, Tắc, cư là tên mười hai môn đệ đầu tiên của Đức Thượng-Đế Cao-Đài).

Đức Thượng-Đế lại phán : « Quơn, Minh, Mân sau sẽ rõ).

c) *Đàn đêm 9 tháng Giêng Bình Dân (21.2-1926)* tại tư-gia Cụ Vương-quan-Kỳ. Trong đàn cơ này có chư môn đệ Đức Thượng đế Cao-Đài và cả chư nhu, các mối Đạo thuộc hệ thống cầu cơ. Đức Thượng-Đế Cao-Đài giảng cơ dạy như sau :

Bửu tòa thơ-thời trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà,
Chung hiệp ráng vun nền Đạo-Đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

. Thầy làm chủ, sau các con sẽ « hiểu.

. Thầy muốn cho các con thuận « hòa nhau hoài, ấy là lễ hiến cho « Thầy rất trọng. Phải chung lo cho « danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là « các con ; Các con tức là Thầy. « Phải làm cho nhauặng thế lực, « đừng ganh gờ nghe.

. Các con giữ phận làm tùy ý « Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý muốn « của thầy ».

Thế là hai nhóm người : Nhóm Quan phủ Ngô-văn-Chiêu và nhóm cụ Lê-văn-Trung (tập thể xây bàn) hiệp

lại làm một đề chung lo việc phổ độ Nhơn sanh trong phạm vi Saigon — Cholon và các Tỉnh lân cận.

Vì Quan-chủ Ngô-văn-Chiêu từ thời phải công-phu tịnh luyện, không thể đi chỗ này chỗ kia được, cho nên ba Cụ : Trung, Kỳ, Hoài, theo lệnh Đức Thượng-Đế Cao-Đài phải đi thế. Mỗi tối thứ bảy Cụ Chiêu tự mình thiết một tiệc chay tại tư gia ở đại lộ Bonard (nay là Lê-Lợi) số 110 để đãi các vị đã thay mặt Cụ mà đi giảng Đạo khắp nơi. Cụ lại còn xuất tiền ra mua cho một ít vị mỗi vị một áo xuyến đen hoặc áo hàng trắng để bận mà đi làm việc cho Đạo.

'd) *Đàn đêm 25 tháng hai 1926.*

Trong đàn này, Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài Tiên Ông Đại-bồ-tát Ma-ha-tát giảng cơ dạy cách dâng lễ phẩm (hoa, rượu, trà) cách lạy và giải-thích ý-nghĩa Thiên Nhân như :

Nhân thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả, Ngã dã.

Thích nôm :

Con mắt là chủ cái Tâm,
Hai lạng sáng trong hai con mắt
là phần chủ tế.

Lăng sáng ấy là Thần (Esprit).
Thần tức là Trời
Trời ấy là Ta vậy.

d) *Đàn cơ đêm 23, 24 tháng 4 năm 19-6 (11 và 12 tháng 3 Bình-Dân)*

Trong đàn này, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,

Giảng cơ dạy cuộc sắp Thiên phong và thành lập Hội Thánh Cao Đài Đại Đạo.

Chức sắc, chức việc các cấp đều được ấn định rõ rệt với phẩm phục (đại phục và tiểu phục). Việc này đã được nói rõ trong Quyền Pháp Chánh Truyền. Sách này được tiếp ra trong nhiều lần cơ liên tiếp tại Chùa Từ Lâm Tự hay Thiên Lâm Tự tục gọi là Chùa Gò Kén, cách châu thành Tây Ninh 3 cây số ngàn về hướng Saigon, nhưn cuộc lễ khánh thành Chùa này. Cuộc lễ khánh thành, theo phép xin thì có ba ngày mà, trên thực tế, đã kéo dài ra đến ba tháng — vì lễ thiện nam tín nữ từ phương, cho đến người Cao Miên và Mọi Ta Moun trên vùng Cao Nguyên, không ai mời mà tấp nập đến lễ bái, bất chấp sự cấm cản của Chánh Phủ Miên triều. Sau có lệnh Ôn Trên giảng cơ bảo « bệ mạc » thì chư hướng đạo mới dám chấm dứt cuộc lễ.

Theo Pháp chánh Truyền, Hiến Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì có chín phẩm trật như sau : từ cao xuống thấp như sau :

- | | | |
|--------------|---|--|
| Đệ Nhứt thừa | { | 1) <i>Giáo Tông</i> (1 vị) |
| | | 2) <i>Chưởng pháp</i> (3 vị thuộc ba phái : Thái, Thượng, Ngọc). |
| | | 3) <i>Đầu Sư</i> (3 vị thuộc 3 phái như trên). |
| Đệ Nhị thừa | { | 4) <i>Phối Sư</i> (36 vị thuộc 3 phái như trên). |
| | | 5) <i>Giáo Sư</i> (72 vị thuộc 3 phái như trên.) |
| | | 6) <i>Giáo hữu</i> (3.000 vị thuộc 3 phái như trên). |
| Đệ tam thừa | { | 7) <i>Lễ sanh</i> (vô số định, thuộc 3 phái như trên) |
| | | 8) <i>Chánh phó trị sự và thông sự</i> (thuộc hàng chức việc, vô số định). |
| | | 9) <i>Nhơn sanh</i> : toàn thể thiện nam tín nữ. |

Trụ sở chánh của Hội Thánh Cao Đài Đại Đạo được gọi là Tòa Thánh. Thí dụ : Tòa Thánh Tây Ninh. Trụ sở của một Tỉnh Đạo thì gọi là Tỉnh Đạo. Trụ sở của một Họ Đạo thì gọi là Thánh Thất. Tòa Thánh, Tỉnh Đạo, Thánh Thất đều được xây cất theo một kiểu và gồm có ba phần từ trong ra ngoài như sau :

Bát Quái Đài (Đại hùng bửu điện : Maitre Autel : nơi thờ Trời, Phật, Tiên, Thánh).

Cửa trùng Đài (có 9 cấp dành cho Cửu phẩm vừa kê trên đến châu lễ.)

Hiệp Thiên Đài (trên từng lầu thứ nhứt, nơi phù cơ thỉnh Tiên).

— *Đại Lễ* (ngày rằm và ngày mồng một mỗi tháng : có chung, cổ, âm nhạc và đủ các nghi tiết).

— *Tiểu Lễ* : có âm nhạc, dựng hoa, hoặc rượu, hoặc trà tùy theo thời : Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu).

Về Quan, Hôn, Tang, Tế thì có nghi tiết và Kinh kệ riêng.

ĐẠO LUẬT

Đạo Luật là pho Luật đã được lập thành ngày Rằm tháng mười năm Đinh Sửu (1927) ấn định nhiệm vụ và quyền hành cho bốn tổ chức sau :

- 1) *Hành Chánh.*
- 2) *Phước Thiện.*
- 3) *Tòa Đạo.*
- 4) *Phổ Tế.*

e) *Đàn đêm 14 tháng 4 năm 1926.*

Trong đàn cơ này Đức Ngọc Hoàng Thượng-Đế Viết cao-Đài Giáo Đạo Nam Phương giảng xuống dạy như sau :

« Trung, Cư, Tắc, ba con lập tức lên . Chiếu biểu nó sấm hiển một bộ thiên « phục màu trắng có chữ Càn của Bát.

« Quái theo y kiểu thầy vẽ, thân bằng
« chữ vàng. Dẫn nó mua thứ thiệt tốt,
« mao cũng vậy».

Lời chú-giải : Bộ thiên-phục nói trên là bộ thiên-phục của vị Giáo-Tông. Như vậy quan-phủ Ngô-văn-Chiêu đã được Đức Thượng-Đế Cao-Đài phong cho chức Giáo-Tông, chiếu theo pháp-chánh. Truyền Nhưng vì đã tu theo lối ăn tu mà mục-đích cuối cùng là sự giải-thoát cho nên Cụ không dám nhận chức tước hữu hình. Sau đó Cụ xin rút lui về Cần-thơ và lập ra phái Chiếu-Minh chuyên lo việc tu đơn cho đến ngày Cụ quì liêu.

Sau khi Cụ Ngô-văn-Chiêu rút lui thì Cụ Lê-văn-Trung lên thay cầm giềng mối Đạo. Từ đây nền tôn giáo lấy tên là : Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ mà ý nghĩa đã được ấn-định rõ ràng do đàn cơ đêm 8 tháng 4-1926 tại Vĩnh-Nguyên-Tự quận Cần-Giוע.

Như vậy : Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ tục gọi là Cao-Đài-Giáo là hình thức : Ngoại-Giáo Công-Truyền (Partie exotérique) của Cao-Đài Đại-Đạo hay Đạo Trời.

Đến đây xin ngừng bút về phần khái-lược.

(CÒN TIẾP MỘT KỲ)

SAIGON ẨM QUÁN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000 000 : 00

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

B. T. : 22.208 — 22.498

**TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH
NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY**

**KẸM ẨM
MẮT NGỦ**

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ẨM NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

Số 48 / BYT / QCDP ngày 13-7-72

Không giáo vô thần hay hữu thần

• NGUYỄN - VĂN - THỌ

« Không giáo vô thần hay hữu thần » đó là một đề tài đã gây sóng gió hơn một trăm năm tại Trung Hoa và Âu Châu.

Cho nên khảo về vấn đề này và đặt lại nó vào hoàn cảnh lịch sử của nó, ta sẽ hiểu rõ tại sao xưa, người ta lại có những quan niệm tương phản nhau, và nhân đó cũng sẽ giúp cho chúng ta có một ý niệm chính xác hơn về vấn đề.

Trong bài này tôi sẽ trình bày vấn đề một cách khách quan, và sẽ lần lượt bàn về :

- 1) Thái độ của các vị giáo sĩ khi sang giảng đạo bên Trung Hoa.
- 2) Quan niệm của ít nhiều giáo sĩ dòng Tên về Không giáo và phương pháp giảng giáo của các Ngài.
- 3) Quan niệm của đa số các giáo sĩ khác về Không giáo và phương pháp giảng giáo của các Ngài. Thái độ của các Giáo hoàng.
- 4) Quan điểm của vua Khang Hi.
- 5) Quan niệm về Thượng đế qua Tứ Thư Ngũ Kinh.
- 6) Quan niệm về Thái cực của Tống Nho.
- 7) Tổng luận.

o o o

Muốn bàn về vấn đề này, chúng ta hãy cùng nhau trở về dĩ vãng, sống lại khoảng đầu thế kỷ XVII, khi mà các giáo sĩ Âu Châu bắt đầu sang truyền giáo tại Trung Hoa một cách qui mô và liên tục.

Nói thế có nghĩa là trước thế kỷ XVII, các giáo hoàng và vua chúa Âu Châu cũng đã từng có những liên lạc ngoại giao với Trung quốc.

Giáo hoàng Innocent IV (1241 — 1254) đã gửi một sứ thần tên là Jean de Plan sang vua Thái tổ (Gengis Khan) nhà Nguyên ở Karakourum¹.

1. Xem Virgile Pinot, *La Chine et la formation de l'esprit philosophique en Chine*, Librairie Paul Geuthner, 13 Rue Jacob Paris. 1922 p. 8.

Vua Louis IX (1214 — 1270) nước Pháp đã tìm cách ngoại giao với vua chúa Trung Hoa qua trung gian Guillaume Ruysbroeck¹.

Giáo hoàng Clément IV (1265 - 1268) cũng đã có liên lạc ngoại giao với vua Thế tổ nhà Nguyên (Koubilai Khan) ở Bắc Kinh².

Những liên lạc ngoại giao ấy nhằm vào hai mục đích: giảng giáo và tìm một liên minh mạnh mẽ có thể uy hiếp Hồi giáo ở phía sau lưng³.

Năm 1269, Nguyên Thế tổ cũng đã gửi sứ thần sang Tòa Thánh xin Giáo hoàng gửi cho 100 đại biểu đến họp đại hội các tôn giáo ở Bắc Kinh.

Nhưng mãi đến đầu thế kỷ XVII, các giáo sĩ Âu Châu mới sang Trung Hoa đông đảo. Chúng ta ghi nhận: Linh mục Matteo Ricci, dòng tên, đã tới Bắc Kinh năm 1598, và đã xin vào bộ kiến vua Khang-Hi ngày 4-1-1601, với tư cách một nhà bác học thông thiên-văn, địa lý, toán học, sẵn sàng phục vụ nhà vua...⁴

I.— THÁI ĐỘ CHUNG CỦA CÁC GIÁO SĨ ÂU CHÂU KHÍ SANG GIẢNG GIÁO BÊN TRUNG HOA.

Các giáo sĩ sang giảng giáo ở Trung Hoa dĩ nhiên là những người can trường, coi thường sinh mệnh; lắm người lại rất có học thức.

Nhất là các linh mục dòng Tên: Ngoài khả năng đạo giáo, họ còn có nhiều tài ngoại như am tường thiên văn, lịch số, âm nhạc, kỹ thuật. Linh mục Shall còn đúc cả súng giúp vua nhà Minh⁵.

Các linh mục dòng tên thường có một thái độ uyển chuyển hơn, chủ trương chinh phục Khang Hi và triều đình trước đã, rồi ra sẽ

1. Ibid.

2. Xem : *La Chine et la formation de l'esprit philosophique en France*, tr. 18

3. lb. tr. 17

Amaury de Riencourt, *L'Âme de la Chine*, tr. 219 — 220

4. Marianne Monestier, *Les Jésuites en l'Extrême Orient*, tr. 89

5. *La Chine et la formation de l'esprit philosophique en Fran-*

chính phục được dân chúng một cách dễ dàng. (1)

Họ muốn dùng đạo Khổng làm bàn đạp để giảng đạo Công giáo, nên chủ trương phải khen đạo Khổng, nhưng khen một cách vừa phải; còn nếu cần chê, thì chê nhẹ nhàng. Trái lại cần phải đả kích Phật, Lão nặng nề. (2)

Các giáo Sĩ các dòng khác thường có thái độ cố chấp, cho rằng ngoài dân DoThái ra không thể nào có dân nào khác được mặc khải về Thiên Chúa (3). Họ coi các dân tộc Á Đông như là những dân tộc man di, mọi rợ; giống «khỉ», nhiều hơn là giống «người», (4) có thành Công giáo thì cũng chỉ thành

1, 2. Amaury de Riencourt, *L'Âme de la Chine*, p. 226 — 227

La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France
p. 75 — 77.

3. Khoảng năm 1700, trong một phiên hội thảo về đạo giáo Trung-Hoa, Tiến sĩ Coulau chủ trương rằng những dân tộc xưa như dân Gaulois, Ai-Cập, Mỹ, Ba-Tư đều theo đạo độc thần... Tổng giám mục Bossuet cho rằng chủ-trương đó rất nguy hại vì đã cho rằng đạo nào cũng như nhau. Ngài thúc giục Hồng y De Noailles phi bác quan điểm trên, nhưng Hồng Y Nouailles chỉ truyền cho cảnh sát tịch thu các tác-phẩm của Coulau mà thôi. Tuy nhiên Giám-mục Bossuet lại được một vị tiến sĩ Sorbonne khác là ông Ellies du Pin dùng những chứng cứ trong quyển *Histoire universelle* (của Bossuet) để minh biện rằng : Trước chúa Jésus không dân ngoại nào được biết Thiên Chúa, ngoài dân Do-Thái và như vậy mọi dân-tộc đều thờ tà thần, theo tà đạo... (Xem *La Chine et la formation de l'esprit philosophique en France*, p. 104-106)

4. They (the missionaries) despite the « yellow races » of the Orient they tried to convert these inferior beings and at the same time told each other, in print, and even told them to their face, that they were so brutish, so contemptible, that they were hardly worth converting. « Chinese civilisation » wrote a distinguished missionary priest in the middle of the 19th century, « is a monstrosity, not only anti-christian, but anti-human... The religions of the Chinese are monstrous, absurd, the most ridiculous in the world. « One does not find humanity, he concluded, among the peoples of the Orient, but only « monkeydom ».

Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 167.

Pierre Charles, S.J., *Tactique missionnaire ou théologie de l'apostolat total ?* in *Nouvelle Revue théologique*, Avril Mai, 1940, p. 388. (Pierre Chartes đã trích dẫn câu này, chứ không phải đã nói câu này).

được những thứ công giáo thấp kém (1), không thể nào coi ngang hàng với người Âu châu được (2)

Các giáo sĩ Âu châu hồi ấy lại còn bị ảnh hưởng nặng nề của giáo phái Jansénisme, nên đã cho rằng :

Những dân tộc sống ngoài đạo Công giáo đều sa địa ngục hết. (3)

Vua chúa Trung Hoa đều sa địa ngục hết. (4)

Không tử cũng sa hỏa ngục đời đời như các đại triết gia Hi-Lạp :

1. The Chinese, being by nature inferior to the European, will always be inferior as a Christian. ».

Failure in the Far East, p. 168.

Méthode de l'apostolat moderne, Hongkong 1911, p. 800

2. All the missionaries will love the Chinese for the love of God and for the sake of their souls ; we will devote ourselves to them, on supernatural principles ; but friendship ! that is impossible.

Failure in the Far East, p. 168

Méthode de l'apostolat moderne en Chine, Hongkong, 1911, p. 800

3. In his twenty first question, Navarette asked if Gentiles, i.e. non Christian Chinese who lived a respectable life (non nimis laxè, sed aliquantulum modeste viventes).

« Some missionaries », he said meaning the Jesuits, « has denied this proposition ». The Holy Office replied : « Those who teach that these Gentiles are not punished with eternal suffering. contradict the Holy Scriptures » Answering the 22th question, the Holy Office affirmed that Infidels dying without baptism or without having had a real desire for baptism, were damned.

Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, pp. 128, 129.

4. In 1665, the Regents accused the Spanish Dominicans and Franciscans of teaching that all the long line of Chinese Emperors were burning in hell. (Ib. p. 104)

This was obviously not a propitious moment for Propaganda to try and set up in China an episcopal administration directed by men who told the Chinese that all their ancestors were in hell. (Ib. p. 104).

PHÂN ƯU

Nghe tin Cụ Thân sinh của L.M. Hội viên LÊ-THANH-QUẾ đã từ trần ngoài Bắc.

Phong-trào HÙNG GIÁO VĂN ĐÔNG thành thực chia buồn cùng tang quyến.

Platon, Socrate, Pline, Aristote Sénèque... (1)

Giám mục Maigrot, sứ thần tòa thánh (1652 — 1730) đã dám nói thẳng vào mặt vua Khang Hi rằng nhà vua là một kẻ theo tà đạo. (2)

Giám mục Tournon, vị sứ thần tòa thánh đại diện Giáo Hoàng Innocent X, đến Bắc Kinh vào tháng 12 năm 1705 cũng tuyên bố: «Vua cũng như các bậc thức giả Trung Hoa đều là vô thần, đều theo tà đạo, các lễ nghi Trung Hoa đều là dị đoan và đáng cấm đoán. Và vì quyết định đó là của Giáo Hoàng nên không thể bàn cãi gì được nữa. (3)

Nhiều nhà truyền giáo lại còn cho rằng lịch sử Trung Hoa không

1. The priest of the Foreign Missionary Society announced that : « Confucius was damned to eternal flames ». lb. 128

... The Holy Office replied : « Allowing for what has been said, it is forbidden to say that Confucius is saved. » (lb. p. 104)

Navarette however, reinforced in his opinions by these decisions, declared five years later, that since « Socrates, Plato Aristotle, Pliny, Seneca, etc, were irretrievably damned, how much more Confucius who was not worthy to kiss their feet. » lb 129

Moralèz (1597-1664) has accused the Jesuits of permitting the Chinese «to ask favours of a man who was damned. », and Ildefonse de St. Thomas, about 1670, complained that they allowed worship to be paid « to idols, demons, and persons who are damned ». lb. 128

2. Encouraged, perhaps by the prospect of martyrdom, he (Maigrot) accused the Emperor (Khang Hi) of idolatry and atheism.

Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 144.

3. In a long commentary on this memorial (of Kilian Stumpf, The Procurator of the Jesuit Mission at Peking, dated 14th May, 1706) the Legate (Tournon) replied that the Jesuits «in their cabals and evasions had no other resource than to obtain from a Pagan Emperor what they could not hope for from reason and sound theology» that the men of Letters «were all atheists and idolaters at the same time»; and that the Emperor himself professed nothing else but a mixture of atheism and idolatry... lb. 138.

.. To all appeals and explanations, he replied with 'the one word-submit ! The Pope, he said, had decided that the Emperor and all the Lettered men of China were idolaters, and that their rites and ceremonies were superstitious and damnable : and since his decision was irrevocable, it could not even be discussed. lb. 127 — 128.

thề nào lâu lai, cồ kính, như người Trung Hoa đã viết, vì nếu thực như vậy, là trái với thánh kinh ! (1)

Nói chung thì các giáo sĩ Âu-châu đã chủ trương phải phá bình địa các đạo giáo, các học thuyết triết học Trung-Hoa để giảng rao Thiên Chúa giáo. (2)

Những thái độ cứng rắn và cao ngạo nói trên cũng có thể giải - thích thêm được, nếu chúng ta ghi nhớ rằng Trung Hoa càng ngày càng mất thế giá trước những thế lực đang lên của Tây Phương, với những chiến hạm và

(1.) Tandis que le P. Couplet faisait partir l'histoire certaine de la Chine du règne de Houang ti en 2697. av. J. C., le P. Du Halde ne fait commencer le cycle sexagénaire donc l'histoire certaine de la Chine, qu'au règne de Yao en 2357 av. J. C...

Bornons nous à contester que l'audace des Jésuites en ce qui concerne la chronologie chinoise, loin de croître avec le temps ne faisait que diminuer. Il suffit, pour s'en rendre compte de remarquer que du P. Martini au P. Couplet et du P. Couplet au P. Du Halde, la chronologie chinoise *se trouvait réduite de six siècles*.

... et qu'elle tendait de plus en plus à satisfaire les chronologistes es plus intransigeants...

Ainsi donc les Jésuites de Canton, Jésuites de Paris, Fréret en apparence, pour des raisons diverses et avec des méthodes différentes, enlevaient tout venin à la chronologie chinoise...

Elle s'adaptait (cette chronologie) de plus en plus au calcul des temps le plus court, elle tendait à rendre impossible désormais la négation du Déluge universel en vertu de l'exemple chinois...

La Chine et la Formation de l'esprit philosophique en France 265.

... Si bien que (pour Martini) l'histoire authentique de la Chine remonte à l'an 2952 av. J.C. lb. 201.

(2.) Les Jésuites avaient entrepris cette évangélisation sur une échelle cyclopéenne et s'étaient dressés contre les autres missions catholiques, franciscaines, capucines et dominicaines, qui toutes croyaient en la politique de la table rase cad en l'absence totales de compromis avec les cultures et modes de pensée de l'étranger. Selon cette doctrine opposée à celle des Jésuites, les missions chrétiennes devaient tenter de convertir les masses et détruire de fond en comble les civilisations païennes...

Amaury de Riencourt, *L'Âme de Chine*, p. 230.

những hòng súng đen ngòm càng ngày càng sẵn sàng cho dân Trung Hoa ném mùi đạn lửa. (1)

Hiều được thái độ chung nói trên, chúng ta mới hiểu rõ tầm mức giá trị của những lời phê phán của họ về Khổng giáo.

2.— QUAN NIỆM CỦA ÍT NHIỀU GIÁO SĨ DÒNG TÊN VỀ KHỔNG GIÁO, VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG GIÁO CỦA CÁC NGÀI :

Nói là Dòng Tên nhưng thực ra chỉ có một số ít, linh mục dòng tên như Ricci, Lecomte, Couplet, Iatorcetta, Rougemont, du Halde v. v ... chủ trương Khổng giáo hữu thần, còn nhiều linh mục dòng tên khác như Longobardo, Ruggieri cũng cho rằng Khổng giáo là vô thần (2)

L. M. Ricci chủ trương : « Tôi đã nhận thấy có nhiều đoạn (trong Tứ thư, Ngũ Kinh) phù hợp với tín ngưỡng chúng ta, ví dụ như Thiên Chúa duy nhất, linh hồn bất tử, các thánh nhân được vinh quang v.v.. (3)

Cha Lecomte viết :

« Đạo giáo Trung Hoa hình như đã giữ được tinh toàn qua các thế hệ những chân lý chính yếu mà Thiên Chúa đã mặc khải cho những người sơ thủy. » Trung Hoa, lúc sơ khai, may mắn hơn các nước trong hoàn vũ, đã thấu lượm hầu như từ chính mạch chính nguồn, những chân lý thánh thiện và chính yếu cho đạo giáo cổ thời của họ. « Những vị Hoàng đế đầu tiên đã xây đền thờ Thiên Chúa, và thực không phải là một vinh dự nhỏ cho dân Trung Hoa vì đã tế lễ Tạo Hóa trong một đền thờ cổ kính nhất thiên hạ. Niềm đạo hạnh ban sơ đã gìn giữ được trong dân chúng nhờ công lao của các vị Hoàng đế, vì thế mà tà đạo đã không lọt được vào Trung Quốc... » (4)

1. Mais il faut reconnaître que ce changement fondamental de l'action missionnaire eut une autre cause; sans le comprendre clairement, les autorités religieuses d'Occident avaient senti par intuition que les civilisations asiatiques commençaient à s'écrouler ainsi que leurs valeurs culturelles, tandis que les classes dirigeantes tombaient en décadence... lb. 231.

2. Cf. Henri Bernard Maitre, *Sagesse chinoise et philosophie chrétienne*, P. 98, 99.

Cf. *La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France*, P. 77, 78.

3. Xem Henri Bernard Maitre, *Sagesse Chinoise et philosophie chr.* P. 103. — Nguyễn văn Thọ, *Khổng Học tinh hoa*, tr. 29.

4. Cf. Henri Bernard Maitre, *Sagesse chinoise et philosophie chrétienne*, p. 113.

Cf. Nguyễn văn Thọ, *Khổng Học Tinh Hoa*, tr. 33.

Cũng nên ghi nhận rằng quan điểm trên đây của cha Lecomte đã hoàn toàn bị Đại học Sorbonne phi bác. (1)

Cha Du Halde, trong bộ sách của Ông về Trung-hoa cũng đã bình luận dài giòng về đạo giáo Trung-Hoa

L.M. Du Halde viết: « Trong kinh Thư, ta thấy các vị Hoàng đế Trung Hoa khẩn cầu Thượng đế để ngài đừng gieo tai giáng họa cho dòng dõi mình.

« Cũng nên ghi nhận rằng họ gán cho Thượng đế những đặc tính xứng đáng và thích nghi cho một vị chủ tể hoàn hảo. Họ cho rằng Thượng đế toàn năng, biết quan phòng, thông sáng, công bình nhân ái. Họ gọi Ngài là cha, là Chúa, Họ thờ Ngài bằng một sự phụng thờ và lễ-lễ thích hợp với sự cao cả tuyệt phẩm của Ngài, và bằng cách tu nhân tích đức. Họ

1. MM. des Missions étrangères sentent que leur « coup de Chine comme dit le P. Léonard, va être manqué s'ils ne pressent un peu les lenteurs du Saint Office en lui forçant la main par un coup d'éclat. Aussi ils jettent je gant aux Jésuites en publiant la Lettre de Messieurs des Missions Étrangères au Pape sur les idolâtries et les superstitions chinoises, et ils défèrent à la Faculté de Paris les Nouveaux Mémoires sur l'état présent de la Chine du P. Lecomte, l'Histoire de l'Edit de l'Empereur de la Chine du P. Le Gobien et la Lettre au duc du Maine sur les cérémonies de la Chine du P. Le Comte. De ces ouvrages ils tirent six propositions qui leur paraissent particulièrement dangereuses et qu'ils demandent à la Sorbonne de condamner :

1°) La Chine a conservé pendant plus de deux mille ans avant la naissance de J.C. la connaissance du vrai Dieu; 2°) Elle a eu l'honneur de lui sacrifier dans le plus ancien temple de l'univers; 3°) Elle l'a honoré d'une manière qui peut servir d'exemple même aux chrétiens; 4°) Elle a pratiqué une morale aussi pure que la religion; 5°) Elle a eu la Foi, l'humilité, le culte intérieur et extérieur, le Sacerdoce, les Sacrifices, la Sainteté, les miracles, l'esprit de Dieu et la plus pure charité, qui est le caractère et la perfection de la véritable religion; 6°) De toutes les nations du monde, la Chine a été la plus constamment favorisée des grâces de Dieu...

Cf. *La Chine et la formation de l'Esprit philosophique en France*. P.98.

... Le 18 Octobre 1700, la Faculté condamna les cinq propositions qui lui étaient déférées. Si l'une de ces propositions (la seconde) était seulement qualifiée de fausse et téméraire d'autres, telles la troisième, étaient flétries plus vigoureusement : « Cette proposition est fausse, téméraire, scandaleuse, impie, contraire à la parole de Dieu, et hérétique, elle renverse la Foi et la Religion chrétienne et rend inutiles la Passion et la mort de Jésus-Christ. Ib.

quá quyết rằng lễ nghi bên ngoài không làm đẹp lòng Trời mà lễ nghi chỉ đẹp lòng Trời khi nó phát xuất từ tâm xoang. » (1)

Du Halde lại còn dùng lịch sử để chứng minh rằng liên tiếp qua nhiều thời đại, nhiều thế hệ, từ Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế, Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, Văn, Võ v... các vua chúa đã thờ phụng Thượng đế, và dẫn chứng nhiều đoạn kinh Thi chứng minh điều đó. (2)

L.M. Du Halde cho rằng : « Gọi người Trung Hoa là vô đạo là một sự mạ lị bất công. » (3)

Ông tuyên bố rằng với tư cách một sử gia Ông cần minh xác rằng các học giả Trung Hoa khi dùng những danh hiệu Trời hay Thượng đế đã hiểu là đấng Tạo Hóa. » (4)

1. On représente dans le Chu king ces sages Empereurs en posture de suppliants devant le Chang Ti, pour détourner les malheurs dont leurs descendants sont menacés... Ce qui est encore à remarquer, c'est qu'ils n'attribuent rien au Chang Ti, qui ne soit de la décence, et qui ne convienne au souverain Maître de l'Univers. Ils lui attribuent la puissance, la providence, la science, la justice, la bonte, la clémence : ils l'appellent leur Père, leur Seigneur : ils ne l'honorent que par un culte et des sacrifices dignes de la Majesté suprême, et par la pratique des vertus; ils assurent que tout le culte extérieur ne peut plaire au Tien, s'il ne part du coeur, et s'il n'est animé des sentiments intérieurs...

P.J.B. Du Halde, *Description géographique, historique chronologique, politique et physique de l'Empire de la Chine et de la Tartarie Chinoise*, Tome troisième (1736), p. 6.

... Leur culte avait pour premier objet l'un Etre suprême, Seigneur et souverain Principe de toutes choses, qu'ils honoraient sous le nom de Chang Ti, cad, suprême Empereur, ou de Tien, qui selon les Chinois, signifie la même chose... lb. p. 3

2. lb. p. 14, 15.

3. Il semble que ce ferait faire injure à ces premiers Chinois qui ont suivi la Loi de la nature, qu'ils avaient reçue de leurs pères, que de les taxer d'irreligion...

Du Halde, *Description... de l'Empire de Chine*, Tome 3, p. 15.

4. Ces vrais savants, uniquement attachés au texte des Livres Classiques, ont la même idée du Premier Être, que les anciens Chinois, et entendent comme eux, par les mots de Chang ti et de Tien, non pas le ciel visible et matériel, ou une vertu céleste inanimée et dépourvue d'intelligence. mais le Premier être, l'Auteur et le Principe de tous les êtres, le suprême Seigneur, qui dispose de tout, qui gouverne tout, qui perce dans le secret des coeurs, à qui rien n'est caché, qui punit le vice, et récompense la vertu, qui élève et abaisse ceux qu'il lui plait, qu'on doit honorer par la pratique de la vertu...

lb. p. 39.

Ông cũng cho rằng Thiên hay Thượng đế cũng đồng nghĩa. (1)

Các Linh mục dòng tên còn họp nhau lại để bình dịch Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học, dưới nhan đề là : Confucius sinarum philosophus, xuất bản tại Goa ngày 1 tháng 10 năm 1667 (dưới tiêu đề : Sinarum scientia politico-moralis) và tại Trung Hoa. (2)

Trong tập sách này ta thấy có tiêu sử của Không tử do L.M. Intorcetta viết.

Intorcetta hết sức ca tụng Trung Dung, và cho rằng đó là một bình minh báo trước mặt trời Phúc âm. (3)

1. On consulta de même des Princes, des Grands de l'empire, des premiers Mandarins, et des principaux lettrés, entre autres le Premier Président de l'Académie Impériale, laquelle est composée des Docteurs célèbres, qui sont proprement les Gens de lettres de l'Empereur. Tous parurent surpris qu'il y eut des Savants en Europe qui puissent croire que les Lettés de la Chine honoraient un Être inanimé et sans vie, tel que 'le ciel visible et matériel ; et tous déclarèrent qu'en invoquant le Tien ou le Chang ti, ils invoquaient le Suprême Seigneur du Ciel, l'Auteur et le Principe de toutes choses, le Dispensateur de tous les biens, qui voit tout, qui connaît tout, et dont la sagesse et la providence gouverne cet Univers. lb. p. 40.

2. Presque tous les autres Jésuites furent amenés à élaborer une sorte D'œuvre commune, le «Confucius sinarum philosophus» qui devait synthétiser leur apologétique constructive d'une manière systématique...

Quatre supérieurs de la compagnie l'avaient approuvé successive ment (Ignace a Costa, Jacques le Faure, Mathias a Mava, Félicien Pachero) et douze missionnaires l'avaient révisé (Antoine de Gouvea, Pierre Canévari, François Brancati, Jean François de Ferraris, Humbert Augeri, Adrien Grelon, Jacques Motel, Jean Dominique Gabiani, Emmanuel Georges, Philippe Couplet, François Rougemont, Christian Herdtrich)...

Héni Bernard Maître, Sagesse Chinoise et philosophie chrétienne p. 128-129.

3. C'est un maître excellent de la moralité (leTchoung joungh)... c'est comme une aurore bienfaisante qui apporte les clartés de la vérité, prélude et préambule du soleil évangélique...

lb. p. 130

Trong Tiểu sử Khổng tử, L.M. Intorcetta đã kết luận : *Đừng nên khen Khổng Tử thái quá, vì như vậy sẽ làm cho dân Trung Hoa càng thêm lòng tôn kính Khổng-tử hơn. Nhưng mà muốn chê, cũng phải dè dặt... bởi vì « nếu chúng ta khinh khi và phi bác một người đã dạy dỗ không biết bao nhiêu là những điều hợp nghĩa lý, và đã luôn luôn cố gắng sống đúng theo những lời mình dạy, thì đối với người Trung Hoa, người Âu Châu chúng ta có thể trở nên những kẻ thù địch, không phải của vị sư biểu của họ, mà chính là những kẻ thù địch, của lý trí, muốn vùi dập ánh sáng lý-trí hơn là phi bác Khổng-tử. »*(1)

Dòng tên như vậy đã muốn dung hợp Khổng giáo với Công giáo.

Các ngài đề nghị :

— Dùng chữ Thiên đề dịch chữ « DEUS » (Dieu) của Công giáo.

— Cho phép dân chúng, khi đã theo Công giáo, được tiếp tục dự những ngày quốc lễ tôn sùng Khổng tử.

— Cho phép họ được tiếp tục kính nhớ tổ tiên, hương hoa cúng quải.

— Dùng chữ Trung Hoa thay tiếng Latinh đề hành lễ bên Trung Hoa. (2)

1. Il faut pourtant prendre garde à une chose, c'est que suivant l'exemple des fondateurs de cette mission..., nous ne recommandions et ne louions Confucius auprès des Chinois qu'avec une extrême modération, de peur que notre témoignage et notre autorité n'augmente l'estime accordée à cet homme au delà de ce qui est juste.... Cependant, il nous faut encore plus redouter de condamner ou de blesser.. celui que la nation tout entière loue et vénère tant de peur de nous rendre odieux nous mêmes, avec le Christ que nous 'prêchons; si nous méprisons et condamnons celui qui a donné tant d'enseignements conformes à la raison et qui s'est toujours appliqué à régler sa vie et sa conduite d'après sa doctrine, peut-être aux yeux des Chinois, paraîtrons-nous, nous autres Européens, des adversaires non point tant de leur Mai tre que de la raison elle-même, plus désireux d'éteindre ses lumières que de combattre l'influence de Confucius...ib. 130

2. Dès lors, les Jésuites se sentirent sur un terrain assez solide pour tenter un syncrétisme grandiose, par lequel ils auraient voulu faire fusionner la morale confucianiste avec le catholicisme romain. Ils élaborèrent donc un plan audacieux, préconisant l'établissement d'une église chinoise autonome avec ses propres rites chinois et ils le proposèrent au Vatican. La première décision du Pape Innocent X, prise en 1645, fut défavorable aux Jésuites, et une dernière bulle papale condamna leur action en 1742, avec une précision mortelle. — Amaury de Riencourt, *L'Âme de la Chine*, pp. 226 — 227.

Những đề nghị táo bạo trên đã gây sóng gió tại Trung quốc và Âu Châu, giữa :

— Các giáo sĩ dòng tên, có vua Khang Hi làm hậu thuẫn.

— Các giáo sĩ các dòng khác, có các Giáo hoàng làm hậu thuẫn. (1)

Rốt cuộc Dòng tên đã thua, bị gán cho những tội hết sức ghê gớm, như phá hoại đạo Công giáo, phá hoại giáo hội, và bị giải tán vĩnh viễn theo lệnh của Giáo Hoàng Clément XIV (1769 — 1774). (2)

Sử gia Toynbee, sau này cho rằng những giáo sĩ dòng tên thực đã hiểu biết sự cần thiết phải lưu tâm đến tâm lý những người bản quốc, nhưng giáo hội công giáo đã làm mất cơ duyên tốt đẹp ấy. (3)

3.— QUAN NIỆM CỦA ĐA SỐ CÁC GIÁO SĨ KHÁC VỀ KHÔNG GIÁO VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG GIÁO CỦA CÁC NGÀI. THÁI ĐỘ CỦA CÁC GIÁO HOÀNG.

— Qua ngôn ngữ, thái độ của các vị sứ thần Tòa thánh : như Moralès (sang Trung Hoa khoảng năm 1638)

1. Les cent années qui séparent ces deux dates furent remplies de controverses ardentes et confuses. qui n'avaient trop souvent aucun rapport avec la théologie et auxquelles les dominicains prirent part en se montrant exceptionnellement durs pour les jésuites...

Et l'Empereur K'ang Hi prit le parti des Jésuites dans les discussions théologiques... lb. 227.

2. « They (the jesuits) murder kings, poison Legates, kill Cardinals. cause Revolutions, disguise scoundrels as saints, dishonour families, seduce virgins, ruin Christianity in infidel countries, preach idolatry, rebel against the Holy See, and mock at the Church — that is what the Society can do and has done. » (*Anecdotes sur l'état de la religion en Chine ou Relations de M. le Cardinal de Tournon, patriarche d'Antioche...* écrites par lui-même. Paris 1733 — 1742, 7 vol. in 12. — IV, p. 402) cf, Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 157.

3. *The World and the West*, Oxford 1953, pp. 63,64 The historical importance of Dr Toynbee's thesis was recognised nearly twenty years ago by Otto Karrer. «The last attempt on a wide scale », he wrote, « to take account of the native mind was made in the Far East by the Jesuit missionaries of the 17th century. It failed... The decisions in the controversy of the Chinese Rites destroyed the Far Eastern mission which has begun so auspiciously. » (*Religions of Mankind*. London 1936, p. 225)

Cf, Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 6 note 1.

Navarette (sang Trung Hoa khoảng năm 1649)

Maigrot (1852-1730) sang Trung Hoa năm 1681

Tournon, sứ thần của giáo hoàng Clément XI, sang Bắc Kinh năm 1705

Mezzabarba (Carlo) sang tới Macao tháng 9, 1720 (1)

— Qua ngôn ngữ, thư tịch của các giáo sĩ Âu Châu (2)

— Qua Thông điệp và thái độ của nhiều giáo hoàng liên tiếp nhau³, ta thấy rằng các ngài cho rằng :

— Không giáo là vô thần vì không tin có Thiên Chúa.

— Không thể nào có một sự tương dung, tương hợp nào được giữa Không giáo và đạo Công giáo.

— Không tử cũng như các vị vua chúa Trung Hoa từ thượng cổ cho đến thời ấy, đều sa hỏa ngục hết. (4)

Dưới đây xin lược qua về thái độ của ít nhiều Giáo Hoàng :

— Innoncent X (1644 — 1655) ra sắc chỉ phi bác lễ lối giảng giáo và quan diêm của dòng tên. (4)

— Alexandre VII (1655 — 1667) bênh vực quan diêm của dòng tên, cho phép tôn kính Không tử và tổ tiên. (5)

— Clément IX (1667 — 1669) ra lệnh phải thực thi cả hai sắc chỉ nói trên, tuy chúng mâu thuẫn nhau. (6)

1. *Độc Failure in the Far East*, các tr. Moralès : 102, 128, 166; Navarette : 102, 104, 107, 109, 113, 128, 129, 130n, 166; Maigrot : 116, 117, 120-122, 125, 142-145, 147, 154, 164; Tournon : 101n, 125-127, 130, 132, 135, 140, 142, 143, 145, 146, 157, 161, 164, 168, 171; Mezzabarba : 141, 149, 150, 152.

2. Evariste Regis Huc, *Le Christianisme en Chine, en Tartarie et en Tibet*, Paris 1857. Vol. III p.x.

— *Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine* (Léop Wiegner), 1922, p. 715.

— *Méthode de l'apostolat moderne en Chine*, Hongkong, 1911.

— *Failure in the Far East*, pp. 168-169

3. Xem lại các chú thích nơi tiết 1 bài này.

4. Cf. Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 102.

5. Ib. 103.

6. Ib. p. 102.

— Innocent XII (1691 — 1700) phi bác quan điểm của dòng tên (năm 1695), sai sứ thần là Maigrot sang Trung Hoa. (1)

— Clément XI (1700 — 1721) ra sắc chỉ Ex Illa die ngày 19-3-1715, bắt buộc phải dùng danh từ duy nhất Thiên chúa, bỏ chữ Thiên, chữ Thượng đế, cấm người Công giáo tham dự các cuộc lễ kính Không tử, cấm tôn kính tổ tiên theo kiểu Trung Hoa. (2) Ngài sai Tournon, Mezzabarba sang Trung Hoa (3).

— Innocent XIII (1721 — 1724) lại ra sắc chỉ tái cấm các nghi lễ Trung Hoa (1723) (4).

— Clément XII (1730 — 40) cấm không cho dòng tên được phép giảng đạo tại Trung Hoa (5).

— Benoit XIV (1740 — 1758) ra sắc chỉ Ex qui singulari năm 1742 xác nhận lại các lời cấm đoán của các Giáo hoàng tiền nhiệm. (6).

1. lb. p. 103.

2. Le 19 mars 1715, il (Clément XI) publiait enfin une nouvelle bulle sur le même sujet. Celle ci renforçait encore la première :

1. T'ien T'hou est le seul mot chinois exprimant l'idée de « Dieu » Donc la tablette Tsing T'ien (Kính Thiên) est interdite.

2. Les fêtes solennelles ou oblations solennelles offertes à Confucius à chaque équinoxe sont de l'idolâtrie. Défense de présider, de servir en ces occasions ou d'y assister.

3. Cérémonies, oblations et formules de respect à l'égard des parents morts soit aux temples des ancêtres, soit à la maison ou sur les tombes, sont de l'idolâtrie et sont en conséquence, défendues.

4. Pour ceux qui sont des assistants à toutes ces cérémonies, une protestation publique ou secrète ne supprime pas le péché d'idolâtrie, cependant la simple présence n'est pas interdite, quand il s'agit d'éviter un scandale, et pourvu qu'il n'y ait pas approbation tacite ou expresse...

5. Pour les tablettes des morts, défense de garder celles où les mots « siège ou trône de l'esprit ou de l'âme » sont inscrits. Seul le nom doit figurer.

6. Les missionnaires avant d'être institués, doivent s'engager par serment à observer fidèlement ces règles.

Les Jésuites en Extrême Orient, p. 177.

4. *Failure in the Far East*, p. 125, 147.

5. Cf. *Les Jésuites en Extrême Orient*, p. 186.

6. lb. 187.

7. *Failure in the Far East*, p. 166.

— Clément XIV (1769 — 74) ra sắc chỉ Dominus ac Dominator mùa hạ năm 1773 phá hủy vĩnh viễn dòng Tên. (1)

Tuy nhiên ở đời chẳng có gì là vĩnh viễn :

— Giáo Hoàng Pie VII (1800 — 20) lại cho phép tái lập dòng Tên năm 1814. (2)

— Giáo Hoàng Pie IX (1846 — 1878) với sắc chỉ 10 tháng 8, 1863, đã tuyên bố những người ngoại giáo ngay lành vẫn có thể lên thiên đường. (3)

— Thánh bộ Truyền giáo, dưới triều Pie XII, với sắc lệnh ngày 8 tháng 12-1939, lại cho phép dự các cuộc tế tự Khổng tử, và được quyền tỏ lòng tôn kính tổ tiên đã quá vãng như cúi đầu trước di ảnh, trước bài vị v.v... (4). Đó là những điều mà giáo hội đã tuyệt đối cấm 200 năm về trước, và cho thế là tà đạo.

4.— QUAN ĐIỂM CỦA VUA KHANG HI.

Vua Khang Hi mà nhiều giáo sĩ buộc cho tội vô thần vô đạo, thật là con người hữu thần, hữu đạo.

Năm 1705, sau khi đã cho các giáo sĩ dòng tên một số tiền lớn là 10000 lạng bạc để xây cất 1 giáo đường ở Bắc Kinh, chính nhà vua lại còn

1. lb. p. 175.

2. lb. p. 186.

3. But Pius IX in an Encyclical dated August 10th, 1863, declared that : « Those who lie under invincible ignorance as regards our most Holy religion, and who, diligently observing the natural law and its principles... lead a good and upright life, are able, by the operation of the power of divine light and grace, to obtain eternal life. »

Failure in the Far East, p. 129n.

Ấy là chưa kể các thông điệp khác về sau này đã quả quyết điều đó xin đọc Lumen gentium 6 ; Gaudium and Spes 22 ; At Gentes 7.— *Spiritus. Cahiers de spiritualité missionnaire* n° 39, p. 386.

4. Deux siècles plus tard, le 8 décembre 1939, le Vatican revint sur sa décision et déclara officiellement que le culte des ancêtres et les rites confucianistes n'étaient pas incompatibles avec la foi chrétienne. Mais cette prise de position venait deux cents ans trop tard.

Amaury de Riencourt, *L'Âme de la Chine*, p. 227.

Xin đọc bản dịch tiếng Anh sắc chỉ này trong *Failure in the Far East*, tr. 190.

đích thân cho một bức hoành và một đôi câu đối để viết trước cửa giáo đường như sau :

HOÀNH PHI :

VẠN HỮU CHÂN NGUYÊN (căn nguyên chân thật của vạn loài)

CÂU ĐỐI :

— VÔ THỦY VÔ CHUNG, TIÊN TÁC HÌNH THANH, CHÂN CHỦ TỀ.

— TUYÊN NHÂN TUYÊN NGHĨA, DUẬT CHIÊU CHUNG TẾ, ĐẠI QUYỀN HÀNH.

(Vô thủy vô chung, tạo dựng muôn loài, chân chủ tề,

Chí nhân chí chính, quản cai vạn sự, đại quyền hành.) (1)

Trong khi các giáo sĩ chia rẽ nhau, người cho rằng đạo Khổng vô thần, người cho rằng đạo Khổng hữu thần, tất cả đều ước mong được vua Khang Hi cho biết ý kiến. Họ đồng ý rằng : Nếu vua cho rằng đạo Khổng là hữu thần, nếu vua cho rằng Thiên chính là Thiên Chúa, thì họ sẽ chịu không còn dám kết án Khổng giáo là vô thần nữa. (2)

Mà quả thật nhà vua đã ra nhiều sắc chỉ, sau trước đều đồng quan điểm với các giáo sĩ dòng tên.

Ngày 30-11-1700, vua Khang Hi giáng chiếu như sau :

« Đối với các việc tế lễ mà các vua chúa thời xưa quen dâng kính Trời, đó là những việc tế lễ mà các triết gia Trung Hoa gọi là... tế lễ Trời Đất, mục đích là để tôn kính Thượng đế... cho nên dĩ nhiên không phải là dâng tế lễ cho trời hữu hình, hữu chất, mà là dâng cho đáng chủ tề đã tạo thành trời đất, muôn vật (3).

Ngày 17 tháng 1 năm 1917, tức là sau sắc chỉ *Ex illa die* của đức Giáo Hoàng Clément XI, vua Khang Hi ra sắc chỉ cho phép các giáo sĩ được tiếp tục giảng giáo với điều kiện phải chấp thuận rằng :

— Xem Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, page, 153.

1. Xem Du Halde, *Description... de l'Empire Chinois*, Tome 3, 40, 41. (Có hình chụp lại bức hoành phi và 2 câu đối nói trên).

2. Ils (les missionnaires) convinrent que si l'Empereur prononçait sur la véritable signification du Tien et du Chang ti, en déclarant qu'il entend par ces mots, le Seigneur du ciel, et non pas le ciel matériel, leurs doutes se dissiperaient, et qu'ils ne feraient pas l'injustice aux Savants de ce grand Empire, de les regarder tous comme de vrais Athées.... lb. p. 40

3. Xem Nguyễn-văn-Thọ, *Khổng Học tinh hoa* tr. 21, 22 và chú thích.

1) Trời của người Trung Hoa cũng chính là Chúa của người Công-giáo, cho nên gọi Ngài bằng một danh hiệu (Trời) thì rất là hợp lý.

2) Các lễ kỷ niệm Khổng tử,

3) Sự tôn kính tổ tiên không có gì là trái với Công Giáo. (1)

Những vì ba điều khoản trên đã bị giáo hoàng Innocent XII phi bác năm 1695 và Clément XI năm 1704, nên sứ thần toà thánh lúc ấy là Tournon nhất định không nhượng bộ (2).

Vua Khang Hi có lần đã hỏi sứ thần toà thánh là Mezzabarba rằng Giáo Hoàng lấy quyền gì mà đoán định về đạo giáo Trung Hoa, thì sứ thần toà thánh trả lời: Ngài đã được chúa Thánh Thần soi sáng nên không thể sai lầm trong những vấn đề có liên hệ đến tín lý. Vua Khang Hi phản pháo và trả lời rằng vua đã đọc và đã so sánh sắc chỉ *Ex Illa Die* của Giáo Hoàng với bản phúc trình và thông điệp của Giám mục Maigrot, (đã viết ra trước) và ngài thấy giống in nhau; như vậy « nếu Giáo Hoàng được chúa Thánh Thần giúp trong các quyết định, thì chúa Thánh Thần Công giáo âu hẳn là Giám mục Maigrot ». (3)

Vua rất ghét Giám mục Maigrot. Vua muốn chứng minh rằng các giáo sĩ chẳng biết gì về Hán tự mà cả gan dám xía vào công việc giải thích ngôn từ Trung Hoa, nên trong buổi triều kiến ngày 2-08-1706, Vua Khang Hi đưa ra bốn chữ Hán bắt giám mục Maigrot đọc. Ông chỉ đọc được có 2. (4)

Sau khi đã đọc sắc chỉ *Ex Illa die* của Giáo Hoàng Clément XI. vua Khang Hi rất giận và đã nói thẳng với sứ thần toà thánh là Mezzabarba rằng đức Giáo Hoàng đã dựa vào những phúc trình sai lạc của những giáo sĩ không am tường Hán văn và đạo giáo Trung Hoa, nên đã có những quyết định sai lạc. Trong các món quà mà vua Khang Hi nhờ sứ thần Mez-

1. Xem, *Failure in the Far East*, tr.133

2. Ib.133

3. How it is the Emperor asked, that the Pope has based his decision on the report of men who were ignorant of Chinese affairs, and knew little of the Chinese language?... The legate replied that « The Pope had been assisted by the Spirit of God, who does not allow Popes to make mistakes in matters which concern the faith of Christians » ... The Emperor said that he had compared the Chinese translation of the Bull *Ex Illa die* with the decree of Bishop Maigrot and found they were identical, so that « if the Pope had made his decision by the inspiration of the Holy Spirit, then Maigrot was the Holy Spirit of the Christians ». (Ib. 147)

4. *La Chine et la formation de l'esprit philosophique...* p. 119.

zabarba gửi tặng đức Giáo Hoàng, thấy có một tảng muối mỏ, ý muốn nói Giáo Hoàng ăn muối mỏ sẽ sáng trí khôn ra hơn... (1)

Những sự va chạm giữa Giáo Hoàng và vua dĩ nhiên là có những hiệu quả không hay.

Năm 1723, giáo hoàng Innocent XIII ra sắc lệnh tái cấm lễ nghi Trung Hoa, thì năm 1724 vua Ung Chính ra sắc chỉ cấm đạo Công giáo, và trong đời vua đã có hơn 300 nhà thờ bị phá hủy và mấy trăm ngàn người Công giáo bị bắt bớ... (2)

Tuy giáo hội đã thất bại trong công cuộc giảng giáo ở Trung Hoa, nhưng các giáo sĩ ít ra cũng đã thành công trong việc gây ấn tượng sâu xa và trí não mọi người rằng Không giáo cũng như đạo Phật, đạo Lão đều là vô thần.

Vì thế chúng ta cũng không lấy làm lạ, khi thấy sau này những học giả như LM. Henri Doré chuyên khảo về đạo giáo và văn hóa Trung Hoa đã đặt cho bộ sách của ông một nhan đề là : *Recherches sur les Superstitions en Chine*.

Và chúng ta cũng không lấy làm lạ khi các giáo sĩ như Zottoli, Couvreur, Wieger sau này toàn dịch Thiên là Ciel, Thượng đế là Le Roi d'en Haut chứ không dám dịch là Dieu.

James Legge trong bài tựa quyền kinh Dịch của Ông, đã kể lại rằng vì ông dám dịch Trời là God, nên đã bị nhiều giáo sĩ giảng đạo bên Trung Hoa gửi thư về phản kháng và cho rằng dịch như vậy là sai. (3)

(Còn tiếp)

1. Khang Si, dans une dernière entrevue avec le légat, lui remit pour le pape plusieurs présents, dont un bloc de sel gemme lequel avait la réputation d'aiguiser l'esprit. *Les Jésuites en l'Extrême Orient*, p. 180 — 184.

2. Ib. p. 186.

3. *Sacred Books of the East*, Vol. XVI, *The Yi King* (translated by James Legge), Preface XIX, XX.

UÔNG KHÒI CHÍCH

lã lã, Kiệt ly — có đàm, máu

VEREX

NGƯỜI LỖN — CON NÍT

56 KN 508.BYT/Q.DP.29-10-68

Tín Ngưỡng

Đạo Giáo ở Việt-Nam

□ NHẤT-NHANH

(xem Phương-Đông từ số 7 tháng 1-1972)

Đạo Giáo truyền vào Việt-Nam được coi như có ảnh hưởng tốt đẹp cao quý là ở các danh nho học sĩ có tư tưởng Đạo học, dung hòa cả hai học thuyết Khổng và Lão, chuộng phần tinh thần của Lão học không thiên về hư vô, không chuyên về tu luyện. Như trong bài trước đã có nói, nhiều học giả xưa ưa chuộng cái lý tưởng « tiên », thường mơ màng tiên, không phải vì mong ước muốn được thành tiên (tịch cốc, trảng sinh bất tử, bay lên trời...) mà để né tránh cái trí cường tráng tranh đua với đời, để tìm lạc thú an nhàn, bớt tục lụy. Nhưng các bậc hiền triết ấy chỉ là một số ít tuy tự ngàn xưa đời nào cũng vẫn có, đủ làm gương sáng cho dân tộc.

Còn đại đa số là quần chúng thì chìm đắm trong mê tín về Đạo Giáo, cái hại thật là lớn lao tức là nói về ảnh hưởng của những tệ tục theo đạo phái Thần Tiên và phái Chiêm nghiệm bên Tàu xưa.

Ở nước ta không có tổ chức thành hai giáo phái như vừa kể, nhưng có rất nhiều người lợi dụng mê tín của quần chúng, « hành nghề » phù thủy, đồng cốt, với đủ cả thiên đình, Âm phủ, Thủy phủ theo hình thức đạo Thần tiên từ đời Tống bên Tàu. Trên Thiên đình cũng Tứ đại Thiên vương

Nhị thập bát Tú, Lôi, Điện, Vân, Vũ, Phong thần, cũng Nam-Tàu Bắc đầu, Ngũ phương thần, Tứ thời thần, Đương cảnh thần, Thành hoàng thần, Thổ công, Táo quân ; Âm phủ cũng Thập điện Diêm vương, Địa tạng vương ; Thủy phủ cũng tứ hải Long vương.

Lại còn những người rất đông đảo nhiều hơn bọn phù thủy đồng cốt sống về những nghề bói toán, xem số, xem tướng, làm thầy phong thủy, và những người tin tưởng sấm kí, là những thuật do phái Chiêm nghiệm bên Tàu đời xưa đặt ra.

Dưới đây sẽ lần lượt khảo luận về những mối dị đoan mê tín vừa kể.

PHÙ THỦY

Đạo sĩ Phái Thần tiên bên Tàu xưng là có phép thuật cao cường trên có thể thông với quỷ thần, dưới có thể chỉ bảo cho nhân chúng cách điều chữa bệnh, cách trừ trị yêu quái quấy nhiễu làm hại. Nhưng ở nước ta không có đạo sĩ mà chỉ có bọn phù thủy nửa theo lối đạo sĩ nửa giữ thói vụ-sử đời xưa là bọn chuyên nghề cầu cúng cho người.

Trong *Việt sử tiêu án* của Ngộ

thì-Sĩ đoạn chép về triều vua Anh-Tông (1293-1314) đời Trần có câu : « Đạo sĩ là Hứa-tôn-Đạo theo thuyền buôn từ nước Tàu sang, Vua xuống chiếu cho ở bến An-Hòa (?). Khoa môn phù-thủy có từ lúc này ». Nhưng ngược dòng lịch sử từ xa xưa hơn nhiều đã có truyền thuyết Cao-biền được vua nhà Đường cử sang làm tiết độ sứ Giao châu (từ năm 866 đến 875) là người giỏi phong thủy đã dùng phép phù thủy trấn yểm đất ta¹ ; chẳng hay người Giao - châu ta lúc ấy có hiểu biết gì về phép thuật của phù thủy chưa ? Hơn một trăm năm trước khi Hứa Tôn Đạo sang nước ta, tức là năm 1195 vua Lý Cao Tông đã cho mở khoa thi Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng), vậy người mình hồi này tất đã thông hiểu về Đạo giáo (Lão học) nhiều, rất có thể gần như nếu không được bằng Phật học và Khổng học. Còn như phân tách khuynh hướng riêng về từng phái nào trong Đạo giáo thì không thấy sử sách có chép rõ.

Bọn phù thủy thường xưng là có nhiều phép thuật cao cường, luyện âm binh, âm tướng, làm bùa làm phép, trị bệnh, bắt tà ma, đánh đồng thiếp. Tục truyền phù thủy cao tay sai được âm binh làm mọi công việc, như đào cây cau trước sân đem trồng đằng sau nhà, khiêng đình làng này sang làng khác, làm phản, đốt nhà người, sai môi (là hình người bện bằng rơm bằng cỏ) đi được, chạy được, khuôn vác được. Đời nhà Lý có Đại Điện, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không² nổi tiếng có phép thần thông biến hóa ; nhưng hình như các học giả sử gia không ưa

chuộng, cho nên nhiều truyện dân chúng chỉ được nghe kể lại mà không thấy sử sách có chép nhiều như truyện Tiên.

Thầy phù thủy nào cũng lập tỉnh thờ Thái Thượng Lão Quân, thần Độc Cước, thần Ngũ Hồ, nhiều khi thờ cả Phật bà Quan Âm và chư vị, cho nên ở đàn cúng người ta bày lễ trên chày dưới mận là có cúng Phật. Như vậy với bọn phù thủy ta thấy Phật và Lão có sự dung hòa. Thờ Thái Thượng Lão Quân là chủ tề Đạo đã đành, còn thần Độc Cước thì không rõ gốc tích ; trên núi Sầm sơn (tỉnh Thanh Hóa) có đền thờ nguy nga trông ra biển cả, có vết một bàn chân của thần in lũng mặt đá, hình vết mường tượng và to quá cỡ ; truyền rằng thần Độc Cước (thần một chân) rất linh về việc bắt ma bắt tà, thường hay hiện hiện ở Sầm Sơn. Tướng thuộc hạ đề thần Độc Cước sai khiến là thần Ngũ Hồ.

Mê tín cho rằng người chết phải giờ xấu có trùng sẽ tra khảo đòi dẫn về nhà bắt vợ con thân thuộc, hồn thiêng người bị giết, người tự sát, người chết tai nạn... đây dựa tiền oan nghiệp chướng, cả *thần cây đa ma cây gạo củ cáo cây đề*, lại những năm dịch tề quan ôn đi bắt người từng loạt ; tất cả đều là những mối họa phải cúng lễ để giải trừ, tùy nặng nhẹ cúng lễ sơ sài hay lập đàn dùng phép bắt tà ma, làm chay làm tiểu giải oan. Làm chay thường phải cúng bảy ngày đêm liền, làm tiểu thì vài ba ngày đêm. Bắt

1. Việt-Nam sử lược Trần-trọng-Kim (Chương V).

2. Lĩnh Nam chích quái Trần thế Pháp.

tà ma, đánh đồng thiếp, làm chay làm tiểu... thì phải mời thầy phù thủy cúng, làm bùa phép,

Nhậm-ngô-Cầu, tục gọi quận Tạo, một đại tướng chúa Trịnh cắt đất trấn giữ thành Phú-Xuân, chỉ vì mê tín phù thủy, đã để mất thành năm Bình-Ngo (1786), mắc mưu Tây-sơn, lập đàn cúng sáu bảy đêm ngày, quân lính phục dịch mỗi một trẻ nãi việc binh¹.

Hồn thiêng của những người chết « bất đắc kỳ tử » vệ đường đầu non, ven sông dưới giếng, gốc cây bên ghềnh, chết được giờ thiêng, oan hồn vất vưởng không giải kết được, cứ lẩn quẩn đầu hôm sớm mai, tìm trút cái hận tiền kiếp lên đầu kẻ qua lại : ám ảnh thu hồn vía khách bộ hành, gây tai nạn xe cộ trên đường, lật đắm tàu bè ngược xuôi trên sông... Cho nên ta thường thấy nhan nhản ở các nơi ấy những miếu thờ phần nhiều chỉ bằng cái chuồng nuôi chim câu, đêm ngày le lói đèn hương, làm nơi nương tựa đi về cho những oan hồn kia chẳng đến nỗi *đã không kể đoái người hoi*.

Cách nay không lâu người mình vẫn còn u mê hăng năm tổ chức đóng góp ở thành thị cũng như ở thôn quê, đầu xuân làm lễ nhương tai, đầu hè làm lễ cầu mát, vàng mã thuyền rồng, voi ngựa bằng nan giấy to lớn như thật, mời phù thủy, thầy cúng làm lễ. Nhiều tư gia lo giải trừ vận hạn cùng mời thầy cúng bày đàn làm lễ nhương tai, có khi cúng hình nhân thế mạng nếu đau yếu nguy kịch.

Bọn phù thủy thầy cúng còn sống về những đám táng : phải theo lời

họ chọn ngày giờ chôn cất, cúng tà ma, yểm bùa, làm lễ mát nhà...

Bói ra ma, quét nhà ra rác, được nghe thầy bảo có thạch tinh cốt khí trong nhà trong đất ở, là phải mời thầy cúng làm lễ giải trừ trấn yểm, có khi phải cạy phù thủy cao tay làm hình nộm thần Huyền Đàn luyện sai đi tìm và chỉ chỗ cho đào hốt dòi đi chỗ khác nếu có hải cốt, hay là làm phép trấn yểm phạt mộc nếu có mộc tinh thạch-tinh.

Phù-thủy còn có một phái khác theo Trần trọng Kim, là phái Đạo-nội, gốc từ Ấn-độ truyền sang, đặt ra mấy chữ phép, cứ tâm niệm vào đấy mà tu luyện, học khẩu truyền nhiều, ít có sách vở, và cũng không làm phân ai bao giờ. Vì cứ tâm niệm trong bụng mà thành đạo cho nên gọi là Đạo Nội, Đạo ấy thịnh hơn cả ở vùng Thanh-hóa, tục truyền rằng ở đấy ngày trước có ba anh em ông nghề sang Ấn-độ tu đắc đạo, cho nên bảy giờ thờ ba vị ấy làm thánh-tổ².

Lại còn một phái Phù-Thủy nữa, theo Nguyễn văn Huyền³ phát khởi sau khi Lê trung hưng, vì tai nạn binh đao giữa Mạc và Lê đẩy đưa từ cuối thế-kì XVI sang đầu thế kỉ XVII, dân gian quá đau khổ đã bị khủng hoảng tinh thần, tin là có ma quỷ yêu quái hoành hành làm hại. Thời ấy tại làng An-đông, huyện Quảng-xương, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa (cũng ở tỉnh Thanh-hóa như phái Đạo-nội có một người tên

1. An-Nam nhất thống-chỉ Học-Tôn và Trưng Phủ.

2. Trần-trọng-Kim Đạo-Giáo Nam-Phong số 75 tháng 9-1923.

3. Nguyễn-văn-Huyền *Le culte des Immortels en An-nam Hà-nội* 1944.

là Toàn là dòng dõi của Quỳnh-Lâm hầu nhà Trần đã từ bảy đời làm tướng. Toàn không chịu làm quan với nhà Mạc, chỉ chuyên tâm làm việc thiện, việc công-đức. Cảm ứng lên đến Dược-Sư Phật, được Phật truyền đạo cho, cứu khổ được nhiều ở hai hạt Hoan, Ai (Thanh-hóa, Nghệ an).

Toàn truyền đạo cho Pháp-Mô, người tỉnh Nghệ-an. Trên đường về Toàn thấy ở làng Từ-Minh, huyện Hoằng-hóa tỉnh Thanh-hóa có đất kiểu đẹp, bèn làm nhà định cư ngay đấy. Đệ-tử đến học đạo kẻ có đến hàng chục ngàn.

Thời ấy vua Lê Thần Tông (1619-1643 và 1649-1665) mắc bệnh nặng quá lạ, không thuốc nào chữa khỏi; triều đình biết tiếng sai đi vời Toàn. Toàn cho một đệ tử về kinh chữa khỏi. Sau vua thân hành đến Thanh-hóa thăm Toàn, và phong làm quốc-sư, nhưng Toàn tạ từ. Vua sai dựng nhà ở làng ấy và tự tay viết ba chữ *Nội đạo tràng* đề trên trước nhà. Từ đấy hai chữ *Nội đạo* thành tên của phái phù thủy này. Khi Toàn chết vua lại thân hành viếng thăm, sai lập đền thờ và truy tặng làm Phục ma thượng đẳng phúc thần.

Ba con trai của Toàn đặc truyền đạo pháp của cha, giải trừ được nhiều tai ương cho dân; người thứ ba là Ngọc sư như đã nói trên¹ dùng đạo pháp bắt được Liễu-Hạnh. Về sau Ngọc sư lên Niết bàn và truyền đạo pháp cho Hậu quân. Hậu quân truyền đạo được rộng, trong số đệ tử đặc đạo có một người Trung Hoa.

Sau khi viên tịch, cả ba anh em

(con Toàn) được lên châu Thượng đế và được phong cho cai quản :

Nhật Quang (người anh cả) Thiên đình

Nguyệt Quang (người thứ hai) Địa phủ

Ngọc sư (người thứ ba) Dương thế.

Giáo phái này suy tôn Phật và thờ ba vị trên xưng là Tam Thánh. Ngày nay những nơi đặc địa của Tam Thánh giáo là làng Từ Quang (Từ minh xưa) huyện Hoằng hóa, làng An đông huyện Quảng xương, đều thuộc Thanh hóa ; Ở Nghệ an có Đạo trang; Ở xứ Bắc có Huệ lai (tỉnh Hưng yên) Nhật táo (tỉnh Hải dương) và Giảng vũ (gần kề Hà nội).

Trên bàn thờ của Nội đạo, ngoài tượng hình Tam Thánh sáng lập đạo, có tượng hình hoặc thần vị Bát Bộ Kim Cương, Thập nhị nguyên súy, Ngũ hồ thần tướng, Dược sư Phật. Hộ pháp là Hắc hồ Đại tướng quân, Bạch tượng cửu nha và Bạch xà.

Giáo phái này dựa cả vào thần quyền Phù-Đông, Tản-Viên, Bạch-Mã, Hưng-Đạo, cho nên càng được theo nhiều.

Trong *Tang thương ngẫu lục* Tùng niên² có chép về Nội đạo tràng với một vài đoạn có khác trên đây, nhưng cũng nói đích xác là phát khởi tại làng An đông huyện Quảng xương, có chữa bệnh cho vua Lê Thần-Tông và được vua cho lập «*Nội đạo tràng* ». Điều đáng chú ý là Tùng niên đã kết thúc truyện

1. *Phương-Đông* số 21 tháng 1-1973

2. Tùng-niên Phạm-dinh-Hồ *Tang thương ngẫu lục*.

bằng câu : Ở Vùng Giang bắc (?) có một phái gọi là Nội đạo tràng dùng tượng (cái gậy song) trị bệnh. Đó không phải là phái này (phái nội đạo xã An đông). Phái chăng đó là phái Đạo nội mà Trần trọng Kim đã nói.

ĐỒNG CỐT

Ở nước ta lại có phái Đồng cốt cũng gọi là Đồng bóng, là do ảnh hưởng của đạo Thần tiên mà ra. Phái này có hai ngành: 1) Bọn Thanh đồng thờ Hưng Đạo Vương 2) Bọn Bà đồng thờ Tam Phủ, Tứ Phủ v.v. gọi là thờ Chư vị.

Ngoài ra, còn có bọn Đồng Gi cũng đáng kể.

Lên đồng phán truyền chỉ bảo cho việc này việc nọ, hoặc chữa bệnh bằng phù phép, tàn hương nước thải, có khi cho đơn thuốc, cũng tương tự với kiểu sùng tín của nhiều dân tộc trên thế giới, đến ngày nay vẫn còn tồn tại, như tục thờ cúng Bori của người Haoussa ở Nigéria¹, tục thờ cúng Vodou ở đảo Haiti², v.v...

Đồng là bé trai dưới 15 tuổi, hãy còn ngây thơ tinh khiết, và không thể cho là có lừa dối. Con gái nhỏ tuổi dưới 13, 14, có thể thay con trai ngồi đồng, rồi do đấy dần dần lẫn choán. Về sau thì người lớn tuy hết ngây thơ từ lâu và chẳng còn tinh khiết, cũng tự động «nhảy vào cuộc» chỉ vì những buổi lễ lên đồng phải có người lớn xếp đặt điều khiển; họ thấy thích thú và cũng có lợi mới hay ra cách trai giới trước khi lên đồng, để thay thế trẻ nhỏ.

Thực ra, trai giới là khi muốn cầu nguyện với thần minh, hay có việc tế lễ, thì trước ba ngày ăn uống đồ chay là trai, bảy ngày thành cầu

tâm niệm điều mình nguyện vọng là giới. Nhưng hình như có những bà có máu «vô nhật bất» cũng tự nhủ lòng đã trai giới từ cuối giờ dần, sang đầu giờ dậu đã có thể sửa soạn đi hầu bóng, mà rồi hầu dai vẫn không biết mỏi, phần nhiều là những bà có cặp giò đúng như trong sách Tướng đã dạy.

Các bà lên đồng còn gọi là «hầu bóng». Người ngồi đồng quên mình, để thần thánh ứng vào, cho nên gọi là giá ngự. Mỗi lần một thần lực ứng áp là một giá đồng, có người trong một buổi hầu bóng đến bốn năm giá, tức là bốn năm vị thần thánh khác nhau lần lượt ợp đồng vào người ấy.

Thờ Hưng Đạo Vương

Ở xứ Bắc trước đây bọn thanh đồng lập tỉnh trong nhà thờ Hưng Đạo đại vương và bộ hạ; hộ pháp là Ngũ Hồ, lúc lên đồng xưng là Quan Tướng. Phải có thanh đồng để lúc kêu cầu Ngài lên đồng phán bảo, cho bùa thuốc, bắt ma trừ tà... Thường làng nào cũng có một tỉnh thờ của tư nhân gọi là ông đồng (tức thanh đồng); có khi thờ trong một gian nhà tranh không lấy gì làm trang trọng tôn nghiêm đối với vị đại anh hùng xưa. Gia chủ nghèo, mà vì «có số đồng bóng» lại được người làng xóm khuyến lế trợ lực, mới lập tỉnh thờ, trước hết vì sùng tín, sau nữa để con công đệ tử có nơi gần gũi lui tới cúng lễ, có khi kêu cầu Ngài lên đồng trị bệnh trừ tà, thỏa được lòng tin ngưỡng, lại

1. và 2. *Technique et Pantheon des Médiums Vietnamiens*. Maurice Durand — Publications de l'Ecole Française d'Extrême Orient vol. XLV Paris 1959.

giúp được bà con lần lĩ trong «việc công đức», thực ra cũng không phải chủ tâm vì lợi, tuy thỉnh thoảng có lộc thánh nhưng không thể đáp đổi vào nhật dụng.

Mỗi năm từ ngày rằm đến 20 tháng 8 âm lịch là ngày giỗ Hưng Đạo Vương, thanh đồng các nơi lũ lượt chảy hội đền Kiếp bạc (tỉnh Hải dương) đền Bảo lộc, đền Tức mạc (tỉnh Nam định) để lễ bái, linh cô kiếm về thờ, con công đệ tử theo thanh đồng «về» đền lễ cầu xin bùa phép, hay lễ tạ ơn đã cứu nạn.

Trên đường hành hương gần đền, ngày hội, người ta thường thấy nhiều thanh đồng khăn áo xanh đỏ, lưng giắt cò, tay mang kiếm (kiếm gỗ sơn thếp vàng son) múa may phán truyền, chẳng khác người điên; nhiều thanh đồng xiên linh suốt qua hai bên má, ngang nhiên đi giữa đường ra bộ uy nghi, làm mọi người rất cả hai bên lề; linh là cái dài bằng sắt có khi dài đến một thước rưỡi, phải có hai tín đồ đi kèm hai bên, tay nâng giữ.

Không nên lẫn lộn Ông đồng với phù thủy và thầy cúng. Một đảng thờ tự rất phức tạp và hành nghề không đơn giản như Ông đồng, và lại vì mục đích kiếm lợi. Việc thờ cúng của thanh đồng và của phù thủy không có liên quan gì với nhau, không giống nhau.

Hưng Đạo Vương sau khi mất khắp trong nước đều cảm nhớ ơn đức, nhiều nơi lập đền thờ đề kỉ công sùng bái bậc đại anh hùng. Về sau các tướng đi đánh dẹp thường nghĩ đến tài dùng binh của Đại vương, hay làm lễ cầu đảo ở đền

thờ Ngài, tương truyền có linh ứng. Lại một năm châu Lạng sơn có bệnh dịch, nhiều người lễ cầu ở đền Ngài may được tai qua bệnh khỏi (ta có tục lễ cầu như vậy: lễ cầu thành hoàng làng, lễ cầu thần linh trong vùng). Nhân có đồn đại về sự linh ứng trên, lại thêm truyền thuyết sau đây, khiến cho bọn đồng cốt lợi dụng dựa vào óc mê tín của quần chúng, biến Hưng Đạo thành một thần linh giỏi phép bắt tà ma, nhất là trừ trị được bệnh Phạm Nhan làm:

Một khách trú người Quảng đông sang buôn bên ta, lấy vợ người làng An bài huyện Đông triều (tỉnh Hải dương bây giờ) sinh ra Nguyễn bá Linh, đem về Tàu cho đi học đồ tiến-sĩ triều Nguyên. Linh giỏi nghề phù-thủy, được vua Nguyên cho ra vào chữa bệnh trong cung, thông dâm với cung-nữ bị án tử hình, nhưng được xin theo quân Mông-cổ sang đánh ta, chỉ đường đề lập công, chuộc tội; chẳng ngờ Nguyễn bá Linh cùng Ô-Mã-Nhi đều bị bắt sống tại trận trên sông Bạch-đăng. Trước khi bị đem ra chém, Bá-Linh hỏi Hưng-Đạo vương cho y ăn gì; Đại-vương nổi giận quát: «cho mi ăn máu dê». Vì thế sau khi chết thành yêu quái, Bá-Linh đi khắp nơi tìm ăn máu bà đẻ, làm chết sản-phụ, làm chết hài-nhi sơ sinh, ta quen gọi là «hữu sinh vô dưỡng». Ai mắc phải thì bảo là Phạm Nhan (tên yêu quái của Bá-Linh) làm, cứ đến đền kiếp-bạc, thờ Hưng-Đạo vương, ở Vạn-kiếp huyện Chí-linh tỉnh Hải-dương, lễ cầu, đem chiếu mời đến đôi lấy chiếu cũ đã trải ở trong đền, về trải giường nằm, và xin chân nhang ở đền về đốt lấy than hòa nước uống, khác qua khỏi.

Nguyễn-bá-Linh bị chém đầu ở xã An-bài, theo lời y xin được chết ở nơi quê mẹ. Là yêu quái quấy nhiễu gieo nhiều tai họa, người đời sau vì mê tín đã «phải» lập đền thờ Bá-Linh tại chỗ y thụ hình, vì thế đền thờ ở xã An-bài bị liệt vào hàng dâm-tử, nghĩa là đền thờ nhảm nhí, thờ vị thần không chính đáng¹.

Có rất nhiều đền thờ Hưng-Đạo vương ở khắp nơi trong nước, nhưng đáng chú ý là, trừ ba đền kiếp-bạc, Báo-Lộc và Tức mạc hàng năm bốn thanh-đồng chảy hội hành hương rất đông, tại các đền khác nhiều ngôi kiến-trúc nguy-nga thờ tự uy nghi, tuyệt nhiên không có việc đồng bóng trừ tà trị bệnh; chắc hẳn những dân sở-tại ý thức được việc sùng bái Đại-Vương trong tinh thần cao cả.

Tại các đền thờ Đại Vương đầu đầu cũng có đối liên phần nhiều là những áng văn bất hủ, như :

Uy sang đất Bắc, trận sát thát quân reo, một tay chống vững sơn hà, quét bụi Tống rửa thù Nguyên, danh giá vẻ vang hồn lịch sử;

Ân khắp miền Đông, đền Đại vương quốc tế, mảnh đá in còn sự nghiệp, sóng Bạch đằng mây Vạn-kiếp, khói hương phảng phất bóng anh hùng.

(tác giả Trần-tán-Bình, người làng Do-lễ, tỉnh Hà-đông, đỗ phó bảng khoa át mùi 1895).

Đông A nhất đại trung hưng tướng,

Nam quốc thiên thu thượng đẳng thần.

(tác giả Khuyết danh).

Vạn cổ thử giang sơn (tác giả 5 chữ hoành tuyệt bút này, Khuyết danh).

Vạn-Kiếp hữu sơn giai kiếm khí,

Lục đầu vô thủ bắt thu thanh.

(tác giả câu này nề ở cột xây đền Vạn-kiếp, là Vũ-Phạm-Hàm, người làng Đôn-thư tỉnh Hà-đông, đỗ thám hoa khóa Nhâm thìn 1892).

Khác hẳn bên thờ Chư Vị, những thanh đồng di cư vào Nam hồi 1954, 55 không rước Thánh vào thờ tỉnh ở nhà riêng với mục đích lễ cầu trừ trị tà ma; nhưng rất nhiều người, không mấy may có đầu óc đồng bóng, đã vì tâm tư sùng bái, cùng nhau góp công của lập đền thờ ở Saigon và ở Nha-trang, ngay ba bốn năm sau khi di cư, ngôi đền ở Saigon xây cất tại một nơi không được khoáng đãng, không có bề thế, kém về nguy nga, nhưng với lối kiến trúc có quy mô, mỹ lệ, lại có tượng đồng đúc khá công phu, cũng đủ nói lên được ý trí kiêu hùng tinh thần bất khuất của dân tộc.

Ngôi đền Nha-trang được giới trí thức đặc biệt chú trọng với câu đối liên :

Lưỡng hồi xã tắc, tượng tượng xuất kim hoàng, quốc sử huân danh truyền Bách Việt;

Vạn-Kiếp anh linh, giang sơn dư kiếm khí, bình gia thao lược tức thiên thu.

1. Công-dư tiếp ki Vũ-phương-Đề quyền III, và Hải dương phong vật chí Trần-Đạm Trai quyền hạ

đối liên do cụ nghề Lũ¹ tâm thành soạn năm 1959.

Ngày xưa nhiều dân xã thường có tục xin các bậc khoa bảng soạn câu đối cho, đề khắc thờ ở đình. Gặp trường hợp thờ thần không có huân nghiệp, hay là thần có công với một họ "được làm vua" nhưng có tội với quốc-dân lịch sử, thì chẳng mấy khi, nếu không muốn nói chẳng bao giờ, các cụ soạn cho câu đối thờ. Cho nên khi ta đi ngang qua hay bước chân vào một ngôi đền, trông lên hoành phi câu đối thờ, thấy có tên hay không có tên

các nhà khoa giáp nơi lạc khoản, ta có thể nhận biết thần được thờ là thế nào, hữu công hay vô danh, được tất cả mọi giới sùng bái hay là chỉ một nhóm người tôn thờ. Có biết bao nhiêu đền thờ Liễu-Hạnh tuyệt nhiên không có đối liên của một ông nghề ông thám nào, cũng như đền danh tiếng ở Gia-định đáng lẽ phải có văn chương của nhiều hay một vài đại gia đề vịnh đề kỉ công, truy tư.

(CÒN TIẾP)

1. Cụ nghề Lũ : Nguyễn-sĩ-Giác, làng Kim-Lũ, tỉnh Hà-Đông đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1910).

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

□ *Thơm ngon, ngọt*

□ *Bổ huyết, bổ gan*

□ *da dẻ hồng hào*

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sĩ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty - 601 — L. V. Duyệt, Saigon

ĐỊA - ĐIỂM O H S A W A

- Đầy đủ sách báo tìm hiểu về phương pháp DƯỠNG SINH OHAWA.
- Cung cấp các loại thực phẩm dưỡng-sinh.
- Sẵn sàng chỉ dẫn những ai muốn tìm hiểu để áp dụng phép dinh dưỡng này.
- Nhận nấu cơm dưỡng sinh theo tuần hay tháng.

KÍNH MỜI ĐẾN HAY VIẾT THƯ CHO ĐỊA CHỈ :

Quán THIÊN - NHIÊN

115/48, Trương-minh-Ký — Gi-định (Cồng xe lửa số 6 đi vào)

Krishnamurti :

Một thông điệp mới...

• HOÀNG-VŨ

I. — MỞ.

Krishnamurti là một người đã làm lại cuộc hành trình của con người từ điểm khởi hành *bằng* những nhận thức như : khổ đau, nghèo khó và hủy hoại — hủy hoại của tất cả những gì trí óc chúng ta (mà chúng ta thường lầm lẫn với tinh thần) đã sáng tạo (bầy đặt) ra để mưu cầu một cuộc tự giải thoát ; nghĩa là, bằng sự thất bại của con người trên tất cả mọi mực độ của cuộc sống. Đối với Krishnamurti vấn đề không phải là san bằng những kiến tạo cũ để thay bằng những kiến tạo khác. Chính đây là sự độc đáo của Krishnamurti. Ông không hành động như những người khác luôn luôn đem những lý thuyết của mình ra điền vào khoảng không gian còn bỏ trống. Những lý thuyết này một đôi khi thấy có khả năng chống lại được với thời gian, nhưng dù sao chúng vẫn là một *gánh nặng* giam giữ chúng ta ở chính bên trong mình.

Krishnamurti không phân tích những sự kiện, những nguyên nhân hay hậu quả. Ông cũng không hứa với chúng ta sẽ đưa chúng ta lên cao, hay ban cho chúng ta một sự giáo huấn khả dĩ giải thoát được chúng ta. Ông không mời theo ông trên đường giải thoát của một tư tưởng hay của một pháp môn nào đặc biệt. Ông chỉ *thử* dùng lời nói — cái lời nói mà khả năng lớn nhất là để nói dối — để giúp chúng ta hiểu được chính mình với mục đích giúp chúng ta trông rõ sự *gi* *hiện hữu*, sau đó giúp chúng ta *quên* đi chính mình. Nghĩa là giúp chúng ta ra khỏi cái tôi vị ngã, đạt tới *khả năng sáng tạo* bằng cách chấm dứt (tự nhiên, không gò bó, ép buộc) những diễn tiến tư tưởng của chúng ta, trực kiến cái *tâm không* (minh tâm) của mình và, trong cùng một lúc với sự minh tâm đó, sự khám phá ra *tình thương* (hay kiến tính). Ông nói : « Để hiểu được bản chất của một xã hội đang tan rã hủy hoại, điều quan hệ là mình tự hỏi mình, các bạn và tôi, xem cá nhân có thể có khả năng sáng tạo không ? Chúng ta có thể nhận chân rằng nơi nào có sự cóp nhặt, bắt chước, nơi đó chắc chắn sẽ có hủy hoại ; nơi nào có quyền uy, nơi đó tất nhiên có sự cóp nhặt, bắt chước. Và bởi lẽ tất cả cơ cấu tinh thần và tâm lý của chúng ta đều đặt căn bản trên quyền uy cho nên chúng ta bắt buộc phải giải thoát chúng ta khỏi cái quyền uy đó để trở nên sáng tạo ».

Tự giải thoát khỏi quyền uy là một việc khó. Chúng ta ý thức rõ ràng là chúng ta yếu đuối, nhu nhược ; chúng ta ý thức được sự sợ hãi của chúng ta khi phải đối đầu với thực tại. Chúng ta không muốn đơn độc một mình bởi vì chúng ta không có sức lực để chạm trán với sự thật. Chính lúc đó là lúc mà chúng ta cố gắng hiển sự *tự do* của chúng ta cho một

chính nghĩa : từ đây chính nghĩa bắt đầu thay thế sự thắng tiến cá nhân của chúng ta. Chúng ta đem bán sự tự do của chúng ta để đem về một mớ những danh từ trống rỗng. Một khi sự tự do của chúng ta đã được đem bán đi rồi (và bán rẻ), thì những sự phá sản của các hệ thống — những hệ thống nhờ sự đầu hàng hèn kém của chúng ta mà tồn tại — không còn liên quan gì đến chúng ta một cách trực tiếp nữa. Nhiều lắm thì chúng ta sẽ chỉ thay đổi hệ thống trong trường hợp chúng ta bị thất vọng, hay đúng hơn bị mất ảo tưởng. Nhưng dù có thay đổi hệ thống, sự tự do mà chúng ta mất đi sẽ không bao giờ lấy lại được. « Một hệ thống không thay đổi được con người, nhưng chính con người bao giờ cũng đổi khác hệ thống. »

Ai cũng muốn có một cuộc cách mạng, sự tự do cho tất cả mọi người, và những thứ đại ngôn tương tự như thế. Ai cũng cho là mình có bí quyết để thực hiện hạnh phúc, thực hiện tự do, nhưng không có ai thử đem cái bí quyết ấy ứng dụng vào ngay chính bản thân mình. Điều mà người ta muốn là ép buộc những người khác làm những gì mình khỏi xướng, còn chính mình thì lại không làm. Thế giới đầy rẫy những nhà độc tài lớn nhỏ thường xuyên làm khổ những người khác như thế. Chúng ta thực ra chỉ là những cái máy tuyên truyền lập đi lập lại những luận điệu tư tưởng của những người khác. Có biết đâu « những ý tưởng bao giờ cũng là căn duyên của tranh chấp chống đối, hỗn loạn và hận thù. Việc chúng ta phải làm trước tiên là tự giải thoát mình khỏi mọi sự tuyên truyền. Những sự tin tưởng chia rẽ lòng người (chứ không kết hợp bao giờ) ».

2.— BIẾN CẢI BẰNG TÌNH THƯƠNG :

Krishnamurti không chỉ vẽ cho ta một nơi trú ẩn mới. Bằng cách nhìn sự kiện ông thử giúp chúng ta khám phá ra tự do, thứ tự do đích thực, *chán chính*. « Tất cả các vấn đề của chúng ta đều phức tạp đến mức độ mà, muốn giải quyết chúng, chúng ta bắt buộc phải thực *đơn giản*, Tâm tư của chúng ta đầy ắp những kiến thức (như những căn phòng bừa bộn) khiến cho chúng ta trở thành phức tạp không thể đơn giản được, và không thể có được những kinh nghiệm trực tiếp. Nếu chúng ta không đơn giản (đơn giản như trẻ thơ) thì chúng ta không thể nào cảm nhận được những dấu hiệu ở bên trong sự vật ».

Krishnamurti định nghĩa sự đơn giản (đơn sơ) như sau : « Một tinh thần khéo là không đơn giản. Một tinh thần có một chủ đích để làm việc không phải là một tinh thần đơn giản. Một tinh thần đầy ắp kiến thức không phải là một tinh thần đơn giản. Một tinh thần bị què quặt bởi những tín ngưỡng, một tinh thần đã tự đồng hóa mình với một sự gì lớn hơn mình và phần đầu để duy trì sự đồng hóa đó không phải là một tinh thần đơn giản. Sự đơn giản là *hành động không ý tưởng* (action sans idée). Nhưng đây là một chuyện rất hiếm có : bởi vì nó hàm ngụ một trạng thái tinh thần sáng tạo. »

Vấn đề không phải là giảm thiểu đi những gì mình có ở bên ngoài (áo quần, nhà cửa, xe cộ, đồ đạc, v.v.) nhưng có lẽ là vứt bỏ những gì ở bên trong chúng ta, chúng vốn dai dẳng khó diệt trừ hơn nhiều. « Sự đơn giản căn bản, thực, chỉ có thể nảy sinh từ bên trong, rồi từ đó sẽ có thái độ tỏ ra bên ngoài. Càng đơn giản chúng ta càng dễ cảm nhận. Một tình thần nhạy cảm (một trái tim nhạy cảm) là rất cần thiết, bởi vì có nhạy cảm mới tri nhận được một cách nhanh chóng. »

Sự đơn giản mà Krishnamurti nói đến không phải là phương tiện để đi tới một nơi nào nhưng chỉ là sự giải thoát chúng ta ở chặng đường chót nhất.

Những chữ, những tiếng là những trở ngại chính đối với sự tự do của chúng ta. Nhưng chúng lại rất quan hệ đối với cuộc sống ý thức và vô ý thức của chúng ta đến nỗi trở thành món ăn chính của chúng ta. Sự kiện đặt tên cho mỗi một cảm nhận khiến cho chúng ta không còn liên lạc được *trực tiếp* với vũ trụ nữa. Chúng ta cho rằng bằng những tiếng, những chữ chúng ta đạt tới được sự gì đang có liên quan với chúng ta, có biết đâu ngôn từ đã trở thành những giới hạn mà chúng ta có muốn vượt qua sau này cũng rất khó khăn. Chúng ta đã khiến cho những cảm nhận và giao tiếp của chúng ta trở nên què cụt bằng cách đặt cho chúng những tên gọi một cách ý thức hay vô ý thức. « Nếu tôi không đặt lên cho một tình cảm, nghĩa là nếu tư tưởng thôi không còn là một hoạt động ngôn từ, một sự vận dụng hình ảnh hay biểu tượng, thì sự gì sẽ xảy ra ? Tình thần sẽ trở thành một sự gì khác một quan sát viên thông thường, bởi vì, khi người suy tư *không suy tư bằng ngôn từ*, biểu tượng và hình ảnh nữa, thì anh ta với tư tưởng là một, nghĩa là không còn sự phân cách giữa anh ta và tư tưởng hay ngôn từ nữa, và khi ấy tình thần sẽ yên lặng. »

Sự yên lặng của tình thần là *tình thương*; một đôi khi sự mà chúng ta gọi là tình thương vốn mở cho chúng ta thấy một phần sự yên lặng đó. Tình thương đưa chúng ta ra khỏi phạm vi của vị ngã. Tình thương chính là một trong những khoảnh khắc trong đó chúng ta *vượt thoát* ra khỏi ngôn từ, ý tưởng, cùng những khái niệm tù hãm chúng ta. Tình thương là cái gai nhọn đem lại cho ta sự gì mà ta luôn luôn chốn chạy : đó là sự tự do. Tình thương là vấn đề lớn nhất của chúng ta, bởi lẽ nó, và chỉ có nó, đem lại cho chúng ta tự do, cho nên nhất thiết chúng ta phải đặt đề (sáng tạo) ra nó.

Cách thức tốt nhất để đặt-đề ra một vấn đề quan trọng là đem vấn đề ấy phân chia ra thành nhiều vấn đề nhỏ. Vấn đề tình thương có thể phân ra thành những vấn đề : tình yêu, khoái lạc, tình dục, ham muốn, tiết dục; trên những vấn đề nhỏ đó chúng ta đặt thêm những đại danh từ chia-khoa, thường thường còn rộng nghĩa hơn nữa, như : tự do, quyền, luân lý. Sau khi đã làm như thế, vấn đề thực là lớn lao (để) độ

không sao giải quyết nổi. “Tinh thần chỉ làm hư hỏng tình thương, tình thần không sinh ra được tình thương, nó không so sánh với mỹ trạng được. Tình thương không thuộc về thế giới tư tưởng, cũng không thuộc về thế giới những đối tượng tư tưởng. Người ta không thể tư tưởng về tình thương, người ta không thể vun trồng nó, người ta không thể tập tập được nó. Chỉ có tình thương, duy nhất có tình thương, mới biến cải được tâm trạng điên rồ hiện tại, biến cải sự thác loạn của thế giới hiện nay”.

3. — NHÌN HIỆN-HỮU :

“Càng hiểu mình, càng sáng suốt. Sự tự tri (mình hiểu mình) không có giới hạn; nó không đưa đến một sự hoàn tất nào, một kết luận nào. Tự tri là một con sông dài vô tận. Càng đắm mình trong đó, càng cảm thấy *an thỏa*. Chỉ khi nào tinh thần an thỏa do tự tri (chứ không do một sự áp đặt của một kỷ luật) thực tại (chân như) mới xuất hiện. Chỉ khi đó mới có *an lạc*, mới có tác động sáng tạo”.

Tự-tri như vậy là một trạng-thái vô-cứu-cánh, vô kết luận, luôn-luôn *biến-dịch*. Người tự-tri nhìn thấy sự gì *hiện-hữu* mà không cần trung-gian, sự trung-gian bao-giờ cũng lệch-lạc. Người tự-tri không phê-phán, không kết-tội, không chú-giải. Anh ta cũng không còn là người nhìn và bị nhìn. Anh ta chỉ *hiện-hữu*, đơn-sơ như vậy mà thôi

Cái thực-tại đó vượt-khỏi chúng-ta, bởi-vì, khi mà chúng-ta muốn nó, *cố-gắng* muốn nó, thì, — chính do sự cố-gắng của chúng-ta —, nó vượt-khỏi chúng-ta. Nó không ở trong một khuôn-mẫu tiền-chế nào, vì nếu thế thì nó đã *không còn* là nó nữa. Chúng-ta tìm-kiếm chân-không, an-lạc, nhưng chúng-ta chỉ thấy hình-ảnh của chân-không, an-lạc, còn chân-không, an-lạc thực là gì thì chúng-ta không biết. Sự hoàn-tất chỉ là phóng-ảnh của vị-ngã, và chúng-ta có-thể đạt được nó nếu chúng-ta có đủ nghị lực và ý-chí. Đó là sự khác-biệt tẻ-nhị thường lừa-dối bất-cứ ai muốn tìm phương giải-thoát. Giải-thoát thực-tại thì không có, mà chỉ có một ý-tưởng nào đó về giải-thoát. Khi nào có giải-thoát thực thì không còn sự tiến-tới một điều gì và cũng không còn chính cái điều đó nữa.

Nhưng thực-tại đó, chân-lý đó, nó ở đâu? Phải chăng đó là một trạng-thái xa-vời, và, nếu con người đi tìm-kiếm nó mà không đạt-tới nó được thì con người đó phải làm gì? Krishnamurti trả-lời: « Thực-tại rất gần-gũi chúng-ta. Thực-tại ở trong sự gì *hiện-hữu*. Chính đây là vẻ đẹp của nó. Tất cả mọi vận-động của tinh-thần, tích-cực hay tiêu-cực, đều là một kinh-nghiệm. kinh-nghiệm bằng sự-kiện, làm vững-mạnh vị-ngã. Trạng-thái sáng-tạo hoàn-toàn ở bên ngoài môi-trường kinh-nghiệm của vị-ngã, bởi-vì sáng-tạo không phải là sản-phẩm của trí-óc (l'intellect), không thuộc phạm-vi thế-giới tư-tưởng, không phải là một phóng-ảnh của tinh-thần ».

Cái trạng thái sáng tạo đó có nghĩa là trạng thái mới, trạng thái không bị nhiễm bần bởi tinh thần. Nó có nghĩa là những bức tường chúng

ta dựng nên vừa để làm hàng rào chống lại thực tại, vừa để là nơi dựa vào, sụp đổ ngay dưới sức đẩy của ánh sáng. Vấn đề không phải là phá hủy những bức tường tâm lý và tinh thần của chúng ta, cũng không phải là ép buộc cái vị ngã của chúng ta phải im hơi lặng tiếng, hay trở về hư không ký ức và tư tưởng của chúng ta. Vị ngã không thể tẩy trừ bằng sức mạnh được, vì có những yếu tố rất vững chãi của ý chí chống lại. Chỉ duy có sức đẩy sáng láng của thực tại được sống một cách *đơn sơ* mới khiến cho ta khám phá ra được bên trong ta trạng thái an lạc, sự chân không sáng tạo (*le vide créatif*). Chính cái trạng thái *chết* này của sự sống nó đưa dẫn ta đến thực tại. » « Có một khoảng cách giữa cái gì tôi là và cái gì đáng lẽ tôi phải là, và chúng ta luôn luôn cố thử bắc ngang qua khoảng cách đó một cây cầu. Chính đây là sự sáng tạo của chúng ta. Sự gì sẽ xảy ra nếu ý tưởng không có ? Nếu ý tưởng không có thì tức khắc chúng ta đã loại trừ ngay được cái khoảng ngăn cách đó. Và chúng ta sẽ là cái gì chúng ta là thực. »

« Tự tri biết mình đích thực là gì đòi hỏi một tốc độ vận chuyển cực kỳ mau lẹ của tư tưởng, bởi vì cái gì *là* luôn luôn chịu (bị) những thay đổi thường xuyên, và nếu tinh thần gia nhập vào cuộc chạy đua đó thì dĩ nhiên là nó không được bắt đầu bằng cách ràng buộc dính chặt mình vào một tín điều hay một tin tưởng nào. »

« Trạng thái sáng tạo không liên tục ; nó là một trạng thái mới từng khoảng thời gian một ; đây là một vận chuyển trong đó cái tôi và cái của tôi không có, trong đó tư tưởng không cố định vào một mục đích phải đạt, vào một sự thành công, một động lực, một cao vọng. Chỉ có ở trong đó mới có thực tại, tác nhân sáng tạo ra mọi sự. Nhưng trạng thái đó không thể quan niệm, tưởng tượng, đặt vào một phương thức hay sao - lại ; người ta không thể đạt tới nó bằng bất cứ một hệ thống, một triết lý, một kỷ luật nào ; trái lại, nó chỉ khởi sinh do sự hiểu thấu đáo cái diễn-tiến toàn diện của chính chúng ta ».

Sự trở thành là tột nguyên chính của con người, là trở ngại bao giờ cũng đặt nó vào vị trí tương đối với quá khứ. Bởi vậy cho nên, người ta trải qua đời mình giữa quá khứ và tương lai; quá khứ và tương lai được nối với nhau trong hiện tại, hòa hoãn lắm, cũng thấy có một ngoại lệ, một vài giây phút *xuất thần* trong đó con người, trong tình yêu hay trong nghệ thuật, vượt thoát khỏi thời gian và sống ngay trong hiện tại tức khắc. Chúng ta bao giờ cũng là nhân của ký ức tinh cảm của chúng ta, nó tách rời chúng ta ra khỏi thực tại và cắt đứt mọi liên lạc của chúng ta đối với thế gian. « Một ý tưởng mới, một tình cảm mới chỉ nảy sinh khi nào tính thần không bị vướng mắc trong lưới ký ức ». « Nếu bạn hiểu một điều gì một cách trọn vẹn, nghĩa là nếu bạn trông thấy hoàn toàn sự thật về một vật gì, thì sự kiện đó không bao giờ bao hàm một thứ ký ức nào ».

Chính bằng cách nhận xét và bằng ý thức được những động cơ bên trong chúng ta mà chúng ta có thể biết được sự khác biệt giữa cái có thời gian tính và cái phi thời gian tính, (cái có thời gian tính nó làm tê liệt chúng ta, và cái phi thời gian tính nó vượt thoát khỏi ký ức và thời gian). “Bạn hãy tự quan sát lấy mình rồi bạn sẽ thấy có một khoảng cách giữa hai tư tưởng, hai cảm xúc. Trong khoảng cách đó — nó không phải là sản phẩm của ký ức — có một sự tự do thật kỳ lạ đối với cái *tôi* và cái *của tôi*, và khoảng cách đó có tính chất phi thời gian”.

“Bạn hãy quán xét bạn một cách như-như vắng lặng, không đồng hóa mình với bất cứ cái gì, không so sánh, không lên án, không biện minh, rồi bạn sẽ thấy một sự hết sức lạ lùng, hết sức bất thường, xảy ra; không những bạn chấm dứt một hoạt động vô ý thức (phần nhiều cách hoạt động của chúng ta đều vô ý thức), nhưng bạn còn trở thành ý thức về những động cơ thúc đẩy hoạt động ấy, không cần điều tra mà cũng không cần phân tích”.

Một khó khăn khác cũng do tư tưởng đem lại, là cái cảm tưởng chúng ta luôn luôn có là *phải* chọn lựa (như một sự cần thiết, bắt buộc). Ý chí đạt tới một trạng thái giải thoát, như chúng ta đã thấy, chỉ đưa tới ảo tưởng. Còn sự lựa chọn thì lại đưa đến tranh chấp. “Chính trong lúc tinh thần không được minh mẫn mà tôi lựa chọn; nếu minh mẫn thì không có lựa chọn. Một người đơn sơ và sáng suốt không lựa chọn giữa làm cái này hay cái khác: cái gì có đấy là có đấy (hiện hữu). Một hành động đặt căn bản trên một ý tưởng dĩ nhiên là thoát ra từ một lựa chọn; một hành động như thế không phải là một hành động giải thoát, trái lại, nó tạo ra những sự đối kháng mới, những tranh chấp mới theo điều kiện của ý tưởng.”

Kiến thức, sau cùng, là một trở ngại che khuất sự trực kiến cái phi-thời-gian-tính. Hành động và tư tưởng là những sản phẩm hữu sinh vô dưỡng của ký ức, sinh ra liền chết yểu. “Một người giàu có về những liên hệ trần thế hay giàu có về những kiến thức hay tin tưởng chỉ biết có u minh và là trọng tâm của hỗn độn và nghèo hèn.” “Chỉ có người ý thức trọn vẹn đầy đủ mới ở trong trạng thái tịnh quán (état de méditation). Khi mà vị ngã chấm dứt thì vĩnh cửu bắt đầu nhập vào cuộc sống.”

(CÒN TIẾP)

PHÂN ƯU

Nghệ tin độc giả CHUNG-ĐỨC-DANH Giám-đốc hãng Promedica (VN) đã từ trần ngày 23-3-1973,

Toà báo PHƯƠNG-ĐÔNG thành thực chia buồn cùng tang quyến.

ĐÍNH CHÍNH

trang	cột	dòng	chữ sai	xin sửa lại
140	1	1	1959	1958
140	2	31	họ đã lại	họ đã loại
141	2	5	utournement	retournement
142	2	8	nhâm nghinh	nhân nghinh
143	2	3	nơi chân	nơi chân
145	2	11	Linoge	Limoge
145	2	12	Mecken	Necker
148	2	cuối	Niboget	Niboyet
149	1	12	để làm con vật	để làm cho con vật

Ngoài ra, do sự sơ-sốt của người thư-ký đánh máy, bài **gây tê bằng châm thuật** thiếu mấy dòng kết luận như sau :

« Những cuộc thí-nghiệm và quan-sát có sở-quan đến cơ chế tác-dụng của khoa gây tê mới mẻ này mà chúng tôi vừa trình bày trên đây, « tuy chưa lấy gì làm đầy đủ lắm, song với tính cách khoa-học của chúng, chắc « hẳn đã thỏa mãn được phần nào những độc-giả muốn có một giải-thích « khách-quan ».

Trang	Cột	Dòng	Chữ sai	Xin sửa là
192	1	12	mừng húm	ông mừng húm
197	2	3	bùn xấy lên mình	bùn vấy lên mình
"		5	mụt nát	mục nát
"		9	như tôi vẫn sẽ đem	như tôi vẫn tiếp tục tiến từ mấy chục năm nay trong âm thầm. Tôi nguyện sẽ đem...

« Vào lời-chua 1, tr. 278, *Phương-Đông* số 22, về bài *Từ quyền Lịch sử thành lập đất Việt đến quyền Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam* xin hiểu thêm :

« Đó là số-chỉ sọ của người chết (cranial index) thường tùy tác-giả mà phải tăng 1 hay 2 vị-đơn để có số-chỉ sọ người sống, hay số-chỉ đầu (cephalic index). »

PHÂN ƯU

Được tin Cụ **MAI-THỌ-TRUYỀN**

Quốc vụ-khanh đặc trách Văn-hóa đã từ trần ngày 17-4-1973 (tức 15 tháng ba Quý-Sửu).

PHONG-TRÀO HƯNG-GIAO VĂN-ĐÔNG và TẠP CHÍ PHƯƠNG-ĐÔNG thành thực chia buồn cùng Phủ Quốc-Vụ-Khanh và tang quyến. Cầu cho hương hồn Cụ chóng siêu-độ.

Vấn đề đặt ra cho Công-giáo tại miền Nam đối với Quê hương

ĐỖ - XUÂN - QUẾ

« Vui mừng và hy vọng, tru sầu và lo lắng của con người ngày nay nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, tru sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ. » (1)

Tôi đã vô cùng cảm kích khi đọc lại những lời lẽ trên đây cũng như đã hết sức bồi hồi xúc động, khi đọc thấy những dòng này của Đức Phaolô VI gửi nhân dân hai miền Nam Bắc Việt nam, nhân ngày ký kết hiệp định ngưng bắn :

« Các bạn Việt nam thân mến ! Những người chết của các bạn bây giờ ở đâu? và còn rõ những người ấy là bao nhiêu? Thiên chúa của những người sống và cha của mọi người sẽ không quên họ và chúng tôi sẽ cầu xin Ngài giang tay đón tiếp họ vào hưởng cuộc sống không cùng. Nhưng hiện nay, chúng tôi nghĩ đến những cô nhi, quả phụ, những kẻ thương vong, tàn phế, những người tỵ nạn, những người nghèo khổ, túng đói, và chúng tôi kêu gọi mọi người thành tâm thiện chí cũng như các cơ quan từ thiện ra tay cứu trợ tất cả những nạn nhân này; họ đang sống trong đau buồn, thiếu thốn : hiện nay phải

giúp nước Việt nam hơn bao giờ hết ! Sau một cơn thử thách lâu dài và bi thảm như vậy, nước Việt nam cần phải được phục hưng nhanh chóng và giúp đỡ mau lẹ, hữu hiệu. Nhưng không phải chỉ an ủi dân tộc này vì giúp họ tái thiết mà thôi, mà còn phải phục hồi nơi mọi công dân trên thế giới ý thức về sự thiện, về tình liên đới nhân loại, về tự do, trật tự và hy vọng. » (2)

Thiết tưởng những lời nhắn nhủ của Công đồng cũng như những tâm tình và lời kêu gọi của Vị Lãnh đạo Công giáo toàn cầu rất thích hợp cho hoàn cảnh của Giáo hội tại miền Nam hiện nay. Vì thế, tôi muốn nhân cơ hội đề cập đến **« vấn đề đặt ra cho Giáo hội tại miền Nam đối với quê hương »**, với cả tâm huyết của một người hằng ước mong cho Giáo hội thể hiện một cách đầy đủ và trung thực tinh thần của Đức Kitô đối với quê hương, xứ sở trong sự ân cần săn sóc mến thương, phục vụ và trong nỗ lực làm cho « vui mừng và

1. Thánh Công đồng chung Vaticanô II — Giáo hoàng học viện Pio X — Đà Lạt 1972 — Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay — Lời mở đầu, số 1 trang 841

2. Bản tiếng Pháp trong Doc. cath. số 1626 ngày 18 tháng 2 năm 1973 trang 157 ; bản Việt ngữ của tạp chí Nhà Chúa số 32, bìa trang 4 tháng 4, 1973.

hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô,... »

Vậy chắc hẳn trong hoàn cảnh đầy đau thương, lo lắng và bấp bênh của quê hương hiện thời, Giáo hội không thể đứng ngoài hoặc tỏ ra những nhưng lảnh đạm hay chỉ hoạt động cho quyền lợi và sự bành trướng của mình mà thôi, đành rằng cứu cánh của Giáo hội thuộc phạm vi siêu nhiên, nhưng không vì thế mà Giáo hội lại từ chối góp phần vào việc xây dựng xã hội trần gian, để làm cho xã hội này trở nên nhân ái và thấm đượm tình người hơn, bằng các nỗ lực san phẳng bất công, bênh vực người cô thế, lên tiếng chống cường quyền bất cứ từ đâu tới, cò võ hòa giải, duy trì hòa bình, tố cáo sự lật lọng, tiêu diệt căm thù, giáo dục tình thương, biến đổi lòng người, chia xẻ phương tiện, thông truyền văn hóa v.v...

Trong đường hướng ấy, tôi tưởng :

I. — Giáo hội phải gắn liền với Quê hương.

Dù muốn dù không, giáo hội không thể tách mình ra khỏi quê hương đứng chơi với như một đoàn thể xa lạ. Điều này hơi khó, khi giáo hội chỉ là một đoàn thể nhỏ bé trong lòng một quốc gia rộng lớn mà đa số quần chúng không theo hay chống nghịch với Thiên Chúa giáo. Dù vậy, trong trường hợp đó, giáo hội vẫn phải cố gắng hòa mình và gắn liền vận mệnh của mình với vận mệnh của Dân tộc như lời chỉ

giáo của công đồng : «... Các Kitô hữu phải lấy lòng kính trọng và tình bác ái mà liên kết với những người ấy, phải biết mình là thành phần của nhóm người mình chung sống, và tham gia đời sống văn hóa, xã-hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong đời sống nhân loại, lại phải làm quen với những truyền thống dân tộc và tôn giáo của những người ấy; phải lấy làm sung sướng và kính cần mà khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong họ.» (1)

Vì thế, tuy là phổ quát, nhưng giáo hội cũng phải tạo cho mình một bộ mặt có màu sắc quê hương để quê hương có thể nhận ra mình ở trong đó. Điều này có nghĩa là giáo hội phải tìm cách « Việt-nam-hóa-đạo » (2) trong cách trình bày Tin Mừng và sống Tin Mừng đó, sau cho đồng bào ngoài công-giáo ở nước ta thấy được rằng Kitô-giáo tuy phát xuất từ Tây phương nhưng dần dà đã nhập thể và hòa đồng với cảnh vực Việt nam, cho người Việt nam và với người Việt nam, như Phật giáo tuy phát xuất từ Ấn độ, truyền sang Việt nam qua ngã Trung hoa, nhưng đã trở thành rất gần gũi và không còn xa lạ gì với Việt nam, đành rằng ta vẫn có thể giữ những gì là tinh túy của nước ngoài, để làm giàu cho kho tàng văn hóa của nước ta.

Đây là một đòi hỏi khó khăn trong giai đoạn đầu và là một công trình cần phải tiếp tục hoàn thành qua nhiều thế hệ.

1. Giáo hoàng học viên: sách đã dẫn trang 718-719

2. xin xem NHÀ CHÚA số 31, chủ đề « Việt-nam-hóa-đạo » tháng 2-1973

Đi đôi với những sáng kiến và nỗ lực « Việt nam hóa đạo », Giáo hội còn có thể chứng tỏ khả năng và thiện chí phục vụ quê hương, trên hai bình diện :

1) **Vật chất**

Quê hương, đất nước chúng ta nghèo, tuy không thiếu tài nguyên cần thiết cho việc tiến tới một đời sống tương đối no ấm, đầy đủ. Nguồn gốc của sự nghèo khổ đó là chiến tranh liên miên và mất quyền tự chủ cũng như yếu kém vì tổ chức xã hội và các phương tiện khai thác. Đây là số phận chung của các tiểu nước quốc vừa mới dứt khỏi ách nô lệ ngoại bang và là mối bận tâm lớn của Giáo hội qua thông điệp « Phát triển các dân tộc », nhất là các dân tộc nghèo khổ túng đói : « sự phát triển của dân tộc, nhất là những dân tộc đang cố thoát khỏi cảnh đói khát cùng cực, bệnh tật, ngu dốt : đang tìm cách tham gia nhiều hơn thành quả của văn minh, đang muốn khai thác tích cực hơn những khả năng của con người mình; đang quyết chí vươn tới một sự nảy nở trọn vẹn. Sự phát triển của dân tộc đó được Giáo hội Công giáo hằng tha thiết lưu ý. »¹

Chắc hẳn, Giáo hội không có khả năng và phương tiện như chính quyền để xây dựng lại những hoang tàn đổ nát do chiến tranh gây nên hay tạo lập cho đồng bào một đời sống ổn định về kinh tế, nhưng Giáo hội vẫn có thể góp phần vào công cuộc tái thiết bằng cách thúc đẩy, hào giáo dân tích cực xuất công, xuất của vào những chương trình tái thiết có thể sẽ được phổ biến hoặc đề nghị trong tương lai, một khi có

hòa bình thực sự và tình thế sáng sủa hơn bây giờ.

Riêng về các hoạt động cứu trợ trong những biến cố lớn tại quê hương ta những năm gần đây, Giáo hội đã hăng hái góp phần và vẫn còn tiếp tục làm như thế qua cơ quan Bác Ái (Caritas) và các đoàn thể giáo dân hoặc tu sĩ.

Nhưng, có làm mãi như vậy Giáo hội vẫn không giải quyết được căn bản vấn đề, vì cứu trợ chỉ là một giải quyết tạm thời cũng như cho thuốc là một phương cách trị bệnh, nhưng giúp cho người ta biết ngừa bệnh để khỏi cần đến thuốc mới là điều chính và cần thiết hơn. Vì thế, song song với việc cấp phát thuốc, gạo, mùng, mền, tiền, tặng vật v.v... phải là những trung tâm huấn nghệ hay cơ sở cung cấp công ăn việc làm cho đồng bào. Việc bác ái không nguyên hạn định trong sự bố thí hoặc cấp phát mà còn là tạo điều kiện sinh sống, thu dụng nhân công, mở nhà máy, đồn điền, khai thác nông lâm sản v.v... theo những tiêu chuẩn công bình. Nếu nhà chung không tiện đứng ra làm những công việc này thì ít/ra cũng có thể làm cho các tín hữu tự động tổ chức thành những xí nghiệp hay hợp tác xã, hoặc phát động phong trào đầu tư, sản xuất tập thể với mục đích giúp đỡ những người không có công ăn việc làm.

Về phương diện xây cất trường sở, nhà thờ, nhà chung, chủng viện, nhà dòng v.v... Giáo hội đã thành công rực rỡ. Nay nếu Giáo hội cũng

1. Công đồng Vatican II, Senatus Saigon xuất bản năm 1969, trang 688

thực hiện được những công trình như thế về phương diện kinh tế và xã hội cho đồng bào nữa thì thật là tuyệt đẹp ! Về điểm này, các trường hoặc trung tâm kỹ thuật do các tu hội khởi xướng và điều khiển như Đông Bốtô ở Gò Vấp ; La san ở Đà Lạt và Cần Thơ, trường kỹ thuật gia chánh của các Nữ tu Bác ái ở Saigon và các trung tâm huấn nghệ của cơ quan Bác Ái rất đáng khuyến khích và ước mong được phát triển thêm. Giáo hội đã đầu tư nhiều cho giáo dục mà còn ít cho công nghệ, kỹ thuật và kinh tế để giúp đồng bào có công ăn việc làm và biết tự lực cánh sinh — Hiện nay, Giáo hội đang phát động mạnh mẽ phong trào truyền bá Phúc âm. Tôi nghĩ rằng, nếu góp phần vào việc cải tiến dân sinh, đem lại cơm áo và một đời sống dễ chịu hơn cho đồng bào thì đó cũng là một cách thể rao giảng Phúc âm theo lối mới, vì đồng bào nghèo khổ thấy Giáo hội sẵn sàng và giúp đỡ mình thì lẽ nào lại không cảm kích với giáo lý do Giáo hội rao giảng.

2) Tinh thần

Về phương diện này, Giáo hội có điều kiện làm được nhiều, vì phải chăng Giáo hội đã chẳng được trao cho sứ mệnh tinh thần và được chuẩn bị kỹ lưỡng lâu dài để làm công việc đó ? Vì thế, xem ra Giáo hội có trách nhiệm nhiều hơn.

Vậy, hoàn cảnh đất nước chúng ta hiện nay vô cùng phức tạp : lòng người ly tán, tinh thần sa đọa, cương thường đảo lộn, hận thù, nghi kỵ, bất mãn, tàn bạo, ích kỷ lộng hành khắp nơi. Thêm vào đó là

nỗi lo lắng về tình trạng bấp bênh chúng ta đang sống. Chẳng ai biết chắc được miền Nam này rồi sẽ ra sao : bình yên hay lại đánh nhau ? Cho nên tuy đã ngưng bắn được mấy tháng rồi mà tình hình vẫn gần như y nguyên : vẫn bố trí, đề phòng, vẫn bị tấn công rồi lại phản công, vẫn còn có người chết vì bom đạn, pháo kích. Thật là vô cùng chán nản và điều đứng !

Chính trong lúc này, người ta mới cần được nghe tiếng của Giáo hội, một tiếng nói chân thành phát ra để làm dịu bớt nỗi thống khổ, đem lại niềm tin tưởng cho lòng người và kêu gọi ý muốn đối thoại của những người anh em bấy lâu thù nghịch nhau. Người ta chờ đợi tiếng nói và thái độ này nơi Giáo hội. Người ta mong một uy quyền tinh thần như Giáo hội đứng ra làm trung gian hòa giải đưa ra những sáng kiến hòa giải và tích cực góp phần vào việc hòa giải, vì đó phải chăng chẳng là sứ mệnh đặc biệt của Giáo hội, khi kêu gọi tín hữu làm hòa với Thiên Chúa và làm hòa với nhau, như vẫn thấy đọc hằng ngày trong kinh Lạy Cha : “ xin tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi...”

Có thể, việc làm của Giáo hội không được bên này cũng như bên kia đáp ứng và hầu chắc trong tình thế hiện thời sẽ là như vậy. Nhưng có phải vì thế mà không nên làm hay không bày tỏ một cử chỉ gì chẳng ? Tôi tưởng nếu không làm hay không bày tỏ một cử chỉ nào cả trong dịp này là Giáo hội bỏ mất cơ may thi hành sứ vụ của mình, một sứ vụ rất

phù hợp với giáo lý mình rao giảng và chắc hẳn sẽ có tác dụng lớn nơi những người thành tâm thiện chí cả bên trong lẫn bên ngoài công giáo.

Nhiều khi, ta bị ám ảnh bởi sự vô hiệu của một hành động, vì những lý do ngoài ý muốn, hoặc vì hoàn cảnh hay do ác ý của lòng người mà ngại hay không muốn làm gì cả. Đó là một cơn "cám dỗ" và cũng có thể coi như một sự thoái nhiệm, sự thoái nhiệm càng trầm trọng khi diễn ra chung quanh một công việc to tát có tầm ảnh hưởng rộng lớn, do một người hay một đoàn thể mà tiếng nói đóng một vai trò quyết định. Phải chăng, vì vậy các nhân vật và các thế lực tinh thần trên thế giới vẫn thường bày tỏ thái độ trước cái sự việc liên quan đến con người hoặc cộng đồng nhân loại và lấy việc làm để chứng minh lòng yêu thương nhân loại, bảo vệ công lý và hoạt động cho công bình?

II. — Sứ mệnh tôn giáo không ngăn trở sứ mệnh xã hội.

« Sứ mệnh riêng biệt mà Chúa Ky tô đã ủy thác cho Giáo hội Người không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế hay xã hội, mục đích Người đã ấn định cho Giáo hội thuộc phạm vi tôn giáo. Nhưng bởi chính sứ mệnh tôn giáo ấy, phát sinh bốn phận, ánh sáng và những sức mạnh có thể giúp thiết lập và củng cố công đoàn nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa; cũng thế, khi có nơi nào cần, chính Giáo hội có thể và hơn nữa, phải phát động, tùy theo hoàn-cảnh thời gian và nơi chốn, những công cuộc nhằm phục vụ mọi người, nhất là những người cùng khổ, thí dụ như các công cuộc

từ thiện hoặc những tổ chức khác tương tự. » (1)

Đã hẳn, sứ mệnh của Giáo hội thuộc phạm vi tôn giáo và thiêng liêng, nhưng không đi ngược với sứ mệnh xã hội, như những dòng cuối của đoạn văn trên đây, chứng tỏ. Sở dĩ phải nhắc lại như thế vì trong giáo hội không thiếu những người viển vào tính cách tôn giáo của Giáo hội mà e sợ dè dặt hay từ chối những hành động dường như bên ngoài chỉ có tính cách kinh tế, xã hội và cả chính trị nữa (hiều như những hoạt động để lo thiện ích chung cho một xã hội) khi những hành động đó là cần thiết để phục vụ mọi người không phân biệt tôn giáo. Tất nhiên, khi theo đuổi những hoạt động này, chẳng bao giờ Giáo hội nghĩ rằng nhiệm vụ chính của mình là lo cơm áo cho đồng bào, thiết lập một đời sống có trật tự và dễ chịu hơn cho họ, nhưng chẳng được quên mình phải góp phần vào đó chính sự góp phần này làm cho Giáo hội trở nên gần gũi với đồng bào hơn và làm cho sự có mặt của mình trong cộng đồng quốc gia được mến thương, ao ước.

Đức Phao lô VI đã sang Liên hiệp quốc để cổ võ cho hòa bình. Hành động ấy xem ra không có gì là tôn giáo. Nhưng nhờ những hành động giống như thế, uy tín của Tòa thánh được tăng thêm và bộ mặt chung của Giáo hội cũng được người trong bốn phương yêu mến hơn trước. Thông điệp của Ngài gửi cho nhân dân hai miền Nam Bắc mới đây nhân ngày ngưng bắn cũng chẳng có tính cách tôn giáo là bao nhiêu,

(1) Giáo hoàng học việc: sách đã Lấn trang 914-915

nhưng hành động đó đã chứng tỏ Ngài tha thiết bận tâm đến những đau thương cùng khổ của con người bất cứ ở đâu và thuộc thành phần chính trị nào.

Cho nên, ngoài sứ mệnh tôn giáo, Giáo hội cũng còn có sứ mệnh xã hội. Sứ mệnh này không nguyên thu hẹp trong phạm vi phát thuốc, săn sóc người già cả đau ốm, mở nhà cô nhi, tiếp đón người cùi, thăm viếng kẻ tù đầy mà còn ảnh hưởng và lan rộng đến việc tác động trên xã hội để thay đổi cả một cơ cấu, một nếp trạng, một lối nhìn và một cách sống. Từ trước đến nay và bây giờ cũng thế, Giáo hội vẫn lo việc xã hội, nhưng thêm vào đó là hướng mới mà Giáo hội toàn cầu đang theo hiện nay là hoạt động cho công bình để thiết lập một trật tự xã hội mới, xây dựng trên hòa bình và phát triển.

Như thế, sứ mệnh tôn giáo chẳng những không ngăn trở sứ mệnh xã hội mà lại còn dùng sứ mệnh này như một cách thể cần thiết và chính

đáng để thể hiện sứ mệnh cứu nhân độ thế nữa. Sự có mặt của một Giáo hội tỏ ra ân cần đối với quê hương trong mọi lãnh vực, nhất là lãnh vực xã hội trong lúc này quả là cấp bách. Tiếng nói của Giáo hội sẽ là một an ủi và hành động của Giáo hội sẽ là dấu chứng về tình liên đới phải có giữa Giáo hội với Quê hương.

Kết luận

Giáo hội sống trong Quê hương nên những gì xảy ra cho quê hương không thể xa lạ với Giáo hội.

Vì thế, vận mệnh của Giáo hội cũng nhịp theo với bước thăng trầm của Quê hương. Hiện nay, Quê hương đang trải qua một giai đoạn cực kỳ tế nhị và phức tạp và đặt ra một số vấn đề cho Giáo hội.

Đón nhận và giải quyết những vấn đề đó theo khả năng và phạm vi của mình là Giáo hội vừa chu toàn sứ vụ của mình lại vừa đóng góp cho Quê hương một cách thỏa đáng.

ĐỒ-XUÂN-QUẾ

TIN DỊCH

- Hồi 14. giờ 30 Ngày 17. 6. 73 CHI HỘI DỊCH LÝ VIỆT NAM (khu vực Hàng Xanh/Gia-định) sẽ tổ chức nhiều lớp hướng dẫn :
 - A. Cách LUẬN-ĐOÁN VẬN-MỆNH theo phương pháp dịch số học
 - B. Cách ĐỘNG-TÍNH theo Bát môn tượng số học.
 - C. Cách TÔ CHỨC, LÃNH ĐẠO theo Thiên nhiên xã hội học
 - D. Cách TU CHỮNG vào CHU BIẾN TRÍ (Trí biết khắp vũ trụ vô hữu) theo Tiên hậu thiên trí tri ý học.
 - E. Cách KHAI VẬT THÀNH VỤ theo Việt-nam khoa dịch lý học
- Mời Quý THIÊN HỌC GIẢ muốn truy tầm và nhận diện chân lý đang thể hiện qua hai mặt Cát-hung, đắc-thất đến ghi tên tại số 194/19E đường Bạch-Đằng/Gia-định từ ngày 6-5-83.

LƯU Ý :

Chi-Hội chỉ thu nhận 10 học viên cho mỗi lớp học.

Cuối khóa, học viên ưu tú sẽ được hướng dẫn thêm cách đo cửa sổ nhà với cây Dịch môn bảo xích của vua Phục-Hy.

Đông-Phương hải

Đạo đức Đông-Phương như bánh lái
Văn-minh ÁU-MỸ tựa cánh buồm
Thuyền nhà có đủ hai vật ấy
Lo gì không vượt Đại-tây-dương.

Hàng vạn bàn tay xiết lại
Hàng trăm khối óc con tim
Người người muốn một
Chung sức làm buồm
Góp hơi làm gió
Đạp sóng loạn cuồng cho «thuyền» ĐẠO xông lên.

Xin rung một hồi chuông
Khua lên tiếng trống
Cho vòm trời Phương-Đông bừng sáng
Ánh nhật quang tỏa vạn muôn hồng.

Như suốt một đêm dài dằng dẵng
Những cơn ác mộng hãi hùng,
Tư-tưởng bất thông
Dị-dồng ý-thức
Trần gian?
Địa ngục?
Thiên đường?
Hàng hàng ngũ gục
Lớp lớp máu tuôn
Không có trái tim
Không còn khối óc
Một đám thiếu thân trong cơn lốc loạn cuồng.

Và hôm nay
Dưới ánh chiếu dương
Vòm trời Đông-Á.
Có những đoàn người đạp sóng xông lên.
Quyết lấy óc tìm đập tan kỳ thị
Xóa bỏ hận thù
San bằng dị biệt
Tiêu-diệt loạn-luân
cho biển « ÁI » rừng . TỪ •
Thơm trái « ĐỪC » hoa «NHÂN»
Trái ĐỪC hoa NHÂN tràn đầy biển ÁI
Trái ĐỪC hoa NHÂN tràn ngập rừng TỪ
Dâng đặc muôn thu
Đã được tạo nên bằng máu THÁNH-LINH
Bằng tim «ĐẠI GIÁC»
Bằng gán, bằng óc tiên hiền
Hằng hằng nhất thể uyên-nguyên.

LÊ-QUỐC-SINH

Từ quyền Lịch sử thành lập đất Việt đền quyền Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-Nam

NGUYỄN-BẠT-TUY

(Tiếp theo)

Những thiếu sót về các chi tiết học — người.

Nhưng phải chăng số-chỉ sọ là điều-cho (data) duy nhất để phân biệt các nòi giống?

Nói chung về các vật-sống, giới vật-hoạt (animal kingdom) chia ra hai phái (grade) : phái đơn-xen¹ (protozoa) và phái phức-xen (metazoa). Trong phái phức-xen có nhiều môn (phyllum) thì môn dây-sống (chordata) có cơ thể hoàn bị nhất và gồm ba hạng (class), trong đó hạng có-vú (mammals) quan trọng hơn cả. Hạng này lại chia ra các cấp (subclass) : con người thuộc hạng có vú (mammals), cấp thú (Eutheria) trong đó họ là thú thú có-vú đẻ-nhau (placental mammals), gọi tắt là thú-nhau.

Cấp thú-nhau lại chia ra nhiều bậc (order) con người, cùng với con khỉ, thuộc vào bậc hầu (Primates).

Trong bậc này có hai mục (suborder) : mục tựa-khỉ (Prosimians) gồm khỉ-cáo (lemurs), khỉ-sóc (tarsiers), v.v. và mục tựa-người (Anthropoidea) gồm con người và phần lớn các khỉ khác. Mục tựa người lại có 5 ngành (family) trong đó người ta thuộc ngành tựa-ngợm (Hominidea), hay rõ hơn ngành-thứ ngợm (subfamily of Homidea) đối với ngành-thứ khỉ-không-đuôi (Simiidae). Đến đây cái sọ không cần thiết cho lắm trong sự phân biệt người với các loài thú, trừ trong việc quan sát cốt-cò.

Nhưng khi ngành chia thành loài (genus), rồi nòi (species), rồi giống (race) thì cái sọ bắt đầu có địa vị quan trọng. Trong nòi người biết (Homo Sapiens) có những nhóm nhỏ gọi là giống, mà muốn phân biệt

1. Phiên âm tiếng Anh *ceel* (Pháp *cellule*) dễ tiện tạo thành những tiếng ghép. Tiếng tế bào mượn của Tàu không nói lên được gì với nghĩa «nhau nhỏ» của nó.

với nhau, nhà học-người phải chú trọng đến những mẫu-nêu nòi-giống (racial types), mà kích thước sọ chỉ là một. Riêng đối với nhà-học cốt-cổ (palae ontologist), vì những phần thân thể người chết còn lại thường chỉ là lông, tóc và xương, nên xương là một dấu tích quan trọng. Trong các thứ xương, cùng với xương chân tay, xương sọ đề được bảo tồn hơn cả, nên cái sọ được coi là bằng chứng quý báu cho sự tìm lại các giống người xưa.

Ông BNL gặp quyền *État actuel de la craniologie indochinoise* và đọc được ít tài liệu về học-người, mà chưa đủ thì giờ để cho những điều mới thấy kịp tiêu hoá, đã tưởng lầm rằng cái sọ là tất cả rồi. Ông không biết rằng đối với người sống những mẫu-nêu nòi giống là số-tổng những nét đặc biệt nhận thấy trong mỗi giống. Càng có nhiều và càng ghi nhận được ở nhiều người, những nét này càng giúp cho sự đối chiếu chính xác hơn. Đó là số-chỉ sọ (cephalic index), số-chỉ mặt (facial

index), số chỉ mũi (nasal index), lông và tóc, màu da, vóc dáng và nhóm máu (blood group). Ngay trong đầu còn có nhiều chi tiết cần được quan sát thêm, như mắt, môi tai.

Nay tôi tạm gác đề-xét xem ta có phải là Mã lai hay không, mà chỉ chú trọng vào sự phân biệt người Việt vira-sọ ở Hoa-Nam với người Glao và người Mã lai ngằn-sọ. Trong sự phân biệt ấy tôi sẽ xét riêng về vóc và nhóm máu, hai nét quan trọng bổ túc và sửa chữa, nếu cần, cho những cách xếp loại theo sọ thấy ở trên.

Về vóc, chiều cao người ta thường được ước lượng từ 1m30 đến 2m cho bên nam, và từ 1m40 đến 1m87 cho bên nữ. Ngoài mức cao thấp đó, con người phải hoặc là những khổng-lồ, hoặc là những tí-hon. Còn trung bình mà nói thì bên nam thường cao từ 1m60 đến 1m69, bên nữ từ 1m50 đến 1m59. Các nhà học người xếp loại các vóc người như sau:

	Nam	Nữ
Rất thấp :	dưới 1m50	dưới 1m40
Thấp :	1m50 — 1m59	1m40 — 1m49
Vừa :	1m60 — 1m69	1m50 — 1m59
Cao :	1m70 — 1m79	1m60 — 1m67
Cao lắm :	trên 1m80	trên 1m68

Với tài liệu về chiều cao người Hoa cho ta thấy rằng họ đều cao vừa với những con số quan trọng hơn ở Hoa Bắc¹:

1. Theo H. Marneffeffe và L. Bezacier, « Les groupes sanguins en Indochine du Nord Institut indochinois », pour l'étude l'homme, *Bulletins et travaux pour 1940* t. 3 (1940). q. 2, tr. 72.

Tài liệu của	Dân Hoa và nơi cư trú	Số người quan sát	Chiều cao trung bình	Loại xếp
Deniker	Hoa-Bắc	54	1m674	Vừa vóc
Deniker	Hoa-Nam	25	1m615	"
Holbé	Hoa-Nam	75	1m625	"

Trái lại, người Giao ta thường có vóc thấp, trừ những trường hợp vừa vừa ở Bắc¹:

Tài liệu của	Dân Giao và nơi cư trú	Số người quan sát	Chiều cao trung bình	Loại xếp
Huard, Bigot	Giao-Bắc	3.323	1m611	Vừa vóc
Madrolle	"	4.000	1,590	Thấp vóc
Deniker	Giao-Trung	35	1,560	"
Olivier	"	50	1,572	"
Ramijean	Giao-Nam	50	1,572	"
Hà Munh Sua	"	755	1,542	"

Cũng như về sọ, về vóc người đất Giao đã cho thấy điều đó: 1m 586. (8)

Giao ta rõ ràng đã không có gì gần với người Hoa-Nam, tức người Việt ở Tàu, để nhận mình là Việt cả. Nếu lấy chiều cao trung bình của tất cả những điều cho về người Giao trên đây thì ta cũng chỉ có một con số dưới 1m 60. Một tài liệu khác của Deniker về 457 người ở khắp

Đó cũng là trường hợp của chiều cao người Nê ở Mã-lai, Xumatra và Thái-lan. Cũng như tài liệu về sọ, tài liệu về vóc dưới đây cho thấy rằng người Hoa Nam không Mã Lai chút nào cả: (9)

Tài liệu của	Dân Nê và nơi cư trú	Số người quan sát	Chiều cao trung bình	Loại xếp
Deniker	Mã-Lai	83	1m586	Thấp vóc
Montandon	Xumatra	?	1,570	"
Deniker	Thái-Lan	150	1,597	"

Ở bài sau ta sẽ nói về các nhóm máu, một đề-xét quan trọng trong sự phân biệt các giống người cùng về những mẫu thuẫn giữa các chi tiết

học-dân và chủ trương của ông BNL.

7.8-9. Theo Georges Olivier và Henri Chagnoux, eds., tr. 281.

trước khi chấm dứt loạt bài này bằng những nhận xét về học-ngữ.

Nguyễn-Bạt-Tuyết
Đalat, ngày 7-9-72

Tái bút về Đam nhĩ

Vừa viết xong bài này thì tôi nhận được báo tặng số 15 của Tòa soạn *Phương Đông* và được đọc bài «Nền văn minh Đam nhĩ» (tr. 244-246) của ông BNL trong số ấy. Vì bài này liên quan đến đề-xét học-người mà tôi đang phân tách với ông, tôi tưởng nên có vài lời ngay.

Ông BNL hỏi «Đam nhĩ là gì?», rồi đáp giùm ta; «Đam nhĩ là tai lòng thông». Ông còn giải thích thêm: «Đó là từ ngữ của Trung hoa, tương đương với *căng tai* của ta trong từ ngữ *cả răng căng tai*».

Có lẽ đây cũng là một «khám phá» mới của ông BNL, theo cách giải thích riêng của ông, cũng như tiếng *Himalaya* là «núi của người Mă-lai», mà tôi đã có đề cập ở *Phương đông* số 16. Thật ra người Trung-hoa, trong các từ điển, vẫn giảng *đam* là:

«nhĩ vạn dã» (*Từ-hải*, tr. 1082-2)

«nhĩ vạn vô luân dã» (*Từ-nguyên*, tr. 1206-5)

«nhĩ đoá một hữu luân quách» (*Vương vãn Ngũ đại từ điển*, số 4, giắc 17155, tr. 203)

Nghĩa là: nói cái tai «choèn-choèn», không có vành tai. Đào duy Anh thiếu chữ này, nhưng Thiều

chứu cũng ghi rõ, tr. 514: «Tai vệt, tai vệt không có vành tai là *đam*».

Phải chăng ông BNL đã hiểu vội tiếng *vạn* (*vụ phạm thiết*), quen đọc lầm là *man*, theo nghĩa «dài, rộng» mà bỏ quên nghĩa «nhỏ xinh»? Dầu ông không có tra sách *Vương vãn Ngũ thi* những tiếng *vô luân* «không vành» thêm vào *vạn* trong *Từ nguyên*, hay cả lời chú thích (trích trong *Thuyết-văn giải tự*) của *Từ-hải*, lẽ ra đã phải cần được bước phiếu lưu của trí tưởng tượng của ông: *nhĩ vô luân quách dã* «tai không vành vậy».

Kể ra ông Bình-nguyên Lộc có biệt tài «kéo dài»:

— Cái vành tai choèn choèn được kéo dài thành cái trái tai lòng thông, để hóa lũng lằng ở cả hai bên má... Tây thi, rồi thành một bài luận tràng giang đại hải về «Nền văn minh Đam nhĩ».

— Dân Mă-lai được nắm cò kéo lên tận nước Sở bên Tàu và sang tận chân cao nguyên Tây-tạng, rồi xuống cả bờ biển Malabà Ấn-độ, để thành một thiên biên khảo dày cộm về «Nguồn gốc Mă-lai» của bao nhiêu sắc dân chưa hề biết Mă-lai là gì.

Chỉ khổ cho bạn đọc và tôi tưởng tượng quá đáng phải theo ông và «mụ diên trong nhà»¹ của ông đến huyệt hơi, từ đông sang tây rồi lại từ bắc xuống nam!

1— Dịch tiếng *la folle du logis* của La Fontaine về chỉ trư,

Tin tức Văn Hóa và Tôn Giáo

Thuyết-trình H.G.V.Đ. tại Huế.

Chiều ngày 25 tháng ba vừa qua, với sự bảo trợ của Thư viện Xaviê Huế, Chi hội phong-trào HUNG-GIÁO VĂN-ĐÔNG tại Huế đã tổ chức một buổi thuyết trình quan trọng, gián tiếp đề ra mắt Chi-hội đang trong giai đoạn thành lập. Thuyết trình viên, L.M. Giáo-sư Hoàng-sỹ-Quý nói về vấn-đề « Phương-Đông có thể làm gì cho một xã hội đương hồi tục». Bài soạn thảo công phu và sau phần thuyết trình có nhiều vị tham gia ý kiến.

Đặc biệt là có sự hiện diện đông đảo, 200 người, hầu hết là thành phần trí thức của cố đô Huế. Người ta nhận thấy có sự hiện diện của Ông Viện-trưởng Viện Đại-học Huế Lê Thanh Minh-Châu chủ tọa, Đại-tá Tham-mưu trưởng đại diện Trung tướng Lâm-quang-Thị, Tư-lệnh phó Quân đoàn 1, ông Khoa trưởng Đại-học Văn-khoa, ông giám-đốc Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật, L.M. Giám-đốc Đại-chủng-viện Xuân-Bích, L.M. Giám-đốc Trung-tâm Xaviê, một số các vị giám-đốc, giáo-sư, nhân sĩ và khá đông sinh viên. Riêng ông Trường-ty Dân vận đã có nhã ý cung cấp phương tiện âm thanh, và ông Giám-đốc Trung-tâm Nguyệt cầm cùng một số giáo sư âm nhạc đến góp vui bằng một chương trình Nhạc Huế với những bản nhạc và ca đặc sắc. Chương trình truyền hình và truyền thanh Huế có nói về buổi thuyết trình này.

Hiện Chi-hội phong trào tại Huế đương kêu gọi sự góp mặt của các nhân sĩ và thanh niên để cùng chung sức phục hồi và phát triển văn hóa đồng phương, tinh thần đạo đức và tôn giáo. Hiện trụ sở tạm thời đặt tại Thư viện Xaviê, và nghe tin đã có một số nhân sĩ và học giả trong mọi tôn giáo sẵn sàng gia nhập.

Tin NGUYỄN-TẮT-KHẨM

Lễ giỗ tổ Hùng-Vương năm Quý-Sửu. Hằng năm, cứ ngày 10-3 Âm-lịch là ngày tưởng-niệm Đức-Tổ Hùng-Vương. Xưa kia, chỉ có miền Bắc là có Đền Hùng thôi, và việc mừng lễ Hùng-Vương không được phổ biến, nhứt là tại miền Nam. Cách đây ba năm, một ỦY BAN VẬN ĐỘNG DỰNG ĐỀN QUỐC TỘC, do Bác-sĩ Ngô-gia-Hi chủ xướng đã được thành lập và được sự ủng hộ của Đức Tổng Giám-mục Saigon, của Cao đài giáo, của nhiều ~~giáo~~ Phật giáo, của đạo Bahai, của cải-thuyết-Truyền, v.v... Lễ giỗ tổ 3 ngày năm 1971 do ủy ban tổ chức, với sự đóng góp của chính quyền và hằng năm hiệp hội, đã là giỗ tổ lớn lao và có tính cách dân chúng tự nguyện thứ nhứt. Năm 1972, chính phủ dành lại việc tổ chức và xin ủy ban hỗ trợ bằng việc rước bài vị từ trụ sở ủy ban (2 bis Đình tiền Hoàng) đến vườn Tao-đàn và tổ chức tế Tổ tại đó. Riêng ủy ban vẫn có lễ tiên thưởng riêng và trại Văn-lang cùng với các cuộc vui ba ngày. Năm nay, ủy ban nhường việc tế cho Hội Đền Hùng, còn riêng mình vẫn có lễ tiên thưởng với đại diện của hàng trăm Tỉnh Quận toàn quốc tới Đình đất. Trại Văn-lang kéo dài ba ngày 11, 12 và 13 tháng tư 1973, với các cuộc vui hát giũng và đồ vật. Ngoài ra, một chương trình do ủy ban phụ trách đã trình bày công việc của ủy ban, nhứt là đã thành lập xong 11 ủy ban

tỉnh, chỉ còn chờ Tổng thống dâng hai quả núi tại Vũng tàu là sẽ thành lập ỦY BAN DỰNG ĐỀN QUỐC TÔ ngay.

Cũng năm nay, rất nhiều hiệp hội và tỉnh quận cũng tổ chức lễ giỗ tổ long trọng.

Cụ Mai-Thọ-Truyền tạ thế.

Cụ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa Mai-thọ-Truyền đã tạ thế ngày 17-4-1973 (15 BA âm lịch). Văn hóa nước nhà đã mất một chiến sỹ phục vụ đắc lực.

Cụ Mai-Thọ-Truyền, bút hiệu Chánh-Trí và Minh-Đức, sinh ngày 1-4-1905 tại miền Nam, Hội trưởng Phật học Việt-nam từ 1955, Chủ nhiệm Từ-quang Tạp chí từ 1955, đệ nhất Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa từ 1968, tác giả nhiều cuốn sách Phật học giá trị.

Hộp Thư

Bạn LÊ-QUỐC-SINH — Đã nhận được Đông Phương Khái — Bài ca trên đá, Bài ca dân tộc, Sẽ dâng Đông phương Khái. Cám ơn.

Bạn HOÀNG-YÊN-SƠN — Đã nhận được Đình gió hú và Trả Lại Trắng Sao. Cám ơn nhiều.

Bạn NGUYỄN-KHA — Đã nhận thi phẩm Buổi Sáng và Chim. đa tạ.

Ô. VÕ QUANG THẮNG, PARIS — Xin cám ơn về cảm tình dành cho Phương Đông. Ý kiến của ông về bài dịch của BS Nguyễn văn Thọ trong P.Đ. 18, chúng tôi sẽ chuyển đến dịch giả. Còn báo, chúng tôi đã bắt đầu gửi.

Sách Báo nhận được

Tòa soạn đã nhận được sách báo gửi tặng sau đây, trân trọng giới thiệu với quý độc giả.

5 CUỘC ĐỐI THOẠI VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO do Nguyễn-văn Hào. 144 trang, giá bán 200đ. Hương-Sen xuất bản. Đây là cuốn sách ghi lại những cuộc đối thoại với các nhân vật Mỹ, Nhật, Việt-nam... về Phật giáo Hòa hảo.

CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN của Lê-hữu-Trác, tức Hải Thượng Lãn Ông, do cụ Định-Ninh Lê-đức-Thiếp dịch, 164 trang.

Đây là cuốn thứ 63 trong bộ HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG TÂM LĨNH gồm 66 quyển. Một đoạn cuốn sách này đã được đăng tải trong Phương Đông 17 và 18.

Tác giả đã được tôn làm « Y-tổ Việt-nam », và dịch giả là đệ nhất Phó Chủ-tịch kiêm Trưởng ban dịch thuật y-thư của tổng-hội Đông y học Việt-nam.

CƠ CẤU VIỆT NHO do Kim-Định viết, Nguồn Sáng xuất bản, 294 trang, giá bán 380đ. Sách gồm ba phần chính : phần nhứt giải nghĩa tại sao gọi là cơ cấu Việt Nho, và nói lên đặc điểm của thứ cơ cấu này, phần hai giải nghĩa và phần ba triết vấn.

SÁCH QUÝ MUỐN BÁN LẠI. Dư một bộ Traité d'acupuncture của Dr. Niboyet ba tập còn mới, giá phỏng định 40.600đ. Ai muốn mua xin hỏi cô Như-Mai, số 9 Nguyễn-Thiếp, Saigon.

Nhà thuốc PHƯƠNG-ĐÔNG
KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y-DƯỢC

THUỐC BỒ
NHẬT VÔ DỊCH

CHINOMOTO

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.

Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô-dịch

Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá Nhật và Việt Nam Đông Dược : M. Yamada, M. Umeda ; Kim Điền.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê văn Duyệt Sài Gòn

Lớp **QUỐC HỌA** HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

Phương pháp cách mạng, học hứng thú, mau tiến tới.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sỹ danh tiếng hướng dẫn :

Thái Tuấn, Nghiêu Đề, Nguyễn-Khai...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Chia làm chín cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Các khóa khai giảng vào tháng 3, 6, 9 năm 73

Ghi Tên Sáng Chúa Nhật, tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Học phí : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng. Lớp chiều trả thêm 300\$

BÉTALGINE

$(B_1 + B_6 + B_{12})$

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp, đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.



Laboratoires TÉVÉTÉ SA

136, Yên-Đổ — Saigon

HI
TRĂNG
I

Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

BỆNH NẤM : Ngoài da — Huyết trắng

NHIỄM-TRÙNG : Vết thương ngoài da — Giải phẫu v.v..

Dùng

ISODINE

PYRROLIDONE IODÉE

THUỐC SÁT TRÙNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN NASA
CHỌN ĐỂ XỬ DỤNG SAU CÁC CHUYẾN BAY APOLLO TỪ
NGUYỆT CẦU VỀ.

DÙNG NGOÀI DA

Cần thêm chi tiết xin hỏi : **LAB. SARGET**

B. P. 2.569 — Saigon



Sirap
BIOFERROL

Cho TRẺ EM và
TRẺ SƠ SINH

- THIẾU MÁU, VỊ ẲN
UỐNG THIẾU THON,
VỊ ĐAU ỒM, BỊ SỐT
RÉT HAY CÓ GIUN
SÁN.
- CHĂM LÓN, BIẾNG ẲN
YẾU, NHƯỢC.
- PHÂN PHỤ BỐ TRONG
SỰ NUÔI DƯỠNG TRẺ,
EM VÀ SƠ SINH

Số 110/QCĐP/13-11-71

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

75, Nguyễn-bình-Khiêm

SAIGON I

Đ.T. 23.805



Tháp chùa
Vĩnh Nghiêm
Saigon



Một nhà thờ Công Giáo, Vọng Các

Công - Ty Bảo - Hiểm

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

Trụ Sở : 17, Công-Trường Lam-Son — SAIGON

Điện - Thoại : 93.444 — 93.445

đảm-nhiệm bảo-hiểm về :

- Hỏa hoạn
- Xe Ô-tô, xe Honda, xe Vespa
- Tai nạn cá nhân lao động
- Du khách
- và học sinh
- Trộm cắp
- Trách nhiệm dân sự các nhà
- Hàng hóa chuyên chở bằng
- thần, xí nghiệp, khách sạn
- đường thủy, bộ và hàng không
- Ghe tàu chuyên chở, ghe tàu đánh cá các loại cận duyên
- và viễn duyên.

PHƯƠNG CHÂM của

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

RỒNG-VÀNG ĐẠI-NAM

- Dân xếp mau lẹ
- Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng
- Quyền lợi của Bảo Viên là quyền lợi của Công Ty.